



TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN
10B Trần Hưng Đạo, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
* Tel: 0235.3862367 * Email: ttqlbtdt@gmail.com

LỜI NGỎ

Thưa quý vị cùng các bạn!

Xuân Mậu Tuất - 2018 đang gõ cửa từng nhà làm cho nhịp sống của những ngày gần Tết trở nên rộn rã, vui tươi, báo hiệu một năm mới với bao hứa hẹn tốt đẹp. Trong không khí ấy, “Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản” số này là món quà nhỏ mà BBT trân trọng gửi đến quý vị và các bạn kèm theo lời chúc năm mới tốt đẹp nhất. Đồng thời, đây cũng là ấn phẩm kỷ niệm 10 năm từ ngày bản tin ra đời (2008-2018).

Năm 2017, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng “Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản” đã cố gắng có sự đổi mới về hình thức, chuyên sâu về nội dung, kịp thời đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và nghiên cứu của nhiều độc giả về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn và phát huy Di sản Hội An. Đạt được kết quả đó chính là nhờ vào sự tham gia của nhiều cây bút và sự cổ vũ nhiệt tình của quý vị và bạn đọc. BBT tin tưởng rằng sẽ nhận được ngày càng nhiều sự cộng tác và trao đổi của quý vị cùng các bạn để “Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản” hữu ích và hấp dẫn hơn.

Trước thềm năm mới Mậu Tuất - 2018, BBT kính chúc quý vị, các bạn cùng gia quyến một năm mới An Khang, Thịnh Vượng, Vạn Sự Như ý!

BAN BIÊN TẬP

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0235.3864625 - 0235.3862946 - 0235.3862367

Fax: 02353.861.779 * Email: ttqlbtdt@gmail.com * Website: hoianheritage.net

*Chỉ đạo nội dung và
Chịu trách nhiệm xuất bản*

Nguyễn Chí Trung

*Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Chịu trách nhiệm nội dung

Trần Văn An

*Phó giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Biên tập

Trần Văn An

Nguyễn Văn Lanh

Phùng Tấn Đông

Võ Hồng Việt

Trương Hoàng Vinh

Phạm Phước Tịnh

Trình bày

Võ Hồng Việt

Lê Thị Ngọc Hương

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm,
tại Công ty cổ phần In – Phát
hành sách và Thiết bị trường học
Quảng Nam. 260 Hùng Vương -
TP. Tam Kỳ. ĐT: 02353.859367
Email: Chebaningnam@gmail.com
GPXB số: /GP-STTTT do Sở
Thông tin và Truyền thông Quảng
Nam cấp ngày /02/2018.
In xong và nộp lưu chiểu tháng
02/2018

Số 01 (41) - 2018

✿ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Chặng đường 10 năm Bản tin – Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản.....3
- Bảo lửa ba ngày tết.....7
- Kỷ vật sống mãi với thời gian.....12
- Về Hội An chơi tết.....5
- Tản mạn về thú chơi câu đối tết của người Việt17
- Ngồi quanh mâm cúng xuân.....21
- Tục lệ kiêng cử ngày tết.....23
- Năm Tuất với những sự kiện liên quan đến di tích ở Hội An.....26
- Hội An mừng vui chỉ số phát triển du lịch và những nỗi lo bền vững.....29
- Nghĩ thêm về câu ca dao xưa.....30
- Một thoáng sông Hoài.....37
- Những bức tranh thiên nhiên trên vách đá phía Đông Cù Lao Chàm.....40
- Vai trò của sông Cổ Cò với thương cảng Đà Nẵng – Hội An trong lịch sử.....43
- Đặng Huy Trứ - Vị quan bố chánh Quảng Nam bàn về nạn hối lộ, tham nhũng.....53
- Hai bài “Ngọc Trần Quyền” trong di sản võ ta ở Hội An.....58
- Xí Mả – Đặc sản phố Hội.....66
- Cafe Chanh.....69
- Thực trạng công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu phố cổ Hội An trong những năm qua, những vấn đề đặt ra hiện nay.....71
- Một vài nhận định về công tác bảo tồn di tích hiện nay.....75

✿ Thông tin tư liệu

✿ Tin tức - Sự kiện

✿ Văn bản pháp quy

✿ Di sản đó đây

CHẶNG ĐƯỜNG 10 NĂM BẢN TIN - THÔNG TIN NGHIÊN CỨU BẢO TỒN DI SẢN

Võ Hồng Việt

Năm Đinh Dậu với bao chuyện buồn, vui dần dần khép lại. Những chồi xanh đang cựa mình rũ bỏ chiếc áo úa vàng, từng tia nắng ấm áp bùng lên khắp đường làng ngõ phố. Xuân mới Mậu Tuất với bao hứa hẹn tốt đẹp dường như đang gõ cửa từng nhà. Những ngày cuối năm nhịp sống thêm hối hả, tất bật hơn, song khoảng thời gian này cũng là dịp để mọi người tĩnh tâm nhìn lại chặng đường đã đi qua, nhìn lại chính mình để chuẩn bị cho những dự kiến, những ước vọng mới tốt đẹp hơn cho năm mới và cả tương lai.

Cách đây 10 năm, vào quý 2 năm 2008, Bản tin của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (nay là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An) chính thức ra mắt quý độc giả số đầu tiên. Mục đích ra đời ban đầu của đưa con tinh thần này là nhằm tạo nên một diễn đàn trao đổi thông tin nghiệp vụ để cán bộ, viên chức và người lao động trong Trung tâm nâng cao nhận thức về lịch sử - văn hoá Hội An và tăng

cường khả năng thực thi nhiệm vụ, đồng thời cũng bổ sung nguồn dữ liệu lưu trữ phục vụ lâu dài cho công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy di sản Hội An. Còn nhớ ngày ấy, trong bước đi chập chững đầu tiên, Bản tin đã được quý độc giả đón nhận với bao niềm mong đợi cùng những lời chúc mừng, cổ vũ đầy tâm huyết đã động viên tinh thần, tiếp thêm niềm tin cho những người thực hiện tiếp tục công việc với nỗ lực hết mình.

Đến nay, trải qua 40 số, từ số đầu tiên (số 01-2008) đến số 04 (40) - 2017, Bản tin đã có sự trưởng thành, phát triển về lượng lẫn chất. Sự trưởng thành, phát triển ấy được thể hiện ở nội dung ngày thêm đa dạng, phong phú, hàm lượng khoa học ngày càng chuyên sâu, hình thức đổi mới có sức hấp dẫn, thẩm mỹ và ấn tượng hơn. Bản tin, hình thức đầu tiên là khổ 18 x 26cm, bìa in trắng đen trên giấy màu vàng nhạt, ruột in trắng đen với độ dày 40 trang. Từ số 03 - 2008 đến số 04 (32) - 2015, bìa bằng giấy couche được in màu nên thẩm mỹ hơn, tuy vậy hình thức lại giống nhau qua nhiều số do in một mẫu bìa để dùng nhiều lần dẫn đến sự nhầm chán, ruột được in trắng đen có tăng dần về số lượng trang nhưng không ổn định, có lúc 48 trang rồi lên 64 trang, có khi cả 100 trang. Số 01 (33) - 2016 đánh dấu bước thay đổi quan trọng

về hình thức bìa gắn với tên gọi mới là Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản. Những băng màu cố định của bìa có tông màu đỏ sậm, hình bìa trước và bìa sau thay đổi phù hợp với nội dung qua từng số, hình bìa trước được thiết kế với hình vẽ nét mực màu đen trên nền giấy dó màu vàng nhạt mang tính truyền thống, tạo cảm giác nhẹ nhàng, ấm áp. Cùng với sự thay đổi này là sự tăng kích thước khổ in lên cỡ 19 x 27cm, ruột tuy vẫn in màu trắng đen nhưng số lượng trang ổn định ở số 100 trang. Đi đôi với sự hoàn thiện về hình thức và tên gọi là chất lượng ngày càng được nâng cao, nội dung thêm phong phú, bố cục từng bước hoàn chỉnh. Từ bố cục ban đầu với 3 mục chính là Trao đổi chuyên môn - nghiệp vụ, Tin tức - sự kiện và Bạn cần biết, đến số 01 (13) - 2013, mục Bạn cần biết được chia thành

2 tiểu mục là Văn bản pháp quy và Di sản đó đây. Để cung cấp những thông tin, tư liệu phục vụ nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử - văn hóa Hội An, từ số 03 (31) - 2015, bố cục bản tin được bổ sung thêm mục Thông tin tư liệu ở vị trí tiếp theo sau mục Trao đổi chuyên môn - nghiệp vụ. Rồi đến số 01 (33) - 2016, bố cục tiếp tục được điều chỉnh

với 5 mục chính gồm: Trao đổi chuyên môn - nghiệp vụ, Thông tin tư liệu, Tin tức - sự kiện, Văn bản pháp quy và Di sản đó đây. Ở mục Trao đổi chuyên môn - nghiệp vụ, số lượng bài tăng dần qua từng số. Cùng với đó là nội dung cũng đa dạng hơn, chuyên sâu hơn. Sự kết hợp với hình ảnh ở mục Tin tức - sự kiện làm cho việc chuyển tải thông tin của sự kiện đến độc giả được đầy đủ và sinh động.

Trải qua chặng đường 10 năm với 3



lần thay đổi tên gọi, Bản tin - Bản tin Bảo tồn Di sản - Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản đã giới thiệu đến quý độc giả nhiều di sản thế giới ở Việt Nam và quốc tế; đã thông tin nhiều văn bản quy phạm pháp luật ở Trung ương cũng như ở địa phương đến người dân và cán bộ công chức giúp việc quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa thế giới Hội An đúng luật và hiệu quả; đã

cập nhật được biên niên sự kiện về văn hóa - xã hội nói chung, về công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nói riêng diễn ra trên địa bàn thành phố Hội An hoặc có liên quan đến Hội An trong vòng 10 năm qua. Với 40 số xuất bản đã đăng tải được 477 bài nghiên cứu trong mục Trao đổi chuyên môn - nghiệp vụ. Như vậy, mỗi số xuất bản trung bình từ 11 bài nghiên cứu trở lên. Với một bản tin nội

bộ mà đạt được những con số nêu trên thì quả là điều không dễ. Những con số ấy đã chứng minh một điều là, ngoài nỗ lực của những người thực hiện, chính bản thân nó đã thực sự trở thành diễn đàn - một môi trường tương tác hấp dẫn. Những bài nghiên cứu trong Bản tin - Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản có nội dung phong phú, bao hàm về lĩnh vực địa lý - sinh thái - văn hóa, lịch sử, tôn giáo, khảo cổ, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, công tác bảo tồn, bảo tàng... Bên cạnh góp phần vào việc nhận diện chân rõ các giá trị vị thế địa lý, lịch sử - văn hóa Hội An, nội dung của những nghiên cứu đã cung cấp các thông tin mới mẻ và lý thú, kịp thời và chính xác góp phần để công tác bảo tồn, phát huy di sản Hội An càng ngày thêm nhiều kết quả mới, hiệu quả thực thi nhiệm vụ của Trung tâm được nâng cao.

Có thể thấy, trong chặng đường 10 năm, Bản tin - Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản đã từng bước khẳng định được chỗ đứng và tính hữu ích của mình, góp phần để Trung tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao. Quá trình phát triển của Bản tin - Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản vừa thể hiện kết quả phát triển của đơn vị, song đồng thời cũng tạo nên môi trường nuôi dưỡng những nhân tố mới để đơn vị tiếp tục phát triển, vươn lên tầm cao mới, đáp ứng được những yêu cầu, tính chất của công việc trong bối cảnh mới năng động, nhiều thời cơ nhưng cũng lắm thách thức. Với tính chất là bản tin nội bộ nhưng diễn đàn này đã thu hút sự tham gia ngày càng nhiều đội ngũ người viết trong và ngoài đơn vị, góp phần làm nên

sự đa sắc của bản tin. Qua diễn đàn này, những cây viết trẻ của đơn vị ngày thêm trưởng thành với các bài viết có hàm lượng khoa học chuyên sâu, câu chữ chững chạc,... đã tạo nên được lực lượng nòng cốt đang độ sung sức để Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản vững tiến lên tầm cao mới.

Sức hấp dẫn, hữu ích và chỗ đứng của Bản tin - Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản được thể hiện ở chỗ ngày càng chiếm được tình cảm của quý độc giả; sự ghi nhận và động viên của lãnh đạo thành phố và các nhà khoa học; sự hiện diện trang trọng trong tủ sách gia đình của cán bộ công chức trong và ngoài đơn vị cũng như của những nhà nghiên cứu và người yêu mến văn hóa Hội An. Những thông tin nghiên cứu trong diễn đàn này đã cung cấp nhiều ý tưởng, nội dung cho báo, đài để thực hiện những phóng sự, những thước phim tư liệu, phim quảng bá về di sản văn hóa thế giới Hội An. Trên giá sách lưu trữ của Trung tâm, số lượng Bản tin - Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản dài thêm dần qua từng quý, trở thành nguồn dữ liệu lưu trữ vô cùng quý về lịch sử - văn hóa Hội An. Một điều có thể chắc chắn là nó sẽ trang trọng nằm trong danh mục tài liệu tham khảo của những nhà khoa học khi nghiên cứu về lịch sử - văn hóa Hội An. Đến nay, khối lượng tin tức - sự kiện được đăng tải trong Bản tin - Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản là khá đồ sộ, tạo nguồn dữ liệu phong phú, chân xác để xây dựng một biên niên sự kiện về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An trong một thập kỷ qua. Nguồn dữ liệu này cũng không ít

lần “*cứu nguy*” cho nhiều người khi nghi vấn hay thắc mắc về ngày tháng, địa điểm, diễn biến của một sự kiện về hoạt động bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Hội An.

Nhìn lại chặng đường 10 năm qua chúng ta cũng nhận thấy rằng, dù đã có những đổi mới, phát triển song tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản hiện nay vẫn chưa bắt kịp với yêu cầu của thời đại, chưa phát huy hết nguồn lực vốn có của đơn vị, địa phương Hội An. Dù nội dung đa dạng hơn, hàm lượng khoa học được nâng cao nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Dễ dàng nhận thấy là những bài nghiên cứu chuyên sâu về kiến trúc chưa nhiều dù cũng đã cố gắng thực hiện được hai số chuyên đề về đình làng và hội quán. Nhiều vấn đề liên quan đến di sản kiến trúc ở Hội An đang đặt ra một cách cấp thiết cần được nghiên cứu, nhận diện, khái quát để giúp cho việc tu bổ, phục hồi các di tích kiến trúc ở địa phương chuẩn xác hơn về tính khoa học vẫn chưa

thấy xuất hiện. Tính chuyên sâu, định hướng của các bài viết vẫn còn thiếu và yếu.

Năm Mậu Tuất - 2018 là năm kỷ niệm 10 năm thành lập thành phố Hội An (2008 - 2018) cũng chính là mốc dấu mở ra một chương mới của thành phố Hội An trên con đường phát triển theo định hướng “*Thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch*”. Tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản của chúng ta cũng vậy. Số xuân Mậu Tuất mà chúng ta đang cầm trên tay cũng chính là ấn bản đánh dấu mốc phát triển mới đầy hứa hẹn cho tương lai tốt đẹp với vai trò là diễn đàn nghiên cứu, trao đổi và thông tin tư liệu của cán bộ viên chức Trung tâm và hội viên của Chi hội Văn nghệ Dân gian Hội An và Chi hội Khoa học lịch sử Hội An, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Thành phố.

Năm mới, chắc chắn tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản của chúng ta sẽ có những thành tựu mới ♦



BẢO LỬA BA NGÀY TẾT

Nguyễn Văn Lanh

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ thị xã, quân và dân Hội An đã nỗ lực phi thường, đem hết tinh thần và lực lượng để thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng về Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 trên toàn miền Nam. Với tinh thần *“Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!”*, *“Tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược!”*, quân và dân Hội An đã lập nên những chiến công xuất sắc góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc trong một mùa xuân lịch sử

Những ngày giáp Tết ...

Trong 2 ngày 14 và 15 - 12 - 1967, tại *“căn cứ lõm”* vùng cát Thăng Bình, Thị ủy Hội An mở hội nghị cán bộ chủ chốt toàn thị xã để gấp rút triển khai thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng về Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 trên toàn miền Nam. Hội nghị quyết định *“tổng động viên chính trị”* với khẩu hiệu *“Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến thắng, tất cả để giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân!”*. Ngọn lửa cách mạng đang đến hồi *“khơi bốc”*! Hội An cùng miền Nam chuẩn bị bước vào trận đánh lịch sử!

Lực lượng vũ trang thị xã được tăng cường quân số và trang bị. Ngoài đại đội bộ binh (C1), Thị đội khẩn trương thành lập thêm đại đội đặc công

(C2). Du kích mật ở các vùng địch tạm chiếm và du kích thoát ly ở vùng giải phóng của các xã được bổ sung. Các tổ biệt động lót sâu vào Sơn Phong, Minh Hương, Cẩm Phô để xây dựng lực lượng tự vệ mật. Bộ Tư lệnh Mặt trận 4 - Quảng Đà tăng cường hai tiểu đoàn bộ đội bộ binh (D2 và D3) về đóng ở vùng đông Duy Xuyên chuẩn bị phối hợp tác chiến, tấn công vào nội ô Hội An.

Bộ máy chỉ đạo đấu tranh chính trị được kiện toàn bao gồm cán bộ hợp pháp và bất hợp pháp, tổ chức chặt chẽ, từ chỉ huy chung đến chỉ huy vùng, chỉ huy mũi, liên lạc, binh vận, trinh sát, xung kích, nòng cốt. Đến ngày 10 - 1 - 1968 đợt *“Tổng động viên chính trị”* trong nhân dân đã hoàn thành, thực hiện mệnh lệnh *“nắm dân như nắm quân”*. Lực lượng chính trị của quần chúng ở các vùng nông thôn biên chế thành các tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn, từng cánh, từng mũi được các cán bộ có kinh nghiệm chỉ huy. Ở các bến xe, bến đò, chợ, nhà thương, trường học... trong nội ô đều xây dựng đầu mối cơ sở và thành lập các tổ huy động quần chúng.

Để đảm bảo công tác hậu cần cho chiến dịch, Hội đồng cung cấp tiền phương của thị xã cử cán bộ thường trực và nhân viên đứng các trạm Xuyên Long, Nồi Rang, thôn 1 Cẩm Thanh,



Sơ đồ tấn công phục vụ chiến dịch Xuân Mậu Thân năm 1968, của liệt sĩ Ngô Khuê, trưng bày tại Bảo tàng Hội An

Cẩm Châu, Cẩm Hà, Cẩm An bí mật mua đường sữa, lương thực và các nhu yếu phẩm khác. Hàng chục tấn gạo lần lượt được chuyển từ vùng địch chiếm đóng ra chôn giấu ở An Bàng, Trà Quế, Xuyên Thọ để sẵn sàng tiếp tế cho bộ đội. Hàng trăm hầm bí mật, công sự, ghe thuyền và lực lượng dân công được chuẩn bị chu đáo phục vụ chiến trường.

Theo kế hoạch, cuộc tổng tấn công và nổi dậy của quân và dân miền Nam sẽ diễn ra vào đêm 30-1-1968, nhưng đến ngày này, Đặc khu ủy Quảng Đà và Bộ Tư lệnh Mặt trận 4 nhận được lệnh hoãn nổ súng, chuyển sang đêm 31-1-1968. Do lệnh quá gấp mà chiến trường lại chia cắt

nên không thể thông báo kịp về các địa phương. Do đó, cuộc tổng tấn công và nổi dậy của quân và dân Quảng Đà vẫn nổ ra vào đêm 30 rạng ngày 31-1-1968.

Tại Hội An, đêm 30 - 1, các lực lượng vũ trang từ Duy Xuyên bí mật hành quân qua Cẩm Thanh tập kết vào Xóm Chiêu (Cẩm Châu) và Trà Quế (Cẩm Hà). Sở chỉ huy chuyển vào Trường Lệ, gần các mục tiêu tấn công. Gần 1.000 quân chúng từ các vùng nông thôn được rầm trước ở nội ô, sẵn sàng tiếp ứng. Lực lượng chính trị từ các xã, đội ngũ chặt chẽ, lạng lẽ hành quân về tập kết ở điểm cuối cùng chờ lệnh hành động.

Đúng 2 giờ 40 phút ngày 31-1-1968 (đêm giao thừa Tết Mậu Thân), cuộc tổng tấn công và nổi dậy của quân và dân Hội An bắt đầu. Mở màn cho trận đánh là 2 tiểu đoàn bộ đội tinh tấn công vào vị trí địch ở hướng đông bắc nội ô. Chiến sự ở đây diễn ra ác liệt. Địch dựa vào hệ thống bố phòng, công sự kiên cố, huy động tối đa các loại hỏa lực đánh trả các đợt xung phong của quân ta. Sau 2 giờ tấn công, quân ta đã phá được 11 lớp rào và mở được cửa tiến vào khu công binh và trại Chi Lăng. Các đại đội bộ binh tiếp tục triển khai đánh địch trong các căn nhà. Đến 5 giờ sáng, quân ta đã chiếm lĩnh hoàn toàn trận địa, bắt sống 150 tù binh, song lực lượng của ta cũng thương vong khá nhiều. Bộ đội tiếp tục tổ chức 2 mũi phát triển về phía bắc,

đánh vào tiểu khu Quảng Nam. Hỏa lực của địch ở các vị trí phòng thủ như đồn công an và lô cốt xung quanh tiểu khu bắn trả quyết liệt, đồng thời huy động trực thăng và xe tăng bắn vào đội hình quân ta ở khu công binh và Chi Lăng gây cho ta thêm một số tổn thất. Bộ đội không thể tiến lên được nên phải chuyển sang thế phòng ngự ở các vị trí đã chiếm, chuẩn bị đánh địch phản kích.

Khi chúng ta đánh địch ở khu công binh, Chi Lăng, thì đại đội 1 của thị xã đã làm chủ hoàn toàn Cẩm Nam. Quân chúng ở đây nổi dậy phá banh khu đồn, bọn nguy quân, nguy quyền bỏ chạy về nội ô. Du kích Cẩm Kim đánh vào ấp Thanh Đông và khu Trung tâm Chiêu hồi. Du kích Cẩm Châu diệt gọn 1 toán địch ở Trường Lệ, thu được 7 súng. Du kích Cẩm An cùng lực lượng quần chúng phá khu đồn, bao vây đồn cầu Phước Trạch đưa tối hậu thư buộc địch nằm im chờ lệnh. Du kích Cẩm Thanh chặn đánh bọn hải thuyền từ Cửa Đại lên chi viện, buộc chúng phải quay lui. Lực lượng chính trị của quần chúng gồm 11.850 người từ nhiều mũi, nhiều cánh mang theo gậy gộc, dao rựa, cờ băng tiến thẳng vào nội ô. Khi các mũi đấu tranh chính trị tiến đến vùng ven chuẩn bị vào thành phố thì các mũi tiến công quân sự của ta đã chuyển sang thế cầm cự.

Ở cánh Bắc lực lượng được chia làm 3 mũi: Mũi thứ nhất từ Cẩm An và thôn Trà Quế (*Cẩm Hà*) với gần 100% dân số tham gia tiến vào Hồ Bà Thiên, Xóm Mới. Đến Trường Lệ, đoàn quân bị địch chặn đánh song vẫn anh dũng xông lên. Chị Võ Thị Liễu tổ trưởng tổ xung

kích mang tối hậu thư xông vào lô cốt địch đề nghị không được bắn vào nhân dân, bị trúng đạn nhưng vẫn cầm tối hậu thư xông lên hô to “*đồng bào cứ tiến lên*” và anh dũng hy sinh¹. Địch gọi máy bay đến ném bom vào đội hình ta làm chết và bị thương nhiều người. Mũi thứ hai gồm quần chúng cách mạng Điện Dương, Điện Hải, Cẩm Hà tiến vào nội ô theo hướng chùa Thanh Minh. Khi đoàn người tiến vào đến khu vực Tư Quờn, địch trong 2 lô cốt bắn xối xả chặn đội hình ta giữ cồn cát trống trải, lực lượng xung kích và nòng cốt xông lên mở đường nhưng đều bị hy sinh. Địch đưa lực lượng ra ngăn cản và xả đạn vào đoàn người biểu tình. Mũi thứ ba, từ

¹ Nhà thơ Vũ Minh có bài thơ tưởng nhớ chị Võ Thị Liễu với tựa đề “Đôi tay đôi cánh”:

Em xông tới trước như bay
Một tay biểu ngữ, một tay cầm cờ
Lòng em như sóng vỗ bờ
Dang đôi cánh lớn phất cờ tiến quân
Nghìn năm mới có một lần
Đôi tay ấm nắng mùa Xuân ban đầu
Đôi tay cuốc đất trồng rau
Vườn rau Trà Quế một màu xanh tươi...
Giặc Mỹ đến bắt người hàng loạt
Gót giày dính xéo nát vườn rau
Nhà thiêu, cây cỏ héo xầu
Mẹ cha bị giết, lòng đau như giã
Đề tang, vuốt mắt hai lần
Cầm thù giặc Mỹ tím bầm ruột gan !
Xuân khởi nghĩa vũ trang nổi dậy
Đôi cánh tay bỗng thấy bay lên
Giữa bom lửa đạn vang rền,
Tay người vút thẳng mũi tên lao vào
Người trước ngã, người sau xốc tới
Giành trọn mùa Xuân mới về tay
Tiếng hô từ trái tim này
Truyền thêm sức mạnh đôi tay phá kim
Một ngày đôi mấy nghìn đêm
Tự do tung cánh như chim sổ lồng
Máu loang tay trái đỏ hồng
Trọng thương, Liễu vẫn không buông lá cờ
Truyền đơn gió lượn từng tờ
Như con én liệng báo mùa xuân sang.

Cầm Châu tiến theo hướng Trường Lệ, Xóm Mới, miếu Ông Cọp thì bị địch ở các lô cốt, pháo đài 12 xả đạn như mưa và gọi máy bay đến ném bom. Nhiều xung kích, nòng cốt của các mũi hy sinh, trong đó có mẹ Nguyễn Thị Thuận dẫn đầu đoàn quân cầm “*tối hậu thư*” xông lên bị trúng đạn, trước lúc hy sinh, vẫn cố gượng dậy hô vang “*đồng bào hãy tiến lên - giành cho được chính quyền về tay nhân dân!*”.

Cánh phía Nam gồm lực lượng của các xã Bình Giang, Bình Đào, Bình Dương, Bình Triều (*Thăng Bình*), Xuyên Thái, Xuyên Thọ, Xuyên Tân, Xuyên Phước, Xuyên An (*Duy Xuyên*) và Cầm Kim, Cầm Nam (*Hội An*) sau khi đã hoàn toàn làm chủ Cầm Nam tiếp tục dùng ghe thuyền vượt sông Hội An để tiến vào nội ô Thị xã. Đại đội biệt kích trại Tây Hồ đặt trung liên và đại liên nhằm vào các ghe chở đoàn quân xả đạn liên tiếp, đồng thời gọi pháo bắn tới tấp vào đội hình của ta ở Xuyên Trung, Hà Trung (*Cầm Nam*). Nhiều người trúng đạn, đa số nòng cốt và xung kích đã hy sinh.

Cánh quân phía Đông từ Cầm Thanh tiến lên theo đường Cồn Chài, vừa đến vùng ven Sơn Phong thì bị bọn lính ngự ở đồn Trường Giang, Tây Hồ bủa quân ra chặn đường, đàn áp ác liệt, ta thương vong nhiều, số đông xung kích bị địch vây bắt. Ở cánh phía Tây, lực lượng quân chúng

cách mạng Điện Thành, Điện Nam và vùng thôn 7 Cầm Hà tiến theo đường Lai Nghi - Hội An, đến gần bến xe bị địch bủa quân bao vây cắt đường. Hầu hết xung kích, chỉ huy cánh quân bị địch bắt.

Trong khi đó, suốt buổi sáng ngày 31 - 1 - 1968 (*mùng Một Tết*), quân ta vẫn giữ vững trận địa chiếm lĩnh khu Công binh và Chi Lăng, đẩy lùi các đợt phản kích của địch. Đến trưa xe tăng và bộ binh Nam Triều Tiên đang càn quét ở vùng đông Duy Xuyên khẩn rút về Tân Thành, An Bàng (*Cầm An*) chuẩn bị tiến sang Trà Quế và An Mỹ, đây là những địa bàn hậu cứ của chiến dịch. Trước tình hình nêu trên, nếu chúng ta tiếp tục giữ trận địa thì không những không tiến lên được mà có nguy cơ bị bao vây tiêu diệt. Để bảo toàn lực lượng, tiểu đoàn 2 và sở chỉ huy chiến dịch rút về Trà Quế, tiểu đoàn 3 rút về Xóm Chiêu bố trí trận địa.

Lực lượng quân chúng khởi nghĩa được lệnh chuyển sang làm nhiệm vụ tiếp tế hậu cần, tải thương, giải quyết chiến trường, phục vụ cho bộ đội rút



Đội quân chính trị học tập chuẩn bị cho Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân - 1968, ảnh trưng bày tại Bảo tàng Hội An

quân. Trong bom đạn ác liệt, đồng bào huy động mọi lực lượng và khả năng có được để tổ chức chôn cất liệt sĩ, tham gia vận chuyển thương binh về nuôi giấu trong các hầm bí mật của gia đình. Ngay vùng sát nách địch như Trường Lệ nhân dân nuôi giấu thương binh ở trong hầm bí mật, chôn cất 24 liệt sĩ. Ở Trà Quế, nhân dân tổ chức mai táng 37 liệt sĩ một cách chu đáo và chăm sóc 120 thương binh, phân chia mỗi nhà đảm nhận nuôi dưỡng 3 ca thương binh. Số thương binh nặng được bố trí chuyển về vùng hậu cứ Cẩm Thanh và Xuyên Thọ ngay trong đêm để có điều kiện điều trị kịp thời. Lực lượng khởi nghĩa do các xung kích chỉ huy tiếp tục chuẩn bị phương án đấu tranh chính trị khi địch càn quét, thà chết bảo vệ thương binh đến cùng.

Tại An Mỹ, quân ta triển khai đội hình chuẩn bị sẵn sàng đánh địch phản kích, chưa kịp đào công sự thì mờ sáng ngày 01 tháng 02 năm 1968, pháo địch từ Lai Nghi bắn dồn dập và máy bay vòng lượn nã rốc két, lựu đạn cay vào đội hình quân ta. Đến 7 giờ sáng tiểu đoàn Nam Triều Tiên bắt đầu tấn công. Trận chiến xảy ra quyết liệt, địch bao vây bốn bề, liên tục mở nhiều mũi, nhiều đợt tiến quân ào ạt. Tiểu đoàn 3 của tỉnh cùng với đại đội 2 của thị xã và du kích được nhân dân tiếp tế tận tình, dựa vào các lũy tre làng đẩy lùi từng đợt xung phong của địch, diệt hơn 100 tên. Cả ngày không chiếm được An Mỹ - Xóm Chiêu, lại bị tổn thất nặng nề, đến 15 giờ chiều, quân Nam Triều Tiên phải 3 lần giương cờ hồng thập tự, xin lấy xác đồng

bọn rồi rút lui. Cánh quân Nam Triều Tiên ở An Bàng và Tân Thành định đánh qua Trà Quế nhưng thấy đồng bọn bị thất trận thảm hại ở Xóm Chiêu, thêm vào đó cơ sở ta đấu tranh binh vận nên chúng phải hoãn binh. Đến tối, các tiểu đoàn bộ đội ta rút khỏi Xóm Chiêu về vùng căn cứ Cẩm Thanh và đông Duy Xuyên.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ thị xã, quân và dân Hội An đã nỗ lực phi thường, đem hết tinh thần và lực lượng để thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng với tinh thần *“Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!”*, *“Tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược!”*. Qua đợt tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, ta đã tiêu diệt 625 tên địch (trong đó có 125 tên Nam Triều Tiên), bắt sống 107 tên, thu 81 súng các loại, phá hủy 3 pháo 105mm, bắn cháy 1 xe Jeep, 3 xe bọc thép M113, phá hủy 50 xe vận tải, chiếm giữ một số vị trí quan trọng của địch ở nội ô suốt hơn một ngày. Với những thành tích đó, quân và dân Hội An được Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng Trung Trung bộ tặng Huân chương Quân công hạng nhì. Các xã Cẩm Châu và Cẩm Thanh được tặng Huân chương giải phóng hạng nhất. Các xã Cẩm Hà, Cẩm An được tặng Huân chương giải phóng hạng nhì và nhiều đơn vị, địa phương, cá nhân được tặng thưởng những danh hiệu cao quý khác¹ ♦

¹Hồ sơ khen thưởng đợt tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 của thị xã Hội An, tài liệu lưu trữ.

KỶ VẬT SỐNG MÃI VỚI THỜI GIAN

Lê Thị Tuấn

Chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã ghi vào lịch sử dân tộc những trang sử đầy oai hùng. 50 năm qua, đất nước có biết bao đổi thay, phát triển, song những câu chuyện, hình ảnh, hiện vật liên quan đến chiến dịch này vẫn sống mãi với thời gian. Hiện nay, tại Bảo tàng Hội An lưu giữ và trưng bày trang trọng không ít hiện vật liên quan đến chiến dịch nói trên. Đó là những bằng chứng sống động thể hiện tinh thần chiến đấu anh dũng, mưu trí, sáng tạo của quân - dân Hội An trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy vào Tết Mậu Thân 1968 nói riêng, trong sự nghiệp cách mạng, đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà nói chung.

Đó là Bản mật danh, mật mã của đơn vị Q 80. Nội dung bản mật danh, mật mã quy định tên gọi các địa phương là những chữ số: Cẩm Hà là 102, Cẩm An là 103... hoặc những tên gọi mang ý nghĩa khát khao, quyết tâm đạt mục tiêu của cách mạng như Xuyên Long là Kiên cường, Bình Dương là Dũng cảm, Bình Đào là Tiến lên. Bản mật danh, mật mã này nhằm đảm bảo bí mật về nội dung công văn, báo cáo,... trong quá trình chỉ

đạo, nắm bắt tình hình để lên phương án mở chiến dịch năm 1968.

Hiện vật khác cũng được nhiều du khách quan tâm đó là Truyền đơn của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Quảng Nam - Đà Nẵng kêu gọi công chức, cảnh sát, hội tề trong chính quyền Sài Gòn hãy thức tỉnh trước thời cuộc quay về với chính quyền cách mạng. Truyền đơn có đoạn viết:

“...Giờ thắng lợi đã điểm, ngày toàn thắng đã đến tận nơi rồi!

Mỹ suy, nguy rồi, phân tán thắng sẽ thuộc về nhân dân và quân đội giải phóng.

Các bạn hãy dừng cảm hành động ngay! Sống hay chết tùy các bạn xử trí.

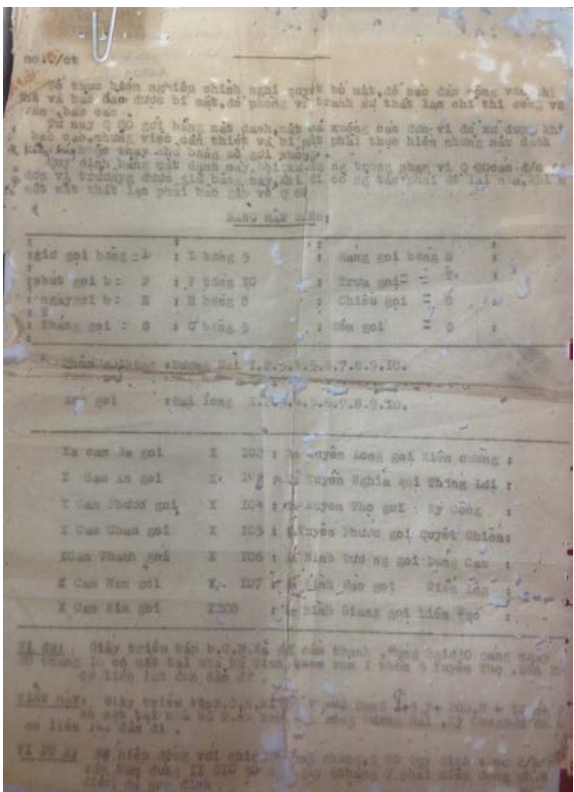
Sứ mạng của Tổ Quốc đang hứa hẹn nhiều ở các bạn!”.

Từ những lá truyền đơn này cùng với những mưu lược công kích, khởi nghĩa giành thắng lợi đã gây nên một chuyển biến tư tưởng mạnh mẽ trong hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền. Nhiều người đã quay trở về với cách mạng, với nhân dân. Truyền đơn được đồng chí Nguyễn An - Phó Ban an ninh năm 1968 cất giữ và tặng cho Bảo tàng Hội An.

Một hiện vật không kém phần quan trọng trong số những hiện vật được trưng bày tại Bảo tàng Hội An đó là Sơ

đồ Lao xá Hội An do cơ sở vẽ và bàn giao cho Ban An ninh Hội An năm 1967 để chuẩn bị cho chiến dịch Mậu Thân năm 1968. Bản sơ đồ vẽ tay bằng mực xanh trên giấy Pơ luya mỏng, sơ đồ vẽ vị trí Lao xá Hội An và những vị trí trọng yếu xung quanh.

Một trong số những hiện vật được đông đảo du khách quan tâm đó là chiếc ghe của Anh hùng Lê Văn Đức, quê xã Cẩm Thanh. Dưới vỏ bọc phụ giúp gia đình đánh cá, đồng chí Đức đã cùng gia đình sử dụng chiếc ghe này để vận chuyển cán bộ, tài liệu, vũ khí cho cách mạng. Trong chiến dịch Mậu Thân, vào tháng 5 năm 1968, đồng chí Đức nhận nhiệm vụ chuyển tài liệu, vũ khí và xây dựng đường dây giao liên từ vùng địch ra vùng giải phóng (*bấy giờ là Cẩm Thanh*). Vào một đêm tối trời, đồng chí Đức cùng con trai Lê Văn Nhựt đem tài liệu là những sơ đồ, đồn bót và 20 quả lựu đạn do cơ sở nội tuyến của đồng chí Đức cung cấp để chuyển cho cơ sở của ta nghiên cứu tấn công địch. Khi đồng chí Đức vừa bước xuống ghe thì bị một tiểu đội của Trung Đoàn 51 vây bắt. Biết mình lọt vào ổ phục kích của địch, đồng chí Đức vẫn bình tĩnh tiếp tục cùng con đẩy ghe ra bến giả vờ đi đánh cá. Thế là súng nổ, bọn địch bắn xối xả xuống ghe, đồng chí Đức bị thương ở tay và bụng, máu ra lai láng nhưng vẫn tỉnh táo rút hết tài liệu đang giấu trong người rồi cột vào 20 quả lựu đạn chìm xuống lòng sông và nói “*Con cứ chèo vào bờ, đừng sợ!*”. Bọn địch ào xuống lục soát nhưng không có gì cả. Đồng chí Đức và con trai phản đối chúng bắn phá dân lành đi đánh cá, đấu tranh buộc chúng phải đưa đồng chí vào bệnh viện băng bó, cứu chữa và bồi



Bản mật danh, trưng bày tại Bảo tàng Hội An

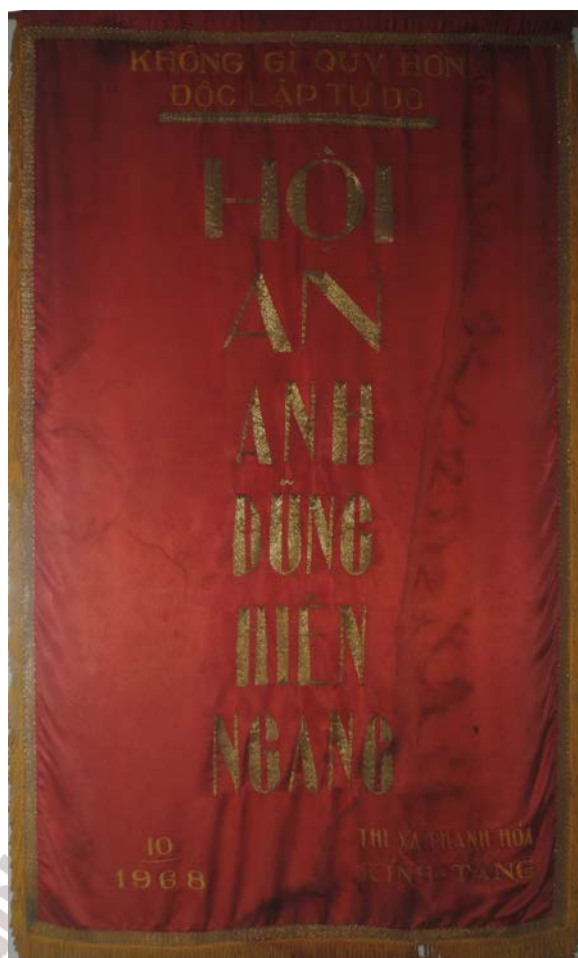
thường. Trên đường đến bệnh viện, dù bị thương nặng, nhưng đồng chí Đức vẫn miên man suy nghĩ vị trí để phục kích địch, đó là bờ tre quanh bến cá. Đêm đó nằm tại bệnh viện, suy nghĩ duy nhất của đồng chí Đức vẫn là tìm cách diệt địch tại bờ tre này, nên sáng hôm sau, vợ con vào thăm, đồng chí đã căn dặn vợ con về gài 2 quả mìn tại bờ tre, bảo anh em du kích khi phát hiện địch thì bắn một loạt, thế nào chúng cũng nhảy vào bụi tre để tránh, cứ thế mà bằm mìn. Kế hoạch của đồng chí Đức đã được thực hiện. Hai hôm sau địch tiếp tục phục kích tại vị trí cũ và đã bị con của đồng chí Đức gài mìn diệt 12 tên.

Trong chiến tranh ác liệt của những năm 1968 và 1969, đồng chí Đức vẫn thường căn dặn vợ con “*Nếu tôi hy sinh thì gia đình đừng buồn cứ tiếp tục hoạt động vì cách mạng sẽ chiến thắng, nếu*

cần hy sinh cả gia đình cũng là niềm vinh dự cho con cháu sau này”. Một ngày không may cũng đến với đồng chí, đó là ngày 22/12/1973, trên đường ra vùng Giải phóng nhận nhiệm vụ, đồng chí Lê Văn Đức bị địch phục kích tại điểm Cồn Chài và đồng chí đã anh dũng hy sinh trên chính chiếc ghe mà mình đã gắn bó.

Qua một số tài liệu, hiện vật được trưng bày tại Bảo tàng Hội An đã nói lên tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân – dân Hội An trong chiến dịch Mậu Thân 1968 góp phần đánh bại chiến lược “*chiến tranh cục bộ*” của Mỹ. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ Thị xã, quân và dân Hội An đã nỗ lực phi thường, đem hết tinh thần, lực lượng để thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng với tinh thần “*Quyết tử cho Tổ Quốc quyết sinh*”, “*Tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược*”. Qua đợt tấn công và nổi dậy này, quân - dân Hội An đã lập nên nhiều thành tích xuất sắc, chiếm giữ một số vị trí quân sự quan trọng của địch ở nội ô suốt hơn một ngày. Với những thành tích đạt được, quân và dân Hội An được Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng Trung Trung bộ tặng Huân chương Quân công hạng Nhì. Các xã Cẩm Hà, Cẩm An được tặng Huân chương giải phóng hạng nhì và nhiều đơn vị địa phương, cá nhân được tặng thưởng những danh hiệu cao quý khác. Ngoài ra, thị xã Thanh Hóa kết nghĩa cũng tặng cho nhân dân Hội An lá cờ đỏ với sáu chữ vàng “HỘI AN ANH DŨNG HIÊN NGANG”. Lá cờ này hiện nay được trưng bày trang trọng tại Bảo tàng Hội An.

Thời gian dần trôi qua, ký ức chiến



tranh dần lùi vào quá khứ, mở ra một tương lai tươi sáng cho thế hệ trẻ với cuộc sống hội nhập quốc tế, thêm bạn bớt thù để cùng nhau xây một Việt Nam hòa bình, thân thiện, phát triển về kinh tế, phong phú về đời sống văn hóa. Tuy nhiên, chúng ta có được ngày hôm nay chúng ta phải luôn ghi ơn những anh hùng, liệt sỹ đã xả thân vì Tổ quốc. Thể hiện lòng tri ân đó, Bảo tàng Hội An trang trọng lưu giữ những kỷ vật liên quan, gắn bó đến cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng bào, chiến sĩ trong mặt trận năm xưa. Bảo tàng luôn mở cửa để được đón tiếp du khách, cộng đồng địa phương đến tìm hiểu về một thời oanh liệt của quân và dân Hội An ♦

VỀ HỘI AN CHƠI TẾT

Khieu Thị Hoài

Thời gian vui Tết ở Hội An thường rất dài. Người Hội An bắt đầu chuẩn bị Tết từ rằm tháng Chạp và không khí Tết thực sự kéo dài từ ngày cúng Ông Công, ông Táo cho đến hết rằm tháng Giêng.

Còn nhớ, những ngày chưa có cây cầu Cẩm Kim, Tết thường về bên đò phố Hội sớm hơn với đủ sắc màu và những âm thanh nhộn nhịp xôn xao. Đứng trên đò từ Cẩm Kim sang, từ Cù Lao Chàm về hay từ Chợ Bà, chợ Được, Duy Nghĩa, Cầu Lâu xuống... đầu đò chưa cập bến người ta đã thấy không khí Tết đang chờ trên bờ, ngay sát mép nước sông Hoài vì hàng bánh tráng đã nối hàng đường bát, hàng củ kiệu đã chen hàng cà rốt, củ cải, dưa, hành... khiến chợ Tết “nở” ra từng ngày và tràn khắp con đường Bạch Đằng từ chiều hai mươi tháng Chạp.

Mọi ngã đường, hướng sông đều đổ về chợ Tết, bên bên sông Hoài rồi từ đây Tết lại chia về khắp nẻo với từng nhà, từng người. Vẫn những con đò mọi ngày nhưng từ giữa tháng Chạp đã gắn thêm chiếc biển nhỏ: “Đò phục vụ Tết”. Cái biển nhỏ màu trắng, chữ đỏ trông có vẻ “nhà quê” nhưng cũng rất “thành thị”, rất... Hội An, rất... Quảng Nam ở cái sự “cụ thể”, “cái chi ra cái nấy”. Anh Dũng, người lái đò đã gần hai mươi năm ở bên sông Hoài nói rằng: “Gắn thêm biển cho vui vậy thôi chứ thấy hàng, thấy người là biết đò phục vụ Tết rồi”. Dù các loại hàng Tết

Hội An là một trong nhiều điểm đến được du khách miền Bắc, miền Nam lựa chọn để du xuân, không chỉ vì thương hiệu di sản văn hóa thế giới mà còn bởi không khí Tết ở đây “đậm đặc”, vừa thân thuộc, gần gũi kiểu quê nhà vừa rất khác lạ trong những chương trình, điểm đến được cân nhắc, tính toán và tổ chức chuyên nghiệp.

được con đò mang về khắp nẻo: từ cát trắng để thay bát nhang trên bàn thờ ông bà, tổ tiên đến lá chuối gói bánh Tết rồi bánh đậu xanh khô, mứt, kẹo, chén, bát đủ loại hoa văn... Vui nhất vẫn là những đứa con nít từ Cẩm

Kim, Duy Vinh được mẹ, được dì đưa sang phố Hội sắm quần áo Tết. Khuôn mặt đứa nào cũng hớn hở vì chỉ lát nữa, khi con đò cập bến sông Hoài, chúng sẽ vừa có quần áo mới, vừa được ăn quà chợ phố, lại được mẹ mua cho một con heo đất hay cái búng bình của làng gốm Thanh

Hà để đựng tiền mừng tuổi.

Thật kỳ lạ, không khí Tết đậm chất quê ngày càng trở nên hiếm hoi này lại là điều rất tự nhiên ngay giữa lòng thành phố được vinh danh di sản văn hóa thế giới, nơi người dân đã rất chuyên nghiệp với những dịch vụ du lịch phục vụ du khách quốc tế. Rất nhiều du khách nước ngoài đứng mãi ở bến đò sông Hoài để chụp hình những chuyến đò Tết, ghi lại niềm hân hoan trong ánh mắt của trẻ thơ, những nụ cười của người bán, người mua bên những món hàng Tết trên đường Bạch Đằng...

Từ khu phố cổ cho đến những vùng ngoại vi thành phố, các chương trình nghệ thuật, những không gian trưng bày và trang trí, phục vụ vui chơi, ẩm thực... được Ban tổ chức hội Tết chuẩn bị từ nhiều tháng trước Tết để tạo những “điểm nhấn” độc đáo mang

đến những cảm xúc mới mẻ trên lộ trình du xuân của không chỉ du khách nước ngoài mà của chính những người dân địa phương và du khách trong nước.

Nổi bật nhất trong việc trang trí ngày Tết vẫn là hình ảnh những chiếc đèn lồng Hội An. Từ sau rằm tháng Chạp, trên các nẻo đường du xuân tại Hội An, từ Minh An, Cẩm Phô đến Cửa Đại, An Bàng, nhất là các ngã tư đường phố, lồng đèn được giăng thành nhiều hàng dài trên cao với đủ màu sắc rực rỡ. Ở những góc phố, hay các ngã tư, những chiếc lồng đèn nhiều kiểu dáng, kích thước được sắp đặt thành các cụm trang trí nghệ thuật để tạo điểm nhấn không gian đẹp, ấn tượng phục vụ việc ghi hình, chụp ảnh cho người dân và du khách.

Nói tiếp truyền thống nhiều năm trước, việc trang trí “*nhịp cầu ngày xuân*” được thực hiện từ ngày 24 Tết đến ngày 20 tháng Giêng. Những cây cầu ở trung tâm thành phố như cầu An Hội, cầu Quảng Trường sông Hoài, cầu Cẩm Nam, cầu Cẩm Kim cho đến những cây cầu ở vùng ngoại ô như cầu Cẩm Thanh, cầu Phước Trạch, cầu An Bàng... được trang trí bằng cờ, hoa, và nhiều chiếc lồng đèn với chất liệu và kiểu dáng độc đáo để du khách có thể dừng lại chụp ảnh lưu niệm.

Năm nay, mừng vì nghệ thuật bài chòi - Trung Bộ Việt Nam chính thức được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại nên Ban tổ chức chương trình hội Tết ở Hội An đã chọn diễn xướng hô hát bài chòi làm điểm nhấn trong các chương trình văn nghệ ngày Tết. Hai MC của chương trình nghệ thuật mừng đón giao thừa sẽ chính là anh hiệu và chị hiệu. Họ dùng lời hô hát bài chòi để dẫn chương trình văn nghệ đón xuân. Hội thi hô hát bài chòi sẽ được tổ chức liền trong hai đêm với sự tham gia của 13 xã phường. Ngoài các chương trình được tổ chức định

kỳ hằng đêm trong khu phố cổ, những ngày Tết với hội thi hô hát bài chòi cùng sự tham gia của người dân trên diện rộng sẽ khiến Hội An thực sự xứng danh là mảnh đất màu mỡ để nghệ thuật diễn xướng hô hát bài chòi phát triển. Cùng với các chương trình văn nghệ mừng xuân được tổ chức từ 30 Tết đến mừng 10 tháng Giêng, những lễ hội tại các làng như giỗ tổ nghề mộc Kim Bồng, lễ hội cầu bông Trà Quê, lễ cúng nghề gốm Thanh Hà, lễ hội bập nếp Cẩm Nam,... liên tục diễn ra đến ngày 16 tháng Giêng khiến người dân có cảm giác được chơi Tết cả tháng, đúng như câu ca “tháng Giêng là tháng ăn chơi”.

Những kịch bản trang trí, trưng bày, sắp đặt, những chương trình nghệ thuật từ trung tâm khu phố cổ đến các vùng ngoại vi đã và sẽ tạo ra những điểm nhấn trên lộ trình du xuân của du khách trong nước và quốc tế. Có điều rất thú vị, đây là những chương trình được các cơ quan văn hóa đứng ra tổ chức nhưng từ người tham gia đến người tổ chức - với cảm quan nghệ sĩ và lòng hiếu khách thực sự đã biết điều chỉnh về mức độ để tạo sự tinh tế và trong một chừng mực nào đó, họ cũng bị/được cuốn vào cuộc chơi nên không mang đến cảm giác “diễn” như những chương trình sân khấu hóa khiến cho du khách cảm thấy không khí Tết ở phố Hội rất chân thật.

Người ta ít nói “đi Hội An”, “tới Hội An” hay “đến Hội An” mà thường nói “về Hội An” bởi có lẽ ở Hội An, mỗi người đều có cảm giác thân thương, gần gũi như đang ở nhà mình. Những điểm du xuân ở nội thị hay vùng ngoại ô Hội An vui vẻ mà không ồn ào xáo trộn, hội tụ đông đúc mà không xô bồ, mất trật tự. Mọi người đều vui vẻ chơi và thưởng thức Tết Hội An trong niềm an tâm tuyệt đối. Tôi chợt nhớ đến lời một đồng nghiệp khi anh bảo: Hội An, ngay trong cái tên gọi của nó đã có sự thú vị: “Hội” mà vẫn “An”. ♦

TẢN MẠN VỀ THÚ CHƠI CÂU ĐỐI TẾT CỦA NGƯỜI VIỆT

Huỳnh Đông

Câu đối Tết là một tác phẩm văn học, một chỉnh thể về nội dung và hình thức biểu đạt tư tưởng trong ngôn ngữ của người Việt. Câu đối Tết cũng là một thú chơi phong vị, một hiện tượng văn hóa dân gian cần nghiên cứu và bảo tồn để làm giàu thêm tài sản văn hóa phi vật thể của dân tộc.

Chơi câu đối tết là một hiện tượng văn hoá - văn hoá chơi chữ. “*Nhất chữ, nhì tranh, tam sành, tứ sứ*” là bốn thú chơi phong vị, thời thượng của người Việt xưa, trong đó chơi chữ - chơi câu đối được dân gian xếp lên hàng đầu.

Câu đối còn gọi là Doanh thiếp (楹帖) hay Doanh liên (楹聯), Đối liên (對聯), người Việt Nam gọi chung là Câu đối. Đó là hai câu chữ biên ngẫu (cặp ngựa song song), đối xứng nhau về thanh, về từ và về ý với tự dạng chữ Hán thuộc các thể chân, triện, lệ, khải, hành, thảo. Câu đối được viết trên giấy, trên lụa, đục khắc trên gỗ, trên tre, có khi chỉ dành để đọc cho nhau nghe vào các dịp lễ lạc, tứ sự như quan, hôn, tang, tế, đầy tháng, thôi nôi, chúc thọ, tân gia..., hay những lúc nông nhàn, việc rồi bên ấm trà, be rượu...

Câu đối tết là một tác phẩm văn học, một chỉnh thể về nội dung và hình thức biểu đạt, được treo, dán một cách trang trọng trước cổng, trong nhà vào những ngày tết. Thường thì câu đối tết được viết trên giấy hồng đơn (*giấy màu đỏ tươi*) để dán trước cổng nhà, cửa chính ra vào, trên cột hay hai bên khoảnh trước bàn thờ tổ tiên. Ngày xưa, những nhà giàu có như phú hộ, quan viên khi đón tết thì trong nhà treo câu đối bằng gỗ quý, chạm cẩn cầu kỳ; ngoài cổng thì treo đèn, kết hoa. Từ đó, trong ngôn ngữ Việt có thành ngữ “*Môn đăng, hộ đối*” để chỉ những nhà giàu có, quyền quý thường hay chọn nhau để kết thông gia.

*"Chàng như cây gỗ xoan đào/
Thiếp như câu đối dán vào đẹp chẳng?"*

Câu đối tết, cũng là cái dịp để cho kẻ sĩ thể hiện niềm mơ ước và hoài bão của mình, cũng là nơi để họ gởi cái chí, cái tình, nỗi niềm với cuộc đời:

青春有限志無限

▪ 月無情人有情

(Phiên âm: Thanh xuân hữu hạn
chí vô hạn; Tuổi nguyệt vô tình nhân hữu
tình. Dịch nghĩa: Tuổi xuân có hạn chí
vô hạn; Năm tháng vô tình người có
tình).

Hay đó là những lời hay ý đẹp ca ngợi quê hương trong mùa xuân đầy vẻ tự hào:

春到山 ▪ 遍地喜
福臨農 ▪ 滿庭春

(Phiên âm: Xuân đáo sơn hương biên địa hỷ; Phúc lâm nông hộ mãn đình hương. Dịch nghĩa: Xuân đến bản làng nơi nơi tốt; Phúc vào nông hộ chốn chốn xuân).

Hoặc đó là lời chúc tụng nhau hạnh phúc, sống lâu:

春入春天春不老
福臨福地福無疆

(Phiên âm: Xuân nhập xuân thiên xuân bất lão; Phúc lâm phúc địa phúc vô cương. Dịch nghĩa: Xuân nhập trời xuân xuân bất lão; Phúc vào đất phúc phúc vô biên)

Kể từ khi những câu đối tết bằng chữ Nôm sâu sắc, hóm hỉnh của cụ Tam Nguyên Yên Đỗ (Nguyễn Khuyến) ra đời, câu đối tết đã không còn là thức chơi độc quyền của những nhà giàu có, quan viên lắm chữ... Câu đối tết đã thâm nhập vào đời sống và sinh hoạt văn hoá của quần đại quần chúng nhân dân. "Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ; Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh" là những đặc sản không thể thiếu được trong nhà của người Việt xưa vào những dịp tết.

Vào đầu thế kỷ XIX - XX, thú chơi câu đối tết ngày càng được thăng hoa và phong phú hơn nhờ có sự tham gia của giới trí thức và các nhà khoa bảng. Ngày nay, người chơi chữ cũng có

nhều lựa chọn trong việc thể hiện câu đối tết bằng loại ngôn ngữ nào; chữ ký âm hay chữ tượng hình (Hán, Nôm hay Latin); bằng chất liệu gì: gỗ, tre hay giấy, đá... Trong số đó, cũng có thể nói rằng những câu đối tết viết bằng chữ Nôm cũng rất được ưa chuộng: "Tối ba mươi, nghe pháo nổ đi mừng, ờ ờ tết; Sáng mừng một, chạm nêu đánh cộc à à xuân" (Nguyễn Khuyến). "Lộng lẫy bức tranh Xuân, đất nước muôn hồng ngàn tía; Tung bừng khung cảnh Tết, non sông trăm sắc vạn màu" (ST). Các nhà Hán học thuần túy cũng không còn xem chữ Nôm là loại chữ bất chước chữ Tàu "Nôm na mách qué!" "Xỏ lá ba qué!" nữa. Chữ Nôm vận dụng sáng tạo ký tự của chữ Hán (214 bộ thủ) nhưng âm của chữ Nôm là âm của tiếng Việt hiện đại nên có nhiều sức mạnh hơn trong lối diễn đạt tư duy của dân tộc. Trong tinh thần độc lập, tự chủ và khai phóng, dân tộc Việt Nam đã kịp chọn thêm cho mình một hệ thống ký tự mới - chữ Quốc Ngữ (ký tự Latin). Có thể nói người Việt đã chọn chữ Quốc Ngữ chứ không phải chữ Quốc Ngữ chọn người Việt. Điều này cho thấy khả năng giao lưu và tiếp biến văn hóa của người Việt là vô cùng phong phú, mạnh mẽ. Câu đối viết bằng chữ Quốc Ngữ có dạng tự Latin cách điệu cũng rất đẹp, âm thanh cũng rất hay nhưng về trường nghĩa lại không rộng, không sâu bằng chữ Hán, do cách giải nghĩa từ của tiếng Việt thường theo phương pháp chiết tự từ những bộ thủ của chữ Hán. Người Việt đã trang bị cho mình một bộ công cụ để hiện thực tiếng Việt với ba hệ thống ký tự Hán, Nôm và Quốc Ngữ, nên biện pháp tu từ và phong cách ngôn ngữ càng

ngày càng vi diệu. Người Việt có thể trộn cả Hán, Nôm, tiếng Tây vào trong lối chơi chữ làm cho âm và nghĩa của câu nói thêm sinh động (*các ngôn ngữ khác không làm được điều này*): “*Tám giờ xe lửa huyết; Hai căng nằm ngay đơ*” (*huyết là tám; đơ là hai - Pháp*). Biện pháp diễn đạt cũng có nhiều miếng mảnh, tự nhiên, không gò bó: “*Có là bao! Ba vạn sáu ngàn ngày, được trăm cái Tết; Ước gì nhỉ! Một năm mười hai tháng, cả bốn mùa Xuân*”.

Ba ngày tết là những ngày trang trọng nhất trong một năm của người Việt. Chính vì thế mà người Việt lại có cách giải nghĩa chữ Xuân (春) không giống như người Trung Hoa (Người Trung Hoa cho rằng chữ xuân (春) 春 là hình ảnh mặt trời mọc dưới những vòm cây xanh - tượng trưng cho một ngày mới đầu tiên - nguyên đán); Xuân của người Việt là tổ hợp của ba chữ “tam 三, nhân 人, nhật 日”(ba ngày đó là ba ngày của con người - Mừng Một tết cha, Mừng Hai tết mẹ, Mừng Ba tết thầy). Người Việt trân trọng ngày tết cổ truyền, trân quý truyền thống văn hóa của tổ tiên, ngày tết là ngày sum họp gia đình, phụng sự ông bà... Cho nên, câu đối tết lại là lời chúc thọ tổ tiên, là lời

nguyện cầu cho quốc thái dân an, mưa hòa vũ thuận, ước mong không khí ấm áp, trong lành, gia đình thuận hòa, hạnh phúc, mùa màng lợi lạc... Khi viết câu đối tết, người ta kỵ nhất là những chữ có thể hiểu theo nghĩa xấu, nghĩa trệ, báo hiệu điềm gở. Vì thế mà câu đối tết thường được xin, thỉnh từ các vị túc nho, đức cao, học rộng...



Người thường chơi câu đối tết không ai không nhớ ít nhiều vài giai thoại vui được lưu truyền về nghệ thuật chơi chữ này. Nhất là, những giai thoại kể về việc cho câu đối tết hóm hỉnh, thông minh của cụ Nguyễn Khuyến mà mãi đến nay nhiều câu đối tết ấy của cụ Tam Nguyên vẫn còn được dân gian yêu quý, trân dụng, lưu truyền.

Chuyện kể, vào ngày tết của năm đó có người thợ đóng hòm (*quan tài*) đến cụ xin đôi câu đối tết về thờ ông bà, tổ nghề, cụ liền cho:

天添 ▪ 月人添壽
春滿乾坤福滿堂

(Phiên âm: *Thiên thêm tuế nguyệt nhân thêm thọ; Xuân mãn càn khôn phúc mãn đường. Dịch nghĩa: Trời thêm năm tháng người thêm tuổi; Xuân ngập đất trời phúc ngập nhà* – Huỳnh Đông dịch).

Người thợ đóng hòm vừa mang câu đối đi, một người thai phụ sắp sinh lại đến, cũng xin cụ đôi câu về treo, trước là để cầu phúc đầu năm, sau là cầu cho mẹ tròn con vuông. Cụ viết ngay: *"Thiên thêm tuế nguyệt nhân thêm...; Xuân mãn càn khôn phúc mãn..."* (Trời thêm năm tháng người thêm.../ Xuân ngập đất trời phúc ngập...). Nếu tinh ý, ta có thể phát hiện ra cách chơi chữ rất thú vị và sâu sắc của ông đồ Yên Đỗ, vừa sáng tạo trong cách cấu trúc ngữ âm, ngữ pháp và ngữ nghĩa; ghép hai chữ cuối của hai vế đối cụ cho người đóng hòm, ta có *"thọ đường"* tức là cỗ quan tài; hai chữ cuối của câu đối cho người thai phụ là *"phúc mãn"* và *"nhân thêm"* giải nghĩa theo từ đồng âm của tiếng Việt là *"bụng to"* (thai phụ), *"thêm người"* (sắp sinh). Còn có một giai thoại kể về câu đối tết của Vương An Thạch, tể tướng đời Tống (Trung Hoa) cũng không kém phần lý thú. Vương An Thạch là người học cao, văn hay, chữ tốt. Năm nào họ Vương cũng sáng tác vài ba câu đối tết để dán trước cổng nhà. Trớ trêu thay, vì nghĩa hay chữ đẹp nên câu đối của họ Vương nổi tiếng và được cả thiên hạ ưa chuộng. Nhưng ai có đủ quyền và vai vế để xin chữ ngài tể tướng. Mê lắm! Không xin được thì đánh cắp thôi! Năm nào cũng vậy câu đối tết của Vương An Thạch cứ bị kẻ trộm lén gỡ đem bán cho nhà khác. Họ Vương ức lắm chẳng biết làm sao. Năm đó, trước tết vài ngày, ông cho gia nhân dán trước cổng hai vế đối: *"Phúc bất trùng lai;Họa vô đơn chí"* (Điều phước

ít khi lặp lại;Cái họa thường đến dồn dập). Người qua kẻ lại ai thấy câu đối đó đều xanh mặt, nghĩ ngài tể tướng năm nay phát rồ, làm câu đối tết quá tệ, quá xấu. Có ai muốn chuốc tai họa mà gỡ mấy câu này về treo tết. Khi đêm trừ tịch gần đến giao thừa, Vương An Thạch cho gia nhân ra cổng dán thêm vào bên dưới hai vế đối cũ để hoàn thiện hai vế đối mới: *"Phúc bất trùng lai... kim triều đáo; Họa vô đơn chí... tặc dạ hành"* (Điều phước ít khi lặp lại nhưng sáng nay phước đã trở lại (nơi đây); Cái họa thường đến dồn dập nhưng đêm qua nó đã đi mất (tiêu rồi). Thật là một chiêu ve sầu lột vỏ, điệu hổ ly sơn, chuyển họa thành phúc, biến lời gở thành điềm lành..., một lối chơi chữ tuyệt diệu!

Ngày xuân, bên chén trà thơm, giờ tập chí xuân đọc vài câu đối tết của các bậc thức giả, nghĩ cũng là điều thú vị. Hình ảnh ông đồ *"bày mực tàu giấy đỏ"* và *"ngoài trời mưa bụi bay"* trong bài thơ của cụ Vũ Đình Liên dường như vẫn còn phảng phất đâu đây trong tâm hồn ta một nỗi niềm hoài cổ. Một chút ưu tư chợt về, lại nghĩ, thời đại bây giờ làm sao có thể giữ lại được cái linh hồn thơm thảo của nét văn hóa truyền thống đáng yêu này của dân tộc - văn hóa chơi chữ- chơi câu đối tết. Thành phố Hội An trong nhiều năm qua đã tổ chức thành công nhiều cuộc thi cho các phường xã, khối phố sáng tác và trưng bày câu đối tết. Đây cũng là một dạng hoạt động bảo tồn văn hóa phi vật thể của dân tộc. Thật đáng quý! ♦

NGÔI QUANH MÂM CÚNG NGÀY XUÂN

Huỳnh Quốc Hải

Nhớ ông bà tổ tiên, mọi người đều dâng cúng với cả lòng thành. Ngày Xuân ngôi quanh mâm cúng chính là phúc lành cho nhau.

Tất niên quê Nội

Năm đó tôi về quê ăn Tết, bà Nội cười hiền. Ở cái làng Kim Bồng nổi danh khoai lang mắm mại bên dòng sông Thu Bồn này, 30 Tết quả là một ngày linh thiêng đến lạ.

Lũ sớm nên bắp già đúng Tết, Nội bán lấy tiền mua thịt heo nhưng vẫn cất lại 3 trái dày hột nhất. Phụ giúp bà bày mâm cúng tất niên là dịp hiếm. Lăn xăn ra vườn ngắt mấy nhánh bông trang, bông phượng cắm bình bông cúng; cắt tàu lá chuối lót cái nong rồi quạt bếp than nướng bắp. Tôi tưởng bà nướng bắp cho tôi ăn, nào ngờ là để dâng cúng.

Bà bảo: “*Có chi cúng nấy nghe con, đừng quá tay mà túng thiếu*”. Thì đó, trên cái nong bày trước sân ngôi nhà 5 gian do ông Cố dựng, tôi dường như không đếm hết những gì bà có. Bên nải chuối xanh, trái bòng, trái dừa non, con gà, rượu trầu têm vôi, giấy tiền vàng bạc, tôi thấy cả ổ bánh tổ rải mè vàng mọng, cái bánh tráng khoai thơm lạ, đôn bánh lăn, đĩa bánh in đậu xanh, bắp nướng,... và cả mấy củ khoai lang luộc còn bốc khói.

Ông Nội mất sớm nên bà đảm phần cúng tất niên thay mấy bác trai. Tất niên là cúng tất, từ nhà cửa, ông bà, đất đai, giếng nước, cổng ngõ,... Vái lạy xong, bà mang vàng bạc, giấy tiền dán lên cổng, chum, giếng,... rồi dặn phải chọn ngày tốt mới đốt để mức nước đầu năm.

Bà còn dặn, cúng đất là quan trọng lắm. Cúng để tạ ơn các vị thần cai quản đất đai, các vong linh phiêu dạt, các chiến sĩ trận vong, nạn nhân chiến tranh, thiên tai và cả nhiều vị thần, cô hồn người Chăm như chúa Lôi, chúa Lạc, Chợ, Mọi, Mê linh, Khô cốt,... Bàn cúng 3 lớp đặt ở ngoài sân, xoay theo hướng ngược lại với bàn thờ trong nhà. Mỗi bàn đều có hương đèn, hoa quả, cau, trầu, rượu, giấy vàng bạc. Bàn thượng đặt bộ áo thổ thần, con gà, xôi, chè. Bàn trung đặt áo bà, áo ngũ phương. Lễ vật có miếng thịt heo luộc, xôi, bộ tam sên gồm cua, trứng luộc, miếng thịt tợn và mâm cúng cơm; đặc biệt có đĩa rau luộc, chén mắm cá và cá, bắp nướng. Bàn hạ đặt áo giấy, cháo gạo muối, bánh tráng, bột nổ đủ màu, khoai, đậu nấu và một cái bẻ chuối để bỏ đồ cúng mỗi thức một tí sau khi cúng xong đem ra treo lên hàng rào¹.

¹ Nguyễn Chí Trung (2005), *Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử*.

Giờ đây, Nội đã đi xa nhưng tôi biết, bà vẫn múc nước đầy chum mỗi mùa Tết đến như cách mà bà múc cho tôi những bát cơm nấu bằng nồi đồng thơm mùi lá dứa,...

Mâm cúng ở phố

Rúa là Tết lại về. Tôi ở phố, cách quê con sông. Bên kia lăng đăng khói đồng với nhịp trống Bài chòi quanh cội cây già, bên này khói nhang quyện vào những cung đường cong và vài con hẻm nhỏ trong hội hè phố xá.

Đang ở buổi kim tiền, lễ cúng đã trở nên đại trà, mâm cỗ bày bán sẵn, nét riêng cũng dần phai nhạt nhưng ở đâu chẳng thế, mâm cúng ngày Xuân nhất thiết phải có hoa quả sắc tươi. Và ở đây, sản vật xứ Quảng là lễ vật hàng đầu. Bánh tổ, bánh in đậu xanh, nải chuối xanh hay đòn bánh tét luôn có trên mâm cúng mỗi nhà. Phải chăng, bánh tổ là để tưởng về gốc gác, nải chuối xanh để sinh sôi nảy nở, ước nguyện viên thành.

Khởi sự cho Tết có lẽ là ngày 23 tháng chạp “*đưa Ông Táo về Trời*” để báo cáo những diễn biến suốt năm trong gia đình thân chủ và nhờ thiên triều phù hộ cuộc sống tươi vui, bớt chút ưu phiền. Lễ cúng thường có con gà, miếng thịt tợn, đĩa xôi, ít chén chè, đĩa trầu cau, trà rượu, nhang đèn, vàng mã,... Những nhà buôn bán, làm nghề ở phố thì mua thêm con cá chép còn sống về cúng rồi sau khi lễ tất mang thả sông làm phép phóng sinh, mong sao bao xúi quẩy, tai ương theo đó mà đi, nhường chỗ cho những điều may mắn trong năm mới¹.

Dầu mục tiêu chung là cúng tạ cầu an, năm mới phước lành nên lòng thành

là chính, thế nhưng, cộng đồng người Hoa ở phố cổ Hội An cũng còn giữ vài nét riêng. Mâm cúng ngoài vật thức chung còn có bún xào, mì sợi tượng trưng cho trường thọ; cá hấp, đọc đồng âm với chữ dư như sự dư thừa, giàu có; súp tóc tiên đọc đồng âm với chữ phát tài. Đáng lưu ý là những tờ Xuân liên dán trước cửa hay giấy điều viết chữ Xuân, Phước dán ngược trên nhiều thứ trong nhà vì chữ ngược là đảo, đọc đồng âm với chữ đảo, hướng tới ý Xuân đến, Phước đến,...

Giờ đây, những ngày hội Xuân, bà con cộng đồng người Hoa ở các hội quán tụ hội về phố, phẩm vật cúng cũng vậy nhưng tiệc tùng thì thuê các nhà hàng người Hoa ở Đà Nẵng vào nấu như nhà hàng Kim Đô gốc Hải Nam, Phì Lũ gốc Quảng Đông, Hương Việt gốc Phước Kiến,...

Ai cũng có ông bà, tổ tiên. Mỗi dịp Xuân về, được ngồi quanh mâm cúng để bồi ngùi nhớ thương hẳn đã là phần thưởng mà đời sống ban tặng cho mỗi chúng ta... ♦



¹ Nguyễn Chí Trung (2005), Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử.

TỤC LỆ KIÊNG CỬ NGÀY TẾT

Trần Văn An

Đối với mọi người dân nước ta, lễ tết luôn là khoảng thời gian đặc biệt quan trọng, nhất là tết Nguyên Đán. Trong dịp này, cùng với những thực hành văn hóa liên quan đến niềm tin về sự chuyển mùa, về sự khởi đầu của một chu kỳ sinh trưởng mới, về sự tươi trẻ, thanh tân, về sự đoàn viên không chỉ của người đang sống mà của cả những người đã khuất trong từng gia đình, tộc họ thì những tục lệ kiêng cử cũng được hình thành nhằm cầu mong những điều an lành, tốt đẹp trong năm mới.

Tết Nguyên Đán là tết Cả, là lễ hội quan trọng nhất, lớn nhất hàng năm của nước ta. Đây là dịp để vui chơi, thư giãn, tích lũy năng lượng để bước vào năm mới với nhiều hứa hẹn mới. Vui chơi thả cửa thì mới đúng là Tết. Vì vậy, không lạ gì mà trong dân gian từ lâu đã lưu truyền các câu nói cửa miệng: “Vui như Tết”, “Tháng giêng là tháng ăn chơi, cái nón cũng bán cái tôi cũng cầm”, “Có đôi cũng ba ngày Tết, có hết cũng ba ngày mùa”...Tuy nhiên, trong lúc thả cửa, tháo khoán ấy thì các cộng đồng dân cư ở nhiều vùng miền khác nhau vẫn duy trì nhiều tục lệ kiêng cử nhằm đảm bảo Tết cho ra Tết. Ở Quảng Nam cũng không ngoại lệ.

Tính về mặt thời gian thì chiều ngày 30 cuối năm là thời điểm bắt đầu một số kiêng cử ở cộng đồng và gia đình. Vào lúc này các bến sông, bến nước

được dọn dẹp sạch sẽ và các hoạt động giặt giũ, tắm rửa làm khuấy động sông suối sẽ kiêng cử không được thực hiện. Cũng vào chiều cuối năm các gia đình phải lo gánh nước đổ đầy các chum vại để dùng trong 3 ngày Tết vì các giếng nước công cộng, giếng nước gia đình sẽ kiêng cử sử dụng trong 3 ngày này. Có lẽ đây là sự kiêng cử nhằm giữ gìn trong sạch của nguồn nước, tương tự việc đóng cửa rừng để bảo vệ rừng.

Những ngày đầu năm mới gắn liền với nhiều tục lệ cổ truyền đồng thời kèm theo đó là nhiều điều kiêng cử. Với niềm tin rằng những ngày đầu năm mà vui tươi, suôn sẻ thì cả năm mới hanh thông, thuận lợi nên cư dân địa phương có nhiều kiêng cử để bảo vệ niềm tin này. Những lo toan, bất đồng phải gác lại, giấu kín để hân hoan đón Tết. Ngày Tết mọi gương mặt phải vui tươi, hớn hở, không được cau có, nhăn nhó. Mọi sự cãi vã, to tiếng đều không được để xảy ra. Đồ đạc, dụng cụ phải sử dụng cẩn thận không được làm gãy vỡ, rơi bể. Những điều này thường được các bậc phụ huynh dặn dò kỹ lưỡng con cháu trước khi sửa soạn đón Tết, hình thành một tâm lý kiêng tránh cần thiết để duy trì không khí vui tươi, phấn khởi, an toàn trong những ngày đón Tết.

Trong 3 ngày Tết mọi món nợ nần phải được gác lại. Có đòi thì đòi trước đó, chứ 3 ngày Tết thì không được đòi.

Lại có tục khi đã dựng nêu thì không được đòi nợ. Vì vậy nên nợ gì thì nợ, ba ngày Tết vẫn cứ an tâm mà vui chơi:

*“Chiều ba mươi nợ
réo títt mù, co căng đập
thằng Bần ra cửa;*

*Sáng mồng một rượu
say túy lúy, dang tay bồng
ông Phúc vào nhà”.*

Không những cứ đòi nợ mà người ta còn cứ xin, mượn lửa, nước, gạo, muối vào 3 ngày Tết. Vì vậy các gia đình phải lo chuẩn bị đầy đủ các thứ này để khỏi bị động.

Nguyên Đán mồng một Tết nhiều gia đình ở xứ Quảng có tục đập đất đầu năm. Đập đất là tục lệ liên quan đến người bước vào đập đất nhà mình ngày đầu năm mới. Nhằm cầu mong năm mới hanh thông, cát tường người ta thường kiêng cử những người có tang, bệnh tật, phụ nữ có thai đập đất. Nhiều gia đình còn chọn người hợp tuổi, hợp tên để nhờ đập đất, thường thì thích người khỏe mạnh có tên Tài, Phúc, Lộc, An...

Tục xuất hành đầu năm cũng được duy trì ở nhiều gia đình, cá nhân. Xuất hành thì coi giờ tốt, hướng tốt để ra khỏi nhà đầu năm. Khi xuất hành người ta kiêng cử gặp đàn bà hoặc các hiện tượng bất thường.

Ngày Tết thì cây hoa trong mọi gia đình cũng phải xanh tươi, rực rỡ. Người ta thường kiêng cử những cành hoa héo úa, kém tươi. Những cành mai chưng Tết cũng phải được chọn lựa kỹ càng, các cành phải đầy đủ, tỏa đều không khiếm



Tục dựng nêu tại đình Tiên hiền Kim Bồng.

khuyết, có ngọn vươn lên vững chãi. Chơi mai ngày Tết vì vậy cũng rất công phu nhằm chọn lựa cho được một cành mai vừa ý.

Ở Quảng Nam trước đây, những ngày đầu năm mới nhiều xóm làng thường tổ chức hát bội (*hát tuồng*) liên tiếp nhiều đêm liền. Đây là dịp thu hút đông đảo khán giả đủ mọi lứa tuổi tham gia vì dân Quảng Nam vốn là những người có máu mê hát bội:

*“Nghe giục trống chiến, không
khiến cũng đi;*

*Nghe giục trống châu, đâm đầu mà
chạy”.*

Từ xem hát bội người dân xứ Quảng có tục bói tuồng đầu năm. Đầu năm đi xem hát mà gặp những đoạn tuồng có nội dung thắng lợi, đoàn viên, phát tài tấn lộc, thăng quan tiến chức thì lấy làm vui mừng vì cho đó là điềm cát tường. Lại cứ những đoạn tuồng mang nội dung chia ly, chết chóc, sa cơ thất thế, giam cầm đầy ải... Vì vậy các đoàn tuồng thường chọn những vở có nội

dung phù hợp với tục lệ này để diễn vào 3 ngày Tết.

Một tục lệ khác khá phổ biến ở nhiều gia đình là kiêng cử quét rác, đổ rác vào 3 ngày Tết. Vào những ngày này, nếu có rác thì người ta dồn vào góc nhà để qua 3 ngày Tết mới mang đi đổ. Những cây chổi quét rác hàng ngày cũng được mang đi cất kỹ. Nhiều ý kiến cho rằng tục này bắt nguồn từ Trung Quốc

trong sách Suu Thần ký. Sách ấy viết, đại ý rằng, thuở xưa có một lái buôn tên Âu Minh trong lúc đi quan hồ Thanh Thảo thì được Thủy thần cho một người hầu

gái tên Như Nguyệt. Âu Minh đem Như Nguyệt về nhà thì ăn nên làm ra, tiền của tấn phát. Một hôm trong lúc say rượu nóng giận, Âu Minh đánh Như Nguyệt làm cô ta sợ hãi hóa mình chui vào đồng rác ở góc nhà trốn trong đó. Vợ Âu Minh trong lúc dọn dẹp nhà cửa vô tình đã mang đồng rác đổ khỏi nhà.

Từ đó, gia đình Âu Minh bỗng dưng làm ăn sa sút, tài sản lần lượt đội nón ra đi. Vì vậy người ta cho rằng Như Nguyệt là hóa thân của tiền tài và cứ đổ rác để giữ tiền của lại trong nhà. Ở Việt Nam ta thì sự tích cây chổi cũng liên quan đến tục này. Tương truyền ngày

xưa trên thượng giới có một người đàn bà chuyên nấu ăn cho Ngọc Hoàng. Tuy nấu ăn ngon nhưng bà ta có tật hay ăn vụng trước các món ăn của Ngọc đế. Sự việc bị Ngọc đế phát hiện và bà bị đày xuống trần gian làm cây chổi để dọn dẹp rác rưởi ở nhân gian. Công việc rất vất vả và không được nghỉ ngơi vì vậy Ngọc đế thương tình cho miễn làm việc trong 3 ngày Tết. Từ đó hình thành tục không

quét rác vào 3 ngày này. Câu chuyện chứa đựng ý nghĩa nhân văn về sự cảm thông đối với những người làm công việc quét dọn cực nhọc rất đáng quan tâm, chia sẻ.



Chợ hoa Hội An ngày Tết

Ngày xuân ôn lại một số tục lệ kiêng cử của người xưa cũng không phải là việc làm vô ích cho dù đến nay có những tục lệ đã không còn phù hợp hoặc đã được thay thế bởi những quy ước mới, tiến bộ hơn. Qua các tục lệ này và nhiều tục lệ khác không được nhắc đến ở đây ta có thể nhận ra một điều cốt lõi rằng, đằng sau chúng là những niềm tin, những ước mơ về một cái Tết an bình, hạnh phúc, về một sự khởi đầu năm mới hanh thông, thuận lợi, cát tường. Niềm tin và ước mơ này có lẽ không bao giờ là cũ đối với mọi người trong dịp Tết ♦

NĂM TUẤT VỚI NHỮNG SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC DI TÍCH Ở HỘI AN

Võ Hồng Việt

Con chó là con vật đứng ở vị trí thứ 11 trong số 12 con giáp tương ứng với 12 địa chi (*Thập nhị địa chi: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi*) theo quan niệm văn hóa cổ truyền của dân tộc. Trong âm lịch, tháng cầm tinh con chó (*tháng 9*) được gọi là tháng Tuất và năm cầm tinh con chó được gọi là năm Tuất với các tháng/năm can chi: Giáp Tuất, Bính Tuất, Mậu Tuất, Canh Tuất và Nhâm Tuất. Chu kỳ của mỗi năm can chi là 60 năm (*Năm Mậu Tuất 2018, 1958, 1898, 1838,...; Năm Bính Tuất 2006, 1946, 1886, 1826,...*). Năm Mậu Tuất - 2018 bắt đầu từ ngày 16/02/2018 đến 04/02/2019 dương lịch, có tổng cộng 29 ngày cầm tinh con chó. Trong đó, tháng cầm tinh con chó (*tháng Nhâm Tuất - tháng 9*) có 3 ngày cầm tinh con chó là Giáp Tuất (01/9 âm), Bính Tuất (13/9 âm), Mậu Tuất (25/9 âm). Trong lịch sử, có nhiều sự kiện diễn ra trong năm Tuất liên quan đến Hội An như năm Mậu Tuất - 1898, Cơ mật viện trình lên Hoàng đế An Nam tờ trình đề ngày 6 tháng 9 năm Thành Thái thứ 10 (20/10/1898 dương lịch) với nội dung đề nghị thành lập các thành phố ở Trung Kỳ. Do vậy mà vua Thành Thái ra chỉ dụ ngày 5 tháng 6 năm Thành Thái 11 (12/7/1899 dương lịch), và Khâm sứ Trung Kỳ ban hành nghị định ngày 30/8/1899 thành lập các thành phố ở Trung Kỳ,

trong đó có Hội An.

Tại các di tích ở Hội An, bên cạnh hình ảnh con chó được thể hiện độc đáo dưới dạng tác phẩm điêu khắc như tượng chó ở chùa Cầu kết hợp với cặp câu đối Hán Nôm đắp cẩn hai bên lối vào phía đông: 天狗雙星安良土, 紫微兩將定坤申 (*Thiên cẩu song tinh an cán thổ, Tử vi lưỡng tướng định khôn thân*) còn có nhiều sự kiện diễn ra trong năm con chó liên quan đến các di tích như việc xây dựng hay tu bổ di tích, việc phụng cúng đồ vật, tự khí,... Trong khuôn khổ của bài viết xin giới thiệu một số sự kiện diễn ra trong năm Tuất liên quan đến một số di tích ở Hội An theo hình thức biên niên.

Năm 1802 - Năm Nhâm Tuất:

Theo tư liệu đến nay có được cho biết chùa Ông (*Quan Công Miếu*) là một trong những công trình kiến trúc nghệ thuật được xây dựng sớm nhất ở Hội An. Ngoài hệ thống bia đá, hiện di tích còn lưu giữ và trang hoàng rất nhiều hoành phi, liễn đối được nhân dân phụng cúng qua các giai đoạn lịch sử. Trong số 31 bức hoành treo ở chùa Ông có 3 bức hoành lập vào năm Tuất. Bức sớm nhất lập vào năm Nhâm Tuất - 1802, chữ khắc nổi và sơn màu đen trên nền màu đỏ. Bức hoành đề: 忠義聖神 (*Trung*

nghĩa thánh thần), lập vào năm Gia Long nguyên niên (năm 1802). Một bức khác có cùng nội dung do Hòa Tả Ký phụng cúng vào năm Quang Tự thứ 12 (năm Bình Tuất – 1886)



Năm 1814 - Năm Giáp Tuất: Đúc chuông đồng chùa Cẩm Lý (錦里寺). Trên chuông đề: 嘉隆十三年・次甲戌孟夏月吉日敬立 (Gia Long thập tam niên tuế thứ Giáp Tuất mạnh hạ nguyệt cát nhật kính lập). Chuông đồng này có kích thước: cao 102 cm, đường kính miệng 50 cm. Chuông hiện lưu giữ tại chùa Viên Giác.

Năm 1874 - Năm Giáp Tuất: Lập bia đá hiện còn lưu giữ tại làng Nghĩa Trung ở phường Cẩm An. Bia được đặt trong nhà bia nằm ở giữa sân, mặt bia phẳng, khắc chữ kiểu chân phương. Chính giữa bia đề chữ Đại Phước Nghĩa Trung (大福義冢). Bia do Tấn Cửa Đại và làng Phước Trạch lập vào ngày tốt tháng 11 năm Tự Đức thứ 27 (嗣德二十七年十一月吉旦) - năm 1874.

Năm 1898 - Năm Mậu Tuất: Lập bia tu bổ di tích Thanh Minh từ Ngũ Bang. Thanh Minh từ Ngũ Bang còn có các tên gọi khác là Thanh Minh đình, Vạn Thiện đường, tọa lạc tại phường

Tân An, thành phố Hội An. Kế cạnh Thanh Minh từ là khu mộ người Hoa kháng Nhật và Nghĩa Trung, cách khoảng hơn 100m về phía đông bắc là chùa Chúc Thánh - tổ đình của dòng Lâm Tế Chúc Thánh Hội An. Hiện tại chưa có tư liệu để xác định rõ niên đại xây dựng của Thanh Minh từ, nhưng theo văn bia thì Thanh Minh từ được tu bổ vào năm Mậu Tuất - 1898 (重修清明亭碑記 - Trùng tu Thanh Minh từ bi ký). Bia tu bổ năm Mậu Tuất gắn trên tường bên trái (theo hướng đình), bia cẩm thạch màu trắng vân xám, hình chữ nhật (kích thước: cao 137cm, rộng 96,5cm), mặt bia khá phẳng. Bia không có hoa văn trang trí. Chữ kiểu khải thư. Bên trên cùng có dòng chữ lớn: 重修清明亭碑記 (Trùng tu Thanh Minh đình bi ký), phần chữ nhỏ bên dưới có 30 dòng chữ. Chữ khắc sâu, đều nét, được sơn màu đỏ. Nội dung văn bia do Phó bảng Nguyễn Tử Tu soạn.

Năm 1910 - Năm Canh Tuất: Chùa Phước Lâm do Thiền sư Ân Triêm khai sơn vào giữa thế kỷ XVIII, hiện tọa lạc tại thôn Cửa Suối, xã Cẩm Hà. Ngoài hệ thống tượng thờ có giá trị cao về mặt lịch sử và nghệ thuật tạo hình, hiện nay trong chùa còn lưu giữ bức hoành đề tên chùa được vua Duy Tân sắc tứ vào ngày 25 tháng 9 năm Duy Tân thứ 4 - năm 1910 (勅賜福林寺, 維新四年九月二十五日奉). Bức hoành được treo trang trọng tại Đại hùng bửu điện.

Năm 1922 - Năm Nhâm Tuất: Lập bia tu bổ Cẩm Hải nhị cung (chùa bà Mỵ). Cẩm Hà - Hải Bình nhị cung là



một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu ở Hội An xưa. Năm 1930, Viện Viễn Đông Bác cổ của Pháp đã đưa di tích này vào danh mục cổ tích liệt hạng cùng với hai di tích khác ở Hội An là Chùa Cầu và hội quán Triều Châu. Di tích thờ Huyền Thiên Đại Đế, Khương Tử Nha, Thái Thượng Lão Quân, Bảo Sanh Đại Đế và phối thờ 36 vị thần. Do nhiều yếu tố tác động, hiện nay di tích chỉ còn lại tam quan là hạng mục kiến trúc đồ sộ tiêu biểu về giá trị nghệ thuật kiến trúc và mỹ thuật ở Hội An. Bia đá liên quan đến việc tu bổ di tích Cẩm Hà cung - Hải Bình cung hiện được đặt phía sau Quan Công miếu. Bia cẩm thạch màu trắng, hình chữ nhật (*kích thước: cao 104cm, rộng 80cm*), mặt bia khá phẳng. Bia không có hoa văn trang trí, chữ kiểu khải thư, khắc sâu, đều nét. Nội dung văn bia do Phụng Thành đại phu, Hàn Lâm viện thị giảng hưu trí, đỗ cử nhân khoa Giáp Ngọ Trương Thuận Phu Đồng Hiệp soạn.

Năm 2006 - Năm Bính Tuất: Bộ

Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) ban hành Quyết định số 96/2006/QĐ-BVHTT ngày 13/12/2006 xếp hạng cấp quốc gia đối với 7 di tích ở Cù Lao Chàm, gồm: Di tích khảo cổ học Bãi Ông, Di tích khảo cổ học Bãi Làng, giếng Xóm Cầm, chùa Hải Tạng, lăng Tiền Hiền, lăng Ông Ngự, miếu tổ nghề Yến. Việc xếp hạng cấp quốc gia các di tích nói trên tạo điều kiện để quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích một cách tốt hơn. Hiện nay, các di tích này trở thành những địa chỉ tham quan du lịch hấp dẫn đối với du khách mỗi khi có dịp ghé thăm Cù Lao Chàm.

Ngoài ra, hiện nay tại chùa Kim Bửu còn lưu giữ bức hoành lập vào năm Giáp Tuất mà chúng tôi chưa thể xác định được là năm nào. Bức hoành đề: 寶金寺 (Bửu Kim tự), lạc khoản đề: 金蓬全洲人等重興, 次甲戌季冬穀旦 (Kim Bồng toàn châu nhân đẳng trùng hưng, tuế thứ Giáp Tuất lý đông cốc đán). ◆

HỘI AN MỪNG VUI CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ NHỮNG NỖ LO BỀN VỮNG

Nguyễn Chí Trung

Với những lợi thế so sánh vượt trội về tiềm năng di sản văn hóa, thiên nhiên, trong những năm qua ngành bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế du lịch ở Hội An đã đạt được những thành tựu to lớn. Đặc biệt, năm 2017 là năm trên địa bàn Hội An - Quảng Nam chứng kiến nhiều sự kiện chính trị, văn hóa diễn ra như Festival/hành trình di sản, APEC, ngày giao lưu văn hóa Việt Nam - Nhật Bản, Hàn Quốc... Thông qua các sự kiện này, hình ảnh du lịch Hội An đã được quảng bá, giới thiệu đến đông đảo du khách trong nước và quốc tế. Các chỉ số đạt được của năm du lịch 2017 khá ngoạn mục về tốc độ phát triển, đóng góp cho sự tăng trưởng chung về kinh tế của thành phố, giải quyết được nhiều lao động, việc làm và góp phần nâng cao đời sống, thu nhập cho nhiều hộ gia đình. Hơn nữa đã đóng góp rất lớn từ nguồn thu cho sự nghiệp bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phục hồi phát huy các giá trị của di sản văn hóa, thiên nhiên. So với năm 2016: tổng lượt khách đến Hội An là 3,22 triệu lượt, tăng 21,66%; trong đó, khách quốc tế là 1,78 triệu lượt, tăng 30,95%. Tổng lượt khách tham quan là 2,38 triệu lượt, tăng 28,16%. Tổng lượt khách lưu trú là 1,45 triệu lượt, tăng 24,53%; trong đó khách quốc tế là 1,21 triệu lượt, tăng 25,68%. Nguồn thu từ vé tham quan đạt trên 200 tỉ đồng. Thu nhập bình quân

đầu người đạt trên 40,97 triệu đồng. Tuy nhiên, để du lịch Hội An phát triển xứng đáng với tiềm năng di sản văn hóa, thiên nhiên, đảm bảo tính bền vững, vốn có còn nhiều vấn đề phải đặt ra, trong phạm vi của bài viết này chúng tôi chỉ xin nói đến một số vấn đề liên quan đến bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, phát triển kinh tế du lịch bền vững ở Hội An đáng được quan tâm.

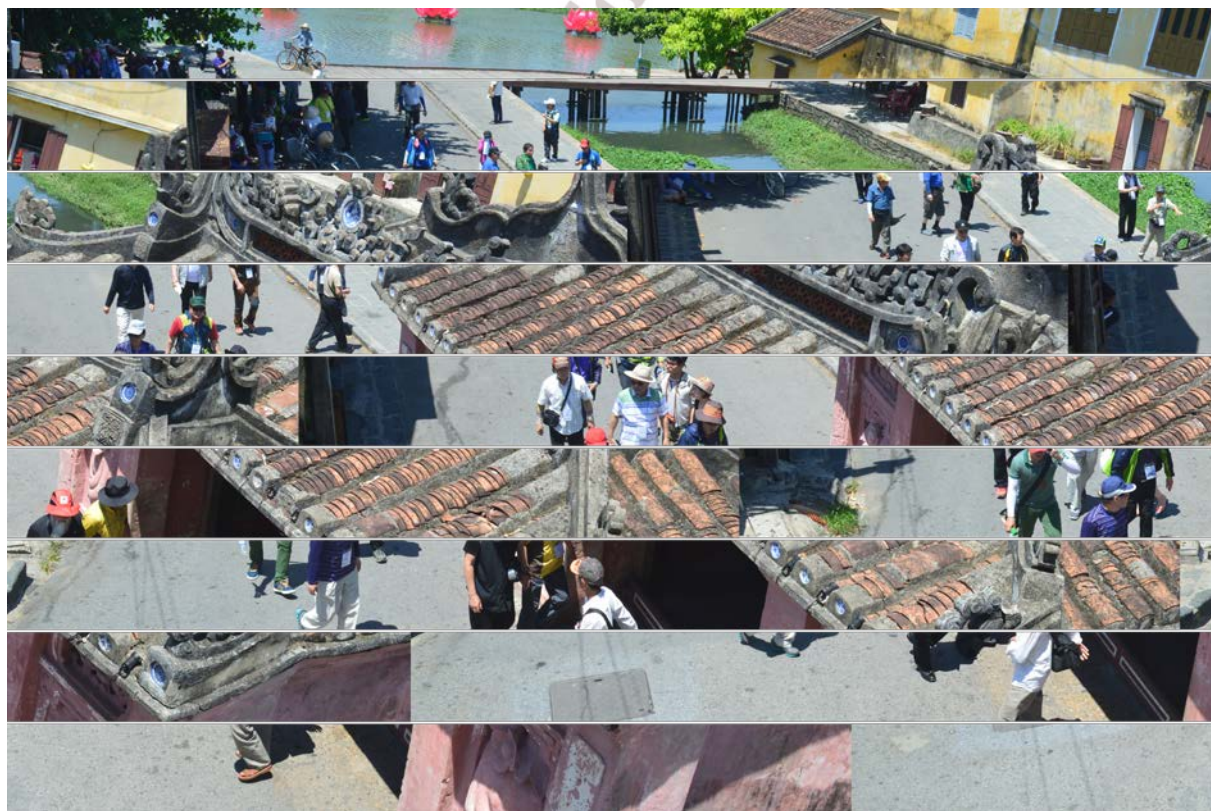
Trước hết nói về nguồn nhân lực, Hội An muốn đi lên và phát triển kinh tế du lịch bền vững từ tài nguyên văn hóa - nhân văn và tài nguyên thiên nhiên - hệ sinh thái/đa dạng sinh học không thể không quan tâm đến nguồn nhân lực cho lĩnh vực này. Khi bàn về sức mạnh của một quốc gia, cố Tổng thống Mỹ Nixon đưa ra công thức tổng quát là:

Sức mạnh quốc gia = (Nguồn nhân lực + của cải vật chất) x Ý chí quốc gia.

Đặt vấn đề này khi nhìn lại nguồn nhân lực - tức là lực lượng cán bộ chuyên ngành văn hóa nói chung và có chuyên sâu về lĩnh vực bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, du lịch nói riêng của Hội An hiện nay, nếu không được quan tâm đầu tư, có chính sách thích hợp, vượt qua rào cản của cấp huyện thì chắc chắn sẽ thiếu cán bộ có chuyên môn để làm việc, nhất là ở cấp xã/phường hầu hết đều

không có cán bộ chuyên trách công tác văn hóa nói chung, chứ không riêng gì công tác bảo tồn, bảo tàng di sản văn hóa, thiên nhiên và du lịch. Trong khi bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, thiên nhiên là một ngành khoa học trong khái niệm chung về “*bảo tồn và phát triển*”, nghĩa là bảo tồn cái gì và phát triển như thế nào quả là vấn đề không dễ nhận thức, và cũng không dễ để thống nhất. Mặt khác, thực tế hiện nay, lớp trẻ theo học ngành này cũng rất ít, ngay cả những kiến trúc sư ra trường cũng không được đào tạo về bảo tồn kiến trúc di sản văn hóa và thiên nhiên. Hơn nữa, nói về nguồn nhân lực không phải chỉ là những cán bộ chuyên môn trong các cơ quan quản lý nhà nước, ở các đơn vị sự nghiệp bảo tồn, phát huy di sản mà ở ngay lực lượng thợ mộc, thợ nề, người lợp ngói âm - dương... (*hay nói một cách khác đó là những người thợ có tay nghề thực thi*

công việc tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích) cũng đang thiếu trầm trọng, người biết làm chứ chưa nói là giỏi nghề. Nghề này đòi hỏi tay nghề cao, khó học, trong khi lương cũng không hơn gì công việc khác, nên ít ai theo làm. Các kiến trúc sư, kỹ sư tư vấn thiết kế sửa chữa, tu bổ, tôn tạo, phục hồi hay giám sát các công trình di tích vốn đã hiếm (*bởi những quy định chuyên ngành*) mà có thì cũng không mặn mà với công việc này, vì yêu cầu về hồ sơ và trách nhiệm thì quá cao, nhưng thù lao so với giá trị kinh phí được hưởng không tương xứng, nên hiện nay rất ít người làm/nhận tư vấn. Ngay cả các đơn vị thi công cũng rất ít đơn vị muốn nhận thi công công trình, vì khó làm, chi phí nhân công thấp so với tính chất công việc, mà muốn nhận cũng không có thợ để làm. Thực trạng này đặt ra vấn đề trong thời gian đến rất khó có công trình thi công tu bổ, tôn tạo, phục



Du khách tham quan di tích Chùa Cầu



Du khách tham quan Cù Lao Chàm – Hội An

hồi di tích đạt yêu cầu nguyên tắc về chất lượng, tính chân xác và cả tiến độ thi công. Việc truyền nghề thủ công truyền thống, chuyển giao nghề cho thế hệ trẻ (*trong các làng nghề*), nghệ thuật - diễn xướng dân gian cũng gặp rất nhiều khó khăn vì không tìm ra người để đào tạo/truyền nghề? Trong thời đại hội nhập nhưng cán bộ ngành văn hóa - quản lý bảo tồn di sản phần lớn khả năng ngoại ngữ lại kém, ngược lại những anh chị có trình độ ngoại ngữ lại không hiểu biết nhiều hoặc ít tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử - văn hóa, nhưng họ lại là người có “*đủ điều kiện*” hoạt động trên lĩnh vực du lịch văn hóa. Nhiều năm qua các anh/chị phóng viên báo/đài cũng luôn theo sát phản ánh thực trạng này với các tiêu đề: Tìm người làm văn hóa; Lo tìm truyền nhân, Áp lực lên di sản; Di sản & những nỗi lo... xoay quanh những câu chuyện, những vấn đề về nguồn nhân lực cho sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa vững chắc (*cả di sản văn hóa vật thể và*

phi vật thể) và phát triển du lịch bền vững.

Ngay bản thân ngành du lịch cũng đang thiếu hụt nguồn nhân lực trầm trọng, nhất là nguồn nhân lực được đào tạo. Tại các doanh nghiệp du lịch - dịch vụ cho du khách nói chung nhiều lao động không cần qua lớp đào tạo nghề, dù là ít ngày cũng dễ dàng được sử dụng. Có thể thấy sự bùng nổ của nhiều dự án đầu tư cơ

sở dịch vụ du lịch tại Hội An và sắp tới ở vùng Nam Hội An và Đà Nẵng, trong khi lao động đào tạo ra trường hàng năm không đáp ứng được nhu cầu thực tế đang dẫn đến vấn đề thiếu hụt lao động trầm trọng... Hiệp hội du lịch của tỉnh cũng không thể làm gì hơn ngoài việc than phiền về thực trạng và tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh về cách sử dụng, thu hút lao động và giá cả dịch vụ đang diễn ra nhiều bất cập của các doanh nghiệp hiện nay. Nhiều mặt hàng lưu niệm, hàng thủ công mỹ nghệ được nhập từ các địa phương khác (*mà phần lớn là hàng của Trung Quốc*). Ngay cả mặt hàng từ các làng nghề thủ công truyền thống nổi tiếng của Hội An như mặt hàng mộc, gốm sản phẩm chỉ mang tính trình diễn còn hàng để bán cho khách chỉ là hàng nhập.

Vấn đề đáng quan tâm nữa đó là: Hiện nay ở Hội An đang diễn ra một sự hội nhập (*dân cư, kinh tế, văn hóa*) mạnh

mẽ theo xu hướng phát triển kinh tế văn hóa du lịch - dịch vụ - thương mại quốc tế trên nền tảng Di sản văn hóa và thiên nhiên. Diễn trình này đang đặt ra những vấn đề lớn mà Hội An phải đối mặt, cần tập trung giải quyết đó là về cơ sở hạ tầng, cơ cấu xã hội, kết cấu dân cư, thiết chế văn hóa, hành chính của một đô thị - nông thôn vốn mang tính truyền thống, lịch sử - văn hóa, vừa phải gắn với hội nhập và phát triển theo xu hướng du lịch - dịch vụ quốc tế. Đồng thời phải đảm bảo tối ưu nguyên tắc bảo tồn tính chân xác. Về góc độ không gian quản lý và phát triển ở đây không chỉ là trong phạm vi Khu phố cổ - Di sản văn hóa thế giới mà phải bao gồm cả một tổng thể cảnh quan sông nước, biển - đảo, làng quê, làng nghề truyền thống; cả vùng di sản văn hóa đô thị và nông thôn. Trong đó phải tính đến cả yếu tố liên kết bảo tồn văn hóa và phát triển kinh tế du lịch trong vùng và khu vực. Ngoài việc phải giải quyết những vấn đề nêu trên, sự hội nhập - biến động dân cư (*do tất yếu của sự phát triển vốn có trong lịch sử - văn hóa Hội An*), tăng cơ học, đã làm thay đổi thành phần dân cư, chủ thể ngay trong các ngôi nhà di sản - không gian kiến trúc Khu phố cổ. Yếu tố này tác động mạnh mẽ đến những giá trị văn hóa phi vật thể đặc trưng, nổi bật toàn cầu của Hội An (*đó là nếp sống, ứng xử, ẩm thực, phong tục tập quán... của con người Hội An gắn kết trong quần thể di tích/ giá trị văn hóa vật thể*). Mặt khác, lượng khách tăng nhanh, tăng cao dẫn đến bất cập trong quản lý các hoạt động dịch vụ; thiếu khả năng, điều kiện phục vụ du khách; hạ tầng du lịch không theo kịp... dễ xảy ra sự ồn ào, nhiều hình ảnh

phản cảm, ảnh hưởng xấu đến du khách, đến tính bền vững của du lịch. Thậm chí nhiều du khách đến với Khu phố cổ Hội An chỉ thấy đông người qua - lại (*và cũng ở quanh khu vực Chùa Cầu, với lượng khách Trung Quốc, Hàn Quốc chiếm đa số*). Du khách khó cảm nhận được giá trị lịch sử - văn hóa và vẻ đẹp tuyệt tác của các công trình kiến trúc, của quần thể Khu phố cổ. Ở đây đang thiếu hẳn không gian, sự tĩnh lặng cho du khách để cảm nhận? cũng chính là thiếu sự bền vững cho du lịch văn hóa?

Đi cùng với biến động dân cư, áp lực phát triển du lịch, đô thị hóa là sự bất cập về quy hoạch chung (*về phát triển đô thị - nông thôn, giao thông, các thiết chế hạ tầng...*); các quy định, quy chế quản lý về: kiến trúc, xây dựng, hoạt động xã hội, văn hóa...; các quy hoạch chuyên ngành về văn hóa, du lịch, thể thao; bảo tồn Di sản... đều không theo kịp với tốc độ phát triển... Nhiều vấn đề về văn hóa - xã hội, an ninh, trật tự - an toàn xã hội, dân cư đang đặt ra bức xúc, cần phải có giải pháp khắc phục kịp thời... Riêng trong Khu phố cổ hiện có 6 quy chế/quy định (*về: quản lý, bảo tồn, sử dụng, di tích; sản xuất, trật tự kinh doanh; hoạt động quảng cáo; hoạt động tham quan du lịch; hoạt động vận chuyển khách; phối hợp quản lý*) nhưng tất cả đã đến lúc đều không đảm bảo tính pháp lý? Ngay cả các luật định, nghị định của nhà nước, của chính phủ khi áp dụng vào Hội An cũng rất nhiều bất cập. Bởi Hội An là di sản có người dân đang sống và sở hữu. Các hoạt động văn hóa lễ hội, tổ chức sự kiện văn hóa - du lịch, hoạt động ngoại giao văn hóa và quảng bá văn hóa - du lịch Hội An những năm qua tuy đạt

được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, nhưng chủ yếu vẫn do ngân sách nhà nước đầu tư, tính xã hội hóa chưa cao; thiếu tính chủ động, thiếu tính chuyên nghiệp... Trong khi đó, mối quan hệ “hữu cơ” giữa ngành du lịch và bảo tồn di sản văn hóa cũng chưa hẳn là có sự gắn kết chặt chẽ. Nhất là chưa có sự thống nhất giữa hướng dẫn viên du lịch và hướng dẫn viên di sản, với cán bộ nghiên cứu, quản lý di sản. Khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa cán bộ nghiên cứu, quản lý, giữ gìn di sản văn hóa với cán bộ bán vé, hướng dẫn tham quan di sản cho du khách còn quá xa.

Chắc chắn chỉ số về doanh thu, về thu nhập và cả về số lượng du khách đến với Hội An chưa hẳn là chỉ số phát triển bền vững. Còn đó những vấn đề bất cập: Thiếu nguồn nhân lực, thiếu cơ sở hạ tầng, điều kiện phục vụ du khách và cả về định hướng quy hoạch, nguồn vốn đầu tư, quy chế quản lý, cơ chế chính sách, biện pháp chế tài... thì nỗi lo mất - còn của di sản văn hóa; sự phát triển bền vững của du lịch vẫn luôn là vấn đề đang quan tâm? Bởi có những di sản - địa điểm du lịch nổi tiếng du khách từng chen chân nhưng rồi thưa dần - vắng khách?

Nhìn lại năm du lịch di sản văn hóa - năm 2017, quả là có nhiều điều đáng vui mừng với những chỉ số phát triển,

nhưng cũng nhiều nỗi lo về tính bền vững. Nên chăng, ngành văn hóa - du lịch cần có một chương trình nghiên cứu, đánh giá cụ thể, toàn diện và trên cơ sở đó có giải pháp/biện pháp kịp thời, thích ứng để sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa và mục tiêu phát triển du lịch thực sự hiệu quả, vững bền. Và cũng xuất phát từ



Du khách trải nghiệm tour du lịch làng An Mỹ

những yếu tố đặc thù và thực trạng nêu trên, đã đến lúc Hội An “*cấp thiết đòi hỏi cần có một cơ chế quản lý vận hành thích ứng, đặc thù để bảo tồn và phát triển bền vững*”. Điều này từ hơn 400 năm trước, các Chúa Nguyễn (bắt đầu từ 1602 bởi Chúa Tiên - Nguyễn Hoàng) đã làm, tức là đặt Faifo - Hội An dưới sự quản lý, phát triển kinh tế bằng những chủ trương, chính sách “*cơ chế đặc thù*”, có ý nghĩa như một “*đặc khu kinh tế*”. Thậm chí sau này, Hội An vẫn tiếp tục được hưởng một số ưu đãi trong thời kỳ các vua triều nhà Nguyễn và cả thời kỳ Pháp thuộc ♦

NGHĨ THÊM VỀ CÂU CA DAO XƯA

Phùng Tấn Đông

Ca dao đất Quảng có khá nhiều câu ca “tôn vinh” sự giàu đẹp của vùng đất và con người. Theo “mô-típ” (motif): giới thiệu “địa danh + “có ”... “có”...” kiểu như “*Quảng Nam có lúa Phú Bông, có khoai Trà Đỏa có sông Thu Bồn*” hay “địa danh + “có” (hàm nghĩa) + (sản vật /phong cảnh) + đối tượng (ai/anh/cô/bạn... + (đã... thì...)” kiểu “*Điện Bàn gạo trắng nước trong, ai đi đến đó chẳng mong quay về*”... Riêng việc miêu thuật tính cách, tính tình con người đất Quảng, dường như ngoài thành ngữ/hay định ngữ “*Quảng Nam hay cãi*” hoặc những câu hát “giễu” trong hát giao duyên nói về tính cách mạnh mẽ hay yêu đuối của trai gái các làng xóm trong chuyện lứa đôi kiểu “*Trai Cẩm Phô chưa xô đà ngã; Gái Thanh Hà chưa gả đà theo*” (ca dao Hội An) thì số lượng ca dao về tính cách, phẩm chất đặc trưng của con người rất ít. Có lẽ trong gần nửa

ngàn năm trước, Hội An là một thương cảng quốc tế sầm uất, có một quá trình giao lưu buôn bán với thương khách trong nước và ngoài nước lâu dài nên người Phố Hội mới có câu ca - cũng là một “đặc sản” tinh thần do người xứ Quảng (hay các nơi khác) khen tặng và biết đâu cũng là do người nơi đây “tự nhận” (bởi tính võ đoán của văn học dân gian):

“Hội An đất chật (hay “phố chật” - do tính dị bản) người đông

Nhân tình thuận hậu lá bông đủ màu

Đạo từ sông trước xóm sau

Âm Bồn (hay Ông Bồn) ở dưới,
Chùa Cầu ở trên”

Trước hết, mở đầu câu ca, tác giả dân gian (hay còn gọi là tác giả “vô danh tính”) đã chỉ sự so sánh có ý nghĩa đối

lập/tương phản giữa một bên là “phố/đất chật”, một bên là “người đông”, câu này đồng thời mang hàm nghĩa so sánh tăng cấp kiểu “đã... (mà) càng”, như vậy câu này được ngụ ý “phố đã chật mà người càng đông”. Như vậy ý “hàm ngôn” của câu tạo ra nơi người nhận thông tin một “kiểu đón đợi” có điều kiện, rằng trong suy nghĩ, người nhận thông tin sẽ xuất hiện câu hỏi “vậy thì sao? ” Nơi đó



Chợ Hội An nửa đầu thế kỷ XX - ảnh Vĩnh Tân

cảnh quan, con người có lộn xộn, xô bồ, bức bối không?”. Tiếp đến câu trả lời là “nhân tình thuần hậu, lá bông đủ màu”. Vậy hiểu “thuần hậu” theo nghĩa nào? Trong bối cảnh của việc “đọc” hiện nay thì mỗi văn bản khi được “người đọc đọc/hay nghe” thì với mỗi một người đọc/nghe đều hiểu nghĩa văn bản mỗi khác nhau dù là văn bản văn học thành văn hay văn học dân gian. Theo nhà biên soạn từ điển Đào Duy Anh thì “thuần” là để chỉ “*rành một thứ không tạp nhạp, đầu đuôi một loại*”, và nghĩa “thuần hậu” là “*thực thà, đầy đặn*”. Trên nghĩa “gốc” của từ “thuần” ta có: “thuần bạch” nghĩa là “*rành sắc trắng tinh*”; “thuần chủng” có nghĩa là “*rất một nòi, không lai tạp*”; thuần thực” nghĩa là “*rành ròi, chín chắn*”; “thuần lý” là “*duy lý chủ nghĩa*” (triết học); “thuần lương” là “*thuần hậu và lương thiện*”; “thuần phong là “*phong tục thuần hậu*”; “thuần tính” là “*tính tình thuần hậu*”; “thuần bác phẩm nhiên” là “*tính ròng với tính tạp nhạp khác nhau, ý nói phân biệt quân tử với tiểu nhân*”... (Đào Duy Anh - *Hán Việt từ điển-Trường Thi xuất bản lần 3, Sài Gòn 1957 tr.442*). Một cách hiểu khác về “thuần hậu” thiên về góc độ xã hội - luật pháp, luật lệ xem “thuần hậu” gần giống với “thuần phục” nghĩa là: còn người/người dân “*ôn hòa, thuận tòng, dễ bảo*” (Khổng Đức (chủ biên), *Long Cương, Đạt Sĩ (cộng sự) - Từ điển Hán Việt hiện đại - Nhà xuất bản Trẻ - 2002 tr. 845*).

“Nhân tình thuần hậu” được hiểu thiên về nhà tự điển học họ Đào hơn trong ý nghĩa “liên văn bản” dưới góc nhìn văn hóa học. Các câu còn lại của bài ca, xét về mặt “hiển ngôn” để chỉ nghĩa phân định về “diên cách”, “địa lý” của một “Phố Hội An” lúc bấy giờ: “*Âm Bồn ở dưới, Chùa Cầu ở trên*”. Mặt “hàm ngôn” thì lại mang ý nghĩa khác, ý

nghĩa ấy cũng là để “tăng cấp độ ý nghĩa” của chữ “thuần” - hai câu này như muốn ngụ ý rằng có đi khắp “sông trước xóm sau”, “Âm bồn dưới” hay “Chùa Cầu trên” cũng vậy, ở đâu cũng “*rành một thứ không tạp nhạp*” đó là “thuần hậu nhân tình”, mọi người Hội An đều có/gìn giữ/biểu hiện nền nếp thuần phong trong lối sống/nếp sống, trong “*nói và làm*” - trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người, giữa người với thiên nhiên và cộng đồng xã hội. Thuần hậu là “*thực thà, trung tín*” trong hoạt động sống, mua bán, trao đổi, trong thực hành văn hóa sống, thực hành văn hóa tâm linh. Trong nghĩa này, không thể phủ nhận trong tính cách, phẩm hạnh của người xưa có ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo, Công giáo... như tu dưỡng chữ “tín” - một trong năm đức lớn (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) của mẫu người quân tử của đạo Nho và quan niệm “vô ngã”, “chánh niệm”, “chánh ngữ” hay giới cấm “không được nói dối” của đạo Phật và lòng thành thực, trong trắng, vô nhiễm trong nghi thức xưng tội của đạo Chúa. Thuần hậu còn là lòng khoan dung, nhân ái, từ tâm, là sống có trước có sau (thủy chung), “*sống có hậu*”, sống “*phải đạo*” (đạo lý làm người), sống phải “*có người, có ta*” (mà trong lẽ phải có người có ta), “*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” (điều gì mà ta không muốn làm cho mình thì không nên làm cho người (khác)). Trong sách Phủ Biên tạp lục, Lê Quý Đôn từng đề cập đến người xứ Quảng/Nam Hà dưới sự cai trị của các Chúa Nguyễn thời Hội An sầm uất các hoạt động thương mại - “*chợ không có hai giá*”. Sự “*trung thực*” của giới thương nhân xứ Quảng mà Hội An là tiêu biểu được giới nghiên cứu văn hóa về sau nhận định là một lựa chọn “*minh triết*”, “*khôn ngoan*” của cư dân bản địa trong hoạt động mua bán -

lĩnh vực cần “uy tín”, cần giá trị của “thương hiệu” về khoản “mua hàng trả chậm/trả dần” hay bán hết hàng mới thanh toán”, “khoản vốn vay dài hạn, thủ tục đáo hạn”, “vay/trả với lãi suất đã giao ước”, kỳ hạn giao hàng, thanh toán; chất lượng hàng hóa; hạn mức sử dụng; quy trình, lịch trình vận chuyển hàng hóa... Trong buôn bán ngoài việc nói thực hàng, thực giá người Hội An có lệ “lưu phước” - như trong trường hợp lấy tiền bán một món hàng với mức giá thỏa thuận xong, người bán “lưu” lại cho khách mua một “ít tiền” gọi là “lưu phước” - trong ý nghĩa “lưu lại phúc đức cho con cháu mình nhờ về sau này” - một trong những việc làm của người “ăn ở có hậu” - cụ Đào Duy Anh cho đó là người sống “đầy đặn” hay “dày dặn”...

Trong văn hóa ứng xử thường ngày, người Hội An nói riêng, người Quảng nói chung ngoài việc bận rộn mưu sinh, lo “miếng cơm manh áo” còn là chuyện “phải chuyện không” mà những chuyện “phải, không” ấy xoay quanh chuyện ứng xử với lễ tục vòng đời người là “quan, hôn, tang, tế” (quan là lễ đội mũ cho người nam khi trưởng thành (lễ gia quan); hôn là “hôn nhân”, “hôn sự” (cưới hỏi); tang là tang sự (đám ma) và tế/tế lễ (thờ cúng thần/người quá cố). Người xưa coi trọng việc đến dự lễ đầy tháng, thôi nôi cho em bé - dù thân (trong gia đình, họ tộc), thân hữu hay sơ (hàng xóm, người làng, người trong phố, bạn hàng...). Ngay với lứa tuổi nhi đồng hay thiếu niên, ngày tết có tục “li xì” (âm Quảng Đông, Hán-Việt là “lợi thị” (lợi thị có nghĩa là “mua may bán đắt”), tục này, ông, bà, cô, bác (người lớn tuổi) “li xì” cho các cháu bằng tiền được đựng trong phong bao màu đỏ - để tập cho các cháu biết nói “cảm ơn” và “nhớ ông bà, cô bác”. Chuyện hôn sự cũng vậy, ngoài

việc dự tiệc hỉ (vui), trao quà cho đôi trẻ, ai nấy đều cầu chúc cho lứa đôi hạnh phúc, khuyên răn họ gìn giữ hòa khí, sống thuận hòa đến “đầu bạc răng long”. Với việc tang thì “nghĩa tử là nghĩa tận” dù bình sinh người này không ưa thậm chí oán ghét người kia nhưng “chết là hết”, người nào cũng đến dự đám với lòng thương xót, khoan dung và cho dù không quen biết, con cháu được dạy khi ra đường gặp đám tang phải dừng lại, ngả mũ chào tiễn biệt bởi một lẽ - ai cũng có ông bà cha mẹ, rồi cũng có ngày tang sự, rồi cũng được mọi người chào tiễn để người đã mất “ấm lòng” trong cõi quanh hui. Còn việc “tế tự” (cúng bái, giỗ, quây) thì được mọi người xem trọng, coi đó là bổn phận và trách nhiệm với gia đình, gia tộc và cộng đồng nên được mỗi người cũng như mọi người “thực hành văn hóa” quanh năm (lễ tục, lễ lệ, lễ hội...)...

Chính do nền tảng ứng xử văn hóa của một cộng đồng quen nếp “thuần hậu” nên con người, sản vật mới phong nhiêu, xum xuê hương sắc, mới “lá bông đủ màu”. Câu “nhân tình thuần hậu, lá bông đủ màu” ngoài nghĩa ‘biểu hiện’ thực tế: sự dồi dào hàng hóa, sản vật của một thương cảng, một “chợ phiên quốc tế” của “Hội An Phố” ở thế kỷ 17, 18 còn hàm chứa một nghĩa khác - đó là sự “tôn vinh” lẫn nhau của “phẩm hạnh thuần hậu” bên trong tâm hồn, tính cách và vẻ đẹp phong phú, tinh tế, lấm vẻ thu hút, cuốn hút, hấp dẫn bên ngoài không những của sản vật, cảnh sắc mà cả con người, ở đó mỗi con người đều mang dáng nét, nhân dáng riêng trong cái chung - cái Đẹp. Các nhà nghiên cứu mỹ học cho đó là “sự thống nhất trong đa dạng” tí như hai nàng Kiều bởi “mỗi người mỗi vẻ”, nhưng “mười phân vẹn mười” (Nguyễn Du)... ♦

MỘT THOÁNG SÔNG HOÀI

Nguyễn Hoài Quảng

Đã từ lâu, cùng với Chùa Cầu, sông hoài đã trở thành một trong những biểu tượng của Hội An. Như một lãng tử thích cô đơn, sông tách mình ra khỏi những phố xá ồn ào, dòng người đông đúc và sự hối hả của cuộc sống để êm đềm chảy đều qua năm tháng, mang một dáng dấp dịu dàng, trầm mặc như chính đất và người ở nơi đây

Là nhánh hạ lưu của Thu Bồn - một con sông có lưu vực nội địa lớn nhất Việt Nam - sông Hoài (*tức Hoài Giang, còn có tên gọi khác là sông Hội An, sông Cánh*) mang trong mình nặng trĩu những phù sa bồi đắp cho vùng đồng bằng, để rồi từ đó những luống khoai, vườn dưa, hàng bắp xanh rờn, tươi tốt vươn lên như một lời tạ ơn trời xanh đã ban tặng. Sông cũng mang trong dòng chảy của mình bao huyền tích và những sự thật lịch sử từ ngàn xưa đến nay. Ngay cả một Phố cổ nên thơ, cho đến Chùa Cầu linh thiêng đều được “sinh ra” sau những cuộc chuyển dòng của sông Hoài trong quá khứ. Đôi khi lẩn thẩn tự hỏi, không biết cái tên đó có từ bao giờ, vì ngay cả

sách Đại Nam nhất thống chí viết hoàn thành vào đầu thế kỷ 20 (1910) cũng không thấy nói đến khi viết về sông núi tỉnh Quảng Nam. Nhưng mà thật sự khâm phục cho ai gọi nó lúc sông chảy qua mảnh đất tình sâu nghĩa nặng này. Bởi một lẽ, tất cả những cung bậc tình cảm cao quý nhất, đẹp đẽ nhất giữa người với người: yêu, thương, nhớ, mong, hờn dỗi (*để được yêu thương*), đợi chờ, hi vọng... đều nằm trong chữ HOÀI diệu vợi đó.

Tuổi thơ tôi và những bạn cùng trang lứa gắn nhiều kỉ niệm với Hoài Giang - vốn là điều hiển nhiên của những đứa trẻ sống gần vùng sông nước. Hè thì lội tắm, cho chuồn chuồn cắn rún để tập bơi, mùa nước lớn xúm xít xem người ta cật vó, mùa nước cạn có đứa bạo gan bơi sang bờ kia trộm dưa về ăn, kể sao cho hết thời hoa niên ngốc dại mà đáng yêu vô cùng ấy. Trong tôi lúc nào cũng vẹn nguyên hình ảnh dòng sông mùa lũ lụt: nước sông đục ngầu, hai bờ sông chỉ còn vài cây dại xơ xác, tiêu điều, nhưng chỉ thời gian ngắn thôi rồi màu xanh mon mơn, một sức sống tuôn trào lại chạy dọc đôi bờ sông, quả là sự diệu kì lý thú mà để gì ai hiểu được. Lúc trưởng thành, những đêm trăng sáng, ngồi nhìn bóng trăng lấp lánh trên mặt nước, uống rượu cùng người tâm giao, mỗi là một vài con cá, chút tôm tươi mua

của người thả lưới đêm được nướng trên đồng lá bẻ vôi, rồi đàn ca hò hát, say nằm ngửa trên cỏ ven sông ngắm ngàn sao lung linh, tưởng không còn thú vui nào bằng.

Cổ nhân nói : *“Trí giả nhạo thủy ”* - người trí thông đạt cái đạo lý nên yêu thích cái lưu động của nước. Chính vì vậy tôi đã tin và đã từng thấy, dưới dòng nước lặng lẽ trôi đổ về Cửa Đại rồi hòa ra với biển lớn, những con thuyền nhỏ của người dân mưu sống trên sông vẫn vậy, lặng lẽ, hiền hòa như hàng trăm năm qua không có gì thay đổi, như một biểu tượng của những gì bất diệt. Sống giữa sông nước mênh mang và đất trời bao la, trong tâm hồn họ tràn đầy dòng máu nghệ sĩ: có khi thích trầm tư mặc tưởng, mơ mộng xa vời; lúc lại phóng túng chơi vui. Cũng giống như sông - tùy từng lúc từng nơi mà to hay nhỏ, vuông hay tròn, nhẹ nhàng uyển chuyển, khi dịu dàng róc rách, lúc cuộn cuộn ào

ạt - những con người ấy sống trung thành với quả tim họ, yêu thương hết mình, biết tận hưởng thú đời, thung dung tự tại, dễ gần gũi và xem thường vật chất. Họ là những thi sĩ không làm thơ, nhưng cuộc đời của họ thật là những bài thơ tuyệt trác. Các câu ca, điệu hò đầy nghĩa tình mà chứa đựng bao triết lý sâu sắc về nhân sinh, cuộc đời ắt hẳn từ các nghệ sĩ dân gian ấy mà ra.

Thật ra, *“Câu chuyện dòng sông”* (Tên một tác phẩm nổi tiếng đạt giải Nobel văn học của tác giả người Đức-Hermann Hesse) cũng chính là câu chuyện của một đời người, và rộng hơn là đời sống của nhân loại với nhiều kiếp người nối tiếp nhau kéo dài vô tận. Lịch sử sông Hoài cũng chính là lịch sử của Phố, của dân cư nơi này, từ buổi khai hoang mở cõi của ông cha đầy gian lao khổ ải cho đến ngày nay con cháu các thế hệ ra sức lao động để tri ân người đi trước và chuẩn bị cho ngày mai một cơ



đồ rạng rỡ hơn. Từng lớp người lặng lẽ đến với cõi đời rồi lại chết đi, từng lớp người khác lại tiếp tục bước tới và chẳng bao lâu lại biến mất như những con sóng vỗ bờ, để rồi lớp người khác xuất hiện... Luôn mới mà chẳng có chi khác lạ như sông kia miên man trôi mãi không ngừng theo những đợt triều dâng. Tưởng như từng ấy câu chuyện vui buồn, từng ấy bi kịch và hạnh phúc của đời tiếp diễn không ngừng trôi chảy và phát triển trên dòng sông ấy, miên man bất diệt. Tất cả đều toát lên một tinh thần tự do, vô tận, vô danh và im lặng nhưng mang nhiều hi sinh, tha thiết với đời. Phải chăng ý nghĩa cuộc sống là ở đó?

Nói đến sông, người ta hay liên tưởng đến cầu. Và cây cầu nổi tiếng nhất gắn với sông Hoài chính là Cầu Chùa (hay Chùa Cầu hoặc Lai Viễn Kiều). Đã có bao chuyện kể, nhiều bút mực, sách in viết về mối lương duyên cơ ngẫu ấy, nhưng chỉ chắc chắn một điều: sông Hoài và Chùa Cầu là một phần không thể tách rời, là máu thịt, là linh hồn của vùng đất nơi đây. Giờ đây trên dòng sông này có cây cầu nối giữa bên này Phố và bên kia làng quê xứ mộc Kim Bồng nổi danh. Chiếc cầu ấy như cánh tay nối dài để ôm choàng những người con chất phác, chân tình bên kia sông hòa vào nhịp sống năng động, rộn ràng của phố thị, bớt đi những vất vả, lo âu của các mẹ, các chị trên những chuyến đò ngang đầy người và hàng hóa, cho các em thơ thông thả đạp xe đến trường và đứng giữa cầu nhìn trời trong sông biếc.

Và thế thì, sẽ là điều hiển nhiên khi tìm một biểu tượng gắn bó, thủy chung với đất và người Hội An từ xưa đến nay - chắc có lẽ không gì thay thế được sông

Hoài. Dòng sông như chính là tấm gương để soi hồn Phố từ thuở hồng hoang, lúc nào cũng dịu dàng và quyến rũ. Sông Hoài là món quà quý mà thiên nhiên ban tặng cho Hội An, không chỉ đem lại hơi nước mát lành cho phố thị mà còn tạo ra một cảnh quan trên bến dưới thuyền độc đáo và những đêm hội hoa đăng lung linh màu sắc đầy ấn tượng. Vì thế có một nhà thơ đã gọi Hội An là *“phố của những vệt màu tri âm”*, đây là nơi để ai đó khi đi xa trở về mà thương mà nhớ, mà mơ mà tưởng. Nước đổ ra biển nhưng tình sông lại chảy ngược lên nguồn rồi vỗ vào lòng người, bởi vậy cứ khắc khoải hoài câu: *“Ai về nhắn với nậu nguồn. Mít non gửi xuống, cá chuồn gửi lên”*. Chỉ có bấy nhiêu thôi cũng ngậm ngùi, nghĩ ngợi.

Vẫn thường biết, bất cứ nơi đâu và bất kể lúc nào, hai yếu tố đất và nước luôn gắn bó với sự hình thành và phát triển của cư dân sống ở đó, góp phần làm nên tính cách đặc trưng phân biệt với vùng miền khác. Sông Hoài, từ bao đời đã là nhân chứng của những thăng trầm, biến đổi dữ dội của lịch sử, vẫn luôn duyên dáng, thân thương bên vùng đất phố thị này, vẫn mơ màng uốn lượn theo tháng năm của dòng đời bất tận. Hồn của đất, của người Hoài Phố ở đó chứ còn đâu. Phố Hội, cũng như chính sông Hoài, luôn biến đổi và trường tồn với những vẻ đẹp riêng biệt qua năm tháng. *“Trong tim ai cũng có một dòng sông riêng mình”*, lời bài hát sao thân thương quá đỗi, tôi cũng muốn *“trở về dòng sông tuổi thơ”*, nơi mang những dấu ấn thân thương đầy kỷ niệm của thời hồn nhiên và trong sáng, hồi sông Hoài yêu dấu ♦

NHỮNG BỨC TRANH THIÊN NHIÊN TRÊN VÁCH ĐÁ PHÍA ĐÔNG CÙ LAO CHÀM

Nguyễn Đức Minh

Không biết từ bao giờ, vách đá phía Đông Cù Lao Chàm đang lưu giữ nhiều bức tranh thiên nhiên tuyệt tác. Có bức đã ngả màu thời gian, có bức mới hoàn thành, nhưng cũng có bức như vẫn đang được vẽ dở dang... Tất cả chúng được trưng bày thật nghệ thuật như có bàn tay chuyên nghiệp giấu mặt nào đấy can thiệp một cách tự giác và thật vô tư. Nếu ai đã đến đây sẽ cảm nhận được rằng họ đang lạc vào thế giới nghệ thuật của một đấng vô hình nào đấy với cả rừng tranh đá thiên nhiên.

Nhưng rồi bằng cảm quan tư duy khoa học vẫn biết rằng, do ảnh hưởng của ánh sáng, không khí, gió, hơi nước và môi trường đặc biệt của khu vực, những bức tranh trên vách đá được hiện hình bởi nhiều màu sắc cùng những gam màu khác nhau. Tuy nhiên gam chủ đạo vẫn là gam lạnh, trầm lắng sâu thẳm sức sống bền bỉ cùng thời gian. Đường nét các bức tranh thật tự nhiên, theo phương thẳng đứng giống như đường đi của các cây cọ vẽ không lờ và do bàn tay của hoạ

sĩ vô hình vẽ nên từ trăm năm, ngàn năm trước để lại. Muốn chiêm ngưỡng, phải từ nhiều góc độ để cảm nhận. Những bức tranh ấy có thể thuộc rất nhiều trường phái, nhiều phong cách được thể hiện độc đáo. Đá - cây - rêu - hơi nước - sương mù - gió - nắng... cùng kết hợp với trí tưởng tượng của con người cho những bức tranh tuyệt vời nhiều màu sắc, nhiều hình khối, đường nét.

Đá chứa nhiều hoá chất, gặp nước mưa, nước từ các rễ cây... chảy ồ ạt khi có mưa lớn, hoặc nhều từ từ đục khoét dần đá cộng với các loại rêu, địa y để lại những vết chảy trên vách đá. Có bức tranh rộng cả ngàn mét vuông, có bức chỉ vài chục mét vuông nhưng nhiều bức nhỏ hợp lại thành bức lớn đội từ trên cao ngút mắt xuống chân đảo sát mặt nước. Có khi kết thúc đột ngột, có khi lại có đường riềm bởi một loạt các hòn đá lớn nhấp nhô, nhiều góc cạnh. Điều đặc biệt hơn, những bức tranh này thay đổi theo độ sáng của nắng mặt trời trong từng thời điểm khác nhau, theo từng mùa, từng ngày khác nhau. Chỉ một bức tranh trong từng thời điểm bình minh, sáng, trưa, chiều, hoàng hôn đều cho cảm nhận về bức tranh khác nhau cho dù vẫn chỉ cùng với diện tích khuôn khổ đã ấn định. Vào ngày có nắng, ánh sáng mặt trời cũng cho các kết quả theo trình tự thú vị. Khi mặt trời lên, nắng yếu nhưng chiếu

thẳng, các bức tranh ảo mờ trong sương sớm, đôi chỗ lấp ló những hình thể lả lăm cho cảm giác lạc vào xứ sở thần tiên. Khi mặt trời lên, nắng sáng có cường độ mạnh, phản chiếu thẳng vào vách đá, phản chiếu xuống mặt nước phản quang lên vách đá tạo nên hợp thể ánh sáng soi rọi rõ từng đường nét dù nhỏ nhất. Bức tranh ấy có thể thoáng bóng chim bay qua, có thể các tán cây rung động bởi luồng gió bất chợt đùa giỡn, có thể được điểm xuyết thêm vài lọn mây trắng bồng bênh từ phương trời nào đó đột nhiên lạc lõng đến xứ Cù Lao in bóng xuống vách đá... Khi mặt trời đứng bóng lại tạo nên chỗ sáng chỗ tối để có những bức tranh có cận cảnh, có viễn cảnh kết hợp hoà thành mảng nổi, mảng chìm. Đây là sức sống thôi không phô trương nhằm giấu bớt những khoảng cách giữa rực rỡ và âm u, giữa lộ liễu và thâm kín để chuẩn bị cho một cuộc giao thời. Khi mặt trời khuất sau phía Tây Hòn Lao tạo nên bức tranh trầm mặc trong gam màu thẫm

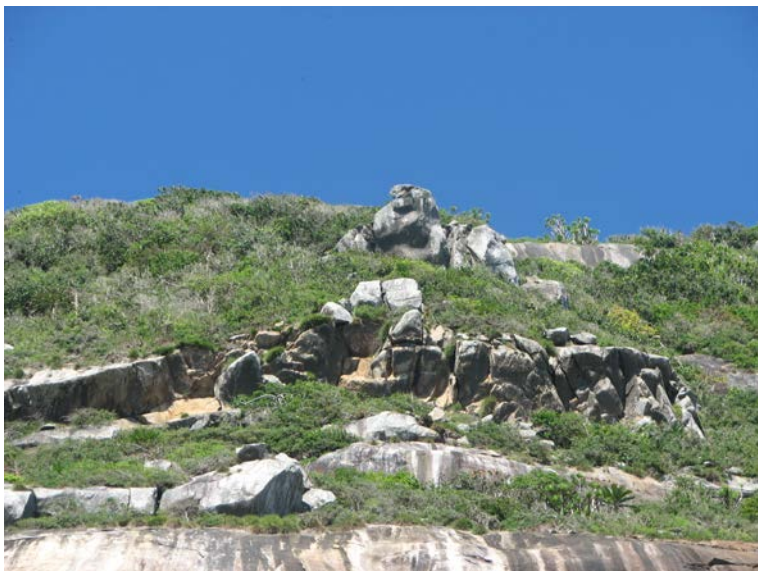
lạnh. Ẩn chứa đâu đó những ý tưởng của bóng đêm chuẩn bị lan toả chập chờn. Vào ngày không có nắng màu sắc các bức tranh dù không rực rỡ nhưng lại chuyển sang gam màu xám chủ đạo, đôi chỗ được tô điểm những vệt sáng phản quang từ sóng nước tạo hình ảnh chập chờn mung lung thêm huyền ảo. Trong những ngày này các bức tranh thường gợi cho con người những hoài niệm về cổ hương trong thoáng tư duy u uẩn một nỗi niềm khó nói nào đấy.

Nếu dùng máy ảnh kỹ thuật số chụp về nạp vào máy tính, dùng trình photoshop để xử lý như tăng giảm độ sáng, độ màu sẽ cho những tấm ảnh về những bức tranh theo từng cung bậc cảm thụ khác nhau. Cái khó cho các nhiếp ảnh gia là khi ngồi trên thuyền bồng bênh sóng vỗ, độ gần xa và góc chụp đều quyết định chất lượng chụp. Vì thế không phải ai cũng chụp được các bức tranh một cách ưng ý, không phải loại máy nào cũng cho các bức ảnh đồng



nhất, bởi sự chi phối từ nhiều yếu tố. Tương lai sẽ có những du khách bỏ cả đời mình cho cuộc sưu tập những bức tranh thiên nhiên của Cù Lao Chàm ở khu vực này. Tuy nhiên cũng không loại trừ những họa sĩ có tâm huyết với vùng đảo này sẽ thật nhiều cơ hội để học từ thiên nhiên những hình khối đường nét, màu sắc và đặc biệt là cách bố cục hợp lý cho tổng thể một bức tranh mà người xem phải vận dụng cả độ khoáng đạt không gian của sự kết hợp hài hoà biển, trời, nước, của cả tâm hồn mình để cảm nhận, thưởng thức.

Thiên nhiên đã cho con người những sản phẩm nhiều giá trị nghệ thuật, chỉ có thể gìn giữ được các bức tranh vách đá này trên phương diện bảo tồn tổng thể môi trường sinh thái khu vực cả trên núi và dưới nước. Vì qua nghiên cứu của các nhà khoa học chuyên ngành cho biết, xen lẫn trong đá có nhiều cây thuốc Nam rất giá trị chữa được nhiều bệnh. Chính những loại cây, loại rêu đá này góp phần tạo nên màu sắc cho các bức tranh đá. Phía trên cao theo lời các cụ già kể lại, xưa còn có những cây lầy gỗ lớn xen kẽ các trên đá đã bị đốn hết. Nếu còn, sẽ điểm xuyết làm cho bức tranh trên vách đá nhiều giá trị hơn. Hiện nay tuy chỉ còn các loài cây đại loại bụi thấp nhưng vẫn có bóng dáng chim chóc về làm tổ, đôi chỗ còn nghe âm thanh róc rách của suối nước vốn trước đây hàng ngàn năm từng tuôn chảy tạo những vệt nước nắng lung linh trên các sườn đá lớn. Nhìn về tổng thể, đây chính là những đường cọ đang sống, đang nhảy



múa của tạo hóa hiện hình dần dưới ánh sáng mặt trời.

Mỗi độ Xuân về, những bức tranh đá trên đảo lại có dịp phô trương dáng vẻ hấp dẫn, ngời ngời sức sống, lung linh trăm màu, ngàn tia dưới ánh nắng mặt trời. Để tôn tạo cảnh quan, giữ mãi những giá trị văn hóa phi vật thể trời cho, có thể trồng cây tăng thêm vẻ đẹp nơi này, tạo môi trường cho những bức tranh đẹp từng trở thành quá vãng sẽ hiện hình lại cùng những bức tranh đang hiện hữu cần được bảo tồn mãi cho mai sau. Rực rỡ hay tàn lụi, chói sáng hay phai mờ là quy luật của tự nhiên nhưng đều có tác động từ bàn tay, tấm lòng của con người. Vì thế những bức tranh đá tồn tại hay không sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào nhận thức và hành động của con người. Hy vọng tương lai, những bức tranh đá ở phía Đông Cù Lao Chàm sẽ là một sản phẩm du lịch tuyệt vời của Xứ Đảo, dành mời gọi những du khách yêu nghệ thuật đến thưởng lãm, chiêm nghiệm, thấm thía những triết lý, những bài học về cuộc sống từ thiên nhiên để thêm yêu vùng đất thơ mộng, huyền bí đầy nắng gió này ♦

VAI TRÒ CỦA SÔNG CỎ CÒ VỚI THƯƠNG CẢNG ĐÀ NẴNG - HỘI AN TRONG LỊCH SỬ

Võ Văn Hoàng

Sông Cỏ Cò có chiều dài khoảng 27,5km, còn được gọi là sông Bãi Dài, sông Dài, sông Hà Sáu, sông Bến Trễ, sông Đẻ Vồng,... còn trong các thư tịch của triều Nguyễn thường ghi là Lộ Cảnh Giang. Đây là con sông nổi tiếng trong lịch sử ngoại thương của xứ Đàng Trong trước đây, nối liền tiền cảng Đà Nẵng với thương cảng Hội An sầm uất từ thế kỷ XVI đến XVIII. Cuối thế kỷ XIX, sông Cỏ Cò bị bồi lấp, gãy đứt thành nhiều đoạn, do vậy việc thông thương giữa hai cảng thị nổi tiếng này trở nên khó khăn.

1. Từ giữa thế kỷ XVI, Hội An do nằm ở vị trí địa lý thuận lợi, trên con đường hương liệu và gốm sứ trên biển nên sớm trở thành một trong những thương cảng sầm uất của xứ Đàng Trong. Thương thuyền trong nước và quốc tế đã tìm đến để giao thương buôn bán. Lúc này, thuyền buôn muốn vào cảng thị Hội An phải đi bằng hai con đường: [1] Nếu thuyền đến từ phương Nam (*thường là của các nước phương Tây*) sẽ vào Đại Chiêm Hải Khẩu để đến Hội An; [2] Nếu thuyền đến từ phương Bắc (*số này có lẽ nhiều hơn, vì bao gồm cả thương thuyền của các nước phương Tây, lẫn Trung Hoa và Nhật Bản*) thì thường dùng ngõ Đà Nẵng, vào cửa Hàn, sau đó đi dọc theo sông Cỏ Cò để đến Hội An. Đi bằng đường này sẽ tiện hơn

vì không phải đi vòng quanh bán đảo Sơn Trà, như vậy sẽ rút ngắn được lộ trình mà lại an toàn sóng gió.

Thế kỷ XVII được xem là giai đoạn cực thịnh của cảng thị Hội An. Lúc bấy giờ, vì muốn phát triển kinh tế cũng như củng cố thế lực chính trị của mình ở Đàng Trong nên các chúa Nguyễn đã cho phép thương nhân nước ngoài đến Hội An buôn bán, trong đó thương nhân người Nhật và người Hoa được chúa Nguyễn cho phép chọn đất, cất phố, lập làng để tiện việc thương mại. Năm 1618, Giáo sĩ dòng Tên người Ý là Cristophoro Borri đến Đàng Trong truyền giáo, ông đã ở lại đây cho đến năm 1622, trong nhật ký của mình, ông đã viết khá rõ về cảng thị Hội An thời bấy giờ: *“Thành phố ấy gọi là Faifo (Hội An), một thành phố lớn đến độ có thể nói là có đến hai thành phố, một phố của người Tàu, một phố của người Nhật. Mỗi phố có khu vực riêng, có quan cai trị riêng và sống theo tập tục riêng. Người Tàu có luật lệ và phong tục của người Tàu, người Nhật cũng vậy”*.¹

Chính nhờ vào vị trí địa lý thuận lợi cũng như các chính sách ưu đãi của chúa Nguyễn đối với thương nhân ngoại quốc mà Hội An sớm phát triển và trở

¹ Cristoforo Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, (Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị dịch và chú thích), (TPHCM: TPHCM, 1998), 92.

thành một đô thị thương cảng nằm ở ven sông. Thuyền buôn từ phương Nam, phương Bắc lẫn phương Tây đều cập bến Hội An bởi họ tìm thấy ở cảng thị này có những điều kiện thuận lợi cho việc thu gom, tích trữ, trao đổi hàng hóa. Ngày 18-8-1695, thương nhân người Anh là Thomas Bowyear đến Hội An, ông thấy: “Các thuyền mua (đem đến Đường Trong) từ Quảng-đông: tiền đúc được lắm rất nhiều, cũng như hàng tơ lụa hoa các kiểu, lĩnh lụa, đồ gốm Trung Quốc, chè, kềm, thủy ngân, nhân sâm, long não và các vị thuốc khác; từ Xiêm: lá trầu không, gỗ đỏ (dùng để nhuộm), sơn, xà cừ, ngà voi, thiếc, chì, gạo; từ Camphuchia: thư hoàng (dùng làm thuốc vẽ), cánh kiến trắng, sa nhân, sáp, sơn, xà cừ, gỗ đỏ, nhựa thông, da trâu, da và gân hươu, ngà voi, sừng tê v.v...; từ Ba-ta-vi-a: bạc, bạch đàn, trầu không, vải cát bá đỏ và trắng, thuốc màu đỏ; từ Ma-ni: bạc, diêm sinh, gỗ đỏ, vỏ sò, thuốc hút, sáp, gân hươu. Còn “Đường Trong” bán ra: vàng, sắt, tơ và hàng dệt như lĩnh, lụa... kỳ nam, trầm hương, đường, đường phèn,... yến sào, hạt tiêu, bông ...”¹

Sự trù phú và thịnh vượng của thương cảng Hội An được sách Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn ghi lại: “*Phố Hội An ở hai bên bờ sông lớn phía nam hai xã Hội An và Minh Hương, huyện Diên Phước, nhà ngói san sát kéo dài độ hai dặm, người Thanh cư trú, có năm bang: Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam và Gia Ưng đều buôn bán hàng thuốc*

Bắc, trong có đình chợ, hội quán, khách buôn tụ tập. Phía nam có đầm Trà Nhiêu làm chỗ cho ghe thuyền Nam Bắc đến đậu, cũng là chỗ đại đô hội”².

2. Trong khi cảng thị Hội An phát triển thịnh vượng thì Đà Nẵng vẫn còn là một mảnh đất nằm bên vịnh biển, mà địa hình nơi đây đã tạo ra một ưu thế rất đặc dụng như ghi nhận của Đại Nam nhất thống chí: “*Vũng Trà Sơn: Ở phía bắc huyện Hòa Vang, có tên là vũng Đà Nẵng. Phía đông có núi Trà Sơn, phía bắc là ải Hải Vân, phía tây là cửa Câu Đê, chu vi dài 29 trượng. Phía đông nam là vũng Trà, ấy là chỗ nước biển chứa làm một vũng lớn, nước sâu lại rộng, ngoài có các núi ngăn che, không có sóng lớn. Tầu thuyền qua lại gặp gió lớn hay đậu nghỉ nơi đây. Lại có tên là vịnh Đồng Long*”³.

John Barrow trong một lần được cử đi tháp tùng phái bộ với tư cách là quản gia của ngài đại sứ Macartney (nước Anh) tại Trung Quốc. Trong chuyến du hành này, phái bộ có ghé lại một số nơi, trong đó có vịnh Đà Nẵng. Trong nhật ký Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792 - 1793), ông đã nhận xét về vị thế của vịnh biển này: “*Vịnh Han-san [Hàn Sơn], hay thường được ghi dấu trên các tấm hải đồ là Turon [Đà Nẵng], mà về mặt an toàn và thuận tiện, ít có vịnh nào trên thế giới ở phương Tây sánh được bằng nó, và chắc rằng không có vịnh*

¹ Cristoforo Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, (Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị dịch và chú thích), (TPHCM: TPHCM, 1998), 92.

² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (Tập 1), (Hà Nội: Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2005), 375.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (Tập 1), (Hà Nội: Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2005), 352.

nào vượt trội hơn nó. Nó nằm ở vĩ độ 16⁰7' Bắc"¹.

Đặc biệt, ông đã chứng kiến thành phố Turon (Đà Nẵng) lúc bấy giờ bị tàn phá sau những cuộc nội chiến diễn ra trong nước: *"Mặc dù chúng tôi chưa bao giờ thấy một thành phố rộng lớn hay những lâu đài tráng lệ ở vùng phụ cận của vịnh Turon, tuy xưa kia nơi này từng nổi tiếng là một thị trường chủ yếu của những hoạt động buôn bán giữa nước này với Trung Hoa và Nhật Bản, chúng tôi vẫn cảm thấy phần nào thất vọng khi chỉ nhìn thấy một ít làng mạc, làng lớn nhất thì số nhà cửa cũng không vượt quá một trăm, mà chủ yếu lại là những ngôi nhà lợp tranh. Rõ ràng rằng qua cơn binh lửa của những cuộc nổi dậy vừa qua, vùng này đã phải hứng chịu nhiều tàn phá. Bằng chứng là những đống đổ nát của những tòa nhà còn trông thấy được hiện nay là mặt đất gồ ghề chứng tỏ rằng trước đây ở đó đã tồn tại những thành quách, đồn lũy,... Tất cả giờ đây đã trở nên hoang phế, không còn để lại dấu tích gì của sự trù phú trước đây hoặc gợi cho chúng ta ấn tượng về một cảnh huy hoàng đã tàn lụi"*².

Phải đến năm 1835, khi vua Minh Mạng có dụ: *"Tàu Tây chỉ được đậu tại*

cửa Hàn, còn các cửa biển khác không được tới buôn bán" thì Đà Nẵng lúc này mới trở thành một thương cảng lớn, tiếp đón tàu thuyền của các quốc gia trên thế giới đến neo đậu và trao đổi hàng hóa. Vì vậy, đã thúc đẩy các ngành sửa chữa tàu thuyền, sơ chế nông lâm hải sản, dịch vụ thương mại,... ở Đà Nẵng phát triển.

Tuy nhiên, lúc bấy giờ tiền cảng Đà Nẵng vẫn chưa phát triển mạnh. Tác phẩm *L'Annam en 1906: Géographie, Histoire, Administration, Commerce, Agriculture, Industrie* (Trung Kỳ năm 1906: Địa lý, lịch sử, hành chính, thương mại, nông nghiệp, công nghiệp) do Impr. Jamat et Cie ấn hành tại Marseille năm 1906 cho biết: trước khi trở thành nhượng địa (1888), thì Đà Nẵng lúc bấy giờ chỉ là một ngôi làng nằm ở giữa



Sông Cổ Cò ở khu vực Ngũ Hành Sơn – Đà Nẵng

một đồng bằng cát, xung quanh không có cây cối và nơi trú ẩn, chỉ có một con đường mòn xấu chạy ven bờ sông mà người đi bộ có thể qua lại được lúc thủy triều xuống nhưng không thể qua lại được lúc thủy triều lên.

Ngày 27 tháng 8 năm Mậu Tý (3-10 - 1888), dưới áp lực của thực dân Pháp, vua Đồng Khánh ký một đạo dụ ghi rõ: *"Các lãnh thổ thuộc các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng được chính phủ Đại Nam kiến lập thành nhượng địa Pháp và nhượng trọn quyền sở hữu cho chính phủ Pháp, và chính phủ Đại Nam từ bỏ mọi quyền hành trên*

¹ J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà* (1792 - 1793), (Hà Nội: Thế giới, 2008), 21.

² J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà* (1792 - 1793), (Hà Nội: Thế giới, 2008), 84-85.

lãnh thổ đó". Từ đó, Đà Nẵng trở thành "nhượng địa" (*concession*) của thực dân Pháp. Sau đó, người Pháp tách Đà Nẵng khỏi Quảng Nam và đổi tên thành Tourane, chịu sự cai quản trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương. Tourane được người Pháp kiến thiết, xây dựng trở thành một đô thị theo kiểu phương Tây. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, các ngành nghề sản xuất và kinh doanh được hình thành và phát triển như: sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu như: chè, lương thực, thực phẩm, nước ngọt, nước đá, rượu, nước mắm, cá khô; sửa chữa tàu thuyền, kinh doanh dịch vụ,... Cùng với những thành phố chịu sự cai quản của người Pháp như: Sài Gòn, Hải Phòng, thì Tourane trở thành một trong những trung tâm thương mại quan trọng của cả nước

3. Như vậy, vào thế kỷ XVI - XVIII, giữa Đà Nẵng và Hội An đã có mối quan hệ mật thiết với nhau. Giao thương giữa hai thành phố này chủ yếu bằng con sông Cổ Cò. Tuy nhiên hiện nay, tuyến đường sông này bị bồi lấp khá nhiều, tạo thành những vụng, đầm phá, đồng ruộng,... Dấu ấn của một con sông đóng vai trò quan trọng trong lịch sử ngoại thương của xứ Đàng Trong chỉ còn hiện diện trên những tấm bản đồ và qua các thư tịch cổ.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, sông Cổ Cò là tên gọi dân gian bởi do sông chạy ven biển nên nhiều đoạn uốn lượn quanh co giống cổ của con cò mà người ta đặt tên sông như vậy. Nhưng qua mỗi vùng đất, sông Cổ Cò được gọi theo những tên riêng. Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, sông Cổ Cò bắt nguồn từ ngã ba sông Hàn, sông Cẩm Lệ chảy qua địa phận quận Ngũ Hành Sơn hiện nay,

khi đến núi Ngũ Hành lại tách thành hai nhánh là sông Cổ Cò và sông Cầu Biện. Đoạn sông Cổ Cò hiện nay dài 3,5km, rộng 10m, bị bồi lấp nhiều nên khó khăn cho ghe thuyền đi lại nhất là về mùa khô; còn sông Cầu Biện dài 2km, rộng 20m cũng bị bồi lấp, một số đoạn được người dân chặn lại để nuôi trồng thủy sản. Còn ở địa phận tỉnh Quảng Nam, từ đoạn Quảng Lăng, Cẩm Sa (*Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam*) - giáp với quận Ngũ Hành Sơn (*Đà Nẵng*), vào Gia Lộc, Hà Lộc, Hà My (*Điện Dương, Điện Bàn*) gọi sông Hà Sáu; đoạn chảy qua Thanh Hà gọi sông Bến Trễ, thông với đầm Trà Quế;¹ còn đoạn chảy qua Đại An, Phước Trạch, Thanh Châu gọi là sông Đế Võng. Như vậy, ở đoạn cuối dòng, sông Cổ Cò đã hợp lưu với sông Thu Bồn trước khi đổ ra biển Cửa Đại. Quốc sử quán triều Nguyễn đã cho chúng ta biết rõ hơn về điều này: "*Nước từ chỗ tận cùng của nguồn Quảng Lăng, chảy theo hướng Đông Nam vào sông Chợ Củi. Lại có một đầm tên là Nhựt Quế (tức Trà Quế - V.H.A.)*"². Đồng thời còn cho biết: "*Cửa biển Đại Chiêm ở phía Đông huyện Diên Phước, bờ phía hữu thuộc xã An Lương huyện Lễ Dương, rộng 160 trượng. Khi nước lên sâu sáu thước, nước ròng sâu bốn thước năm tấc, là chỗ cho thuyền bè Nam Bắc đến tụ hội*"³. Đặc biệt, trong gia phả của tộc Nguyễn Viết ở làng Đế Võng đã ghi lại nguồn gốc cũng như quá trình định cư của mình bên dòng sông

¹ Đầm Trà Quế hiện nay là dấu vết của sông Cổ Cò, giáp giới giữa xã Cẩm Hà và phường Cẩm Châu của thành phố Hội An, nằm trên đường Hai Bà Trưng từ bãi tắm biển An Bàng vào phố cổ Hội An.

² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (Tập 1), (Hà Nội: Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2005), 351.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (Tập 1), (Hà Nội: Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2005), 360.

Cổ Cò như sau: “Tiền hiền Đế Võng, cụ Nguyễn Viêt, người gốc Nghệ An, dời nhà Lê theo quân lính xuống phía Nam tới Quảng Nam. Thấy có những con sông nên đã chiếm lấy trung khai làm ruộng nước, dựng cơ đồ vĩnh cửu tại đây, tập trung những cư dân ở đất phù sa lại để lập xã hiệu dần dần trở thành làng đã lâu đời vậy. Thời gian này vào giữa những năm của đời Thịnh Đức - Cảnh Thịnh (1653 - 1671?)”¹.

Từ thập niên 20 của thế kỷ XVII, trong nhật ký truyền giáo của mình, Cristoforo Borri đã cho chúng ta biết khá rõ về thương cảng Hội An thời bấy giờ và những con đường dẫn thuyền buôn vào cảng thị này: “Hải cảng đẹp nhất, nơi tất cả người ngoại quốc đều tới và cũng là nơi có hội chợ danh tiếng chính là hải cảng thuộc tỉnh Quảng Nam (Hội An). Người ta cập bến bằng hai cửa biển: một gọi là Turon (Đà Nẵng) và một gọi là Pulluciambello (Hội An). Các cửa biển cách nhau chừng ba hay bốn dặm, kế đó biển chia thành hai nhánh đi sâu vào đất liền chừng bảy hay tám dặm, làm thành như hai con sông luôn tách rời nhau để rồi cuối cùng gặp nhau và đổ vào một con sông lớn. Tàu bè từ hai phía tới cũng đi vào con sông này”².

Phan Khoang trong tác phẩm *Việt sử xứ Đàng Trong*, sau khi trích dẫn nhận xét trên của Cristoforo Borri, đã viết thêm: “Địa điểm đó là Hội An. Nhưng ngày nay dòng sông và cửa

biển đều đã biến đổi”³. Ông còn khẳng định: “Cách Hội An vài chục cây số về phía bắc là Đà Nẵng hay cửa Hàn, bấy giờ người Âu châu gọi là Turon hay Touron. Tuy Hội An và Đà Nẵng là hai cửa biển khác nhau nhưng ở gần nhau và giao thông với nhau dễ dàng, nên người Âu châu coi là một hải cảng duy nhất với hai ngã vào và gọi tên chung là hải cảng Quảng Nam (Port de la Province de Cacciam: hải cảng tỉnh Kế Chiêm)”⁴.

Năm 1695, Thiền sư Trung Hoa là Thích Đại Sán được chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Chu mời sang Đàng Trong thuyết giảng về đạo Phật. Ông đến Phú Xuân ngày 13-3-1695 và ở lại đây để giảng về Phật pháp, đến tháng 8-1695, chúa cho thuyền đưa ông vào Hội An để đáp thuyền buôn về nước. Khi thuyền vào cửa biển Đà Nẵng đã tạm nghỉ ở đây một đêm, rồi sau đó ngược sông Hàn, vào sông Cổ Cò để đến Hội An. Cuộc hành trình trên đã được ông ghi lại trong hồi ký của mình như sau:

“Chợ ngủ chừng nửa giờ, đã thấy phương Đông sáng bạch. Khoác áo choàng ngồi dậy, thấy sóng yên nước lặng, té ra thuyền đã vào vũng, ở trong vòng núi bao quanh. Dọc bờ biển, đá lèn lờm chờm, trên cây vượn trắng nhảy nhót từng bầy; trái đồi hoa núi, xanh đỏ sum sê. Xa trông cách bờ, cột buồm như rừng tên xúm xít, hỏi ra mới biết đó là đoàn thuyền chở lương, đậu chờ gió tại cửa Hội-an vậy”⁵.

¹ Nguyễn Chí Trung, *Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử*, (Hội An: Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An, 2005), 62.

² Cristoforo Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, (Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị dịch và chú thích), (TPHCM: TPHCM, 1998), 91.

³ Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, (Hà Nội: Văn học, 2000), 417.

⁴ Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, (Hà Nội: Văn học, 2000), 416-417.

⁵ Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, (Huế: Viện Đại học Huế - Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, 1963), 146. Đoạn này, Thích Đại Sán đã cho biết

“Tám thuyền đều đến, tạm đình ở cửa biển. Bãi cát phẳng như tấm gương, xa trông mát mắt. Trên bãi đầy vỏ sò vỏ ốc, cảnh trí rất xinh. Lại khiến giăng bong lên để nằm ngòai nghĩ ngợi, mới biết Hồng thuyền rất tiện lợi vô cùng, có thể lấy sức chèo lướt sóng, dầu sóng dóc cũng phẳng tới rất êm.

Chuyển thuyền ra mũi cát, một chốc đã đến chỗ thuyền lương đậu, neo lại. Hai bên bờ, nhà cửa đông đúc, người đi đường xôn xao, kẻ gánh người gồng, người ta đã đi chợ sáng. Một chiếc Hồng thuyền đậu trước ở đó, quan trấn-thủ Hội-An đến yết-kiến, cung đón bữa cơm sáng rất thơm tất. Mới biết dọc đường có người lo cung đón cơm nước đứng theo ngày giờ đã định, chẳng chút sai chệch. Chúng ta khỏi lo thiếu đồ nấu nướng, nhưng thương hại quân lính khó nhọc, cũng nhân đó, thấy lệnh vua cứng rắn như sắt, chẳng ai dám đơn sai. Quay lại bảo kẻ tùy-tùng rằng: ‘Đức tu mỏng kém, làm sao đương nổi cùng đường thế ấy cho khỏi chiết phúc’. Giới-tử tập họp ở đó và từ chúng thiện nam tín nữ đều đem cau trầu hoa quả đồ ăn đến dâng lễ.

Cơm nước xong, trống đồng lại nổi lệnh. Các quân-nhân đương thổi cơm trên bờ, có kẻ đương ăn, có kẻ chưa ăn, cũng có kẻ đương nấu hoặc đương vò

gạo, đều dẹp lại, vội vàng chạy đến mở dây thuyền. Mỗ đánh giữa dòng, các thuyền khi đi hàng dọc, khi sắp hàng ngang, khi đi thẳng một hàng, khi chia thành hai dãy; ba quân miệng hò khoan, chân dậm vắn, thấy đều đúng nhịp, rập ràng.

Gió thổi hiu hiu, nước xanh lẻo lẻo; rừng tre thâm thắm, bãi cát sáng ngời; đã vui mừng gió thuận buồm xuôi, lại hơn hở gần ngày về nước. Tắc lòng khoan khoái, biết lấy chi cân... Bỗng chốc đã thấy núi Tam Thai trước mắt...”¹.

Khi đến núi Tam Thai (tức Ngũ Hành Sơn), Thích Đại Sán đã cho dừng thuyền, lên núi ngoạn cảnh và ông đã ghi lại trong hồi ký khá tỉ mỉ những cảnh quan kỳ thú của Ngũ Hành Sơn.

Cảnh đẹp đã níu kéo nên ông muốn nghỉ chân tại đó vài ngày để thưởng ngoạn cho hết, nhưng viên “Giám-quan nghe vậy, bèn thưa rằng: “Quốc-Vương khiến ngày nay phải đưa Hòa-thượng đến Hội-An, nếu trễ, chúng tôi sợ có lỗi trái lệnh. Và lại quân-nhân hàng nghìn, chỗ này không kiếm đâu ra lương thực. Xin Hòa-Thượng về thuyền, lúc khác rảnh rang sẽ trở lại”. Ta tiếc sơn-thủy thắng-du, tạo vật ghét ghen gì bấy! Kéo lên thuyền, mở neo chưa bao lâu, mặt trời đã về tối. Thuyền do sông nhánh đi đường tắt, nước ròng cạn, bị thuyền lương ngáng đường, quân-nhân nhảy xuống bùn lầy,



Sông Cỏ Cò ở khu vực Điện Dương – Điện Bàn – Quảng Nam

thuyền chờ ông đã vào vịnh Đà Nẵng và đang bỏ neo tại phía hữu ngạn sông Hàn, chỗ gần núi Sơn Trà là nơi có rất nhiều khi.

¹ Thích Đại Sán, *Sách đã dẫn*, 146-147.

kéo đẩy không nhúc nhích. Nội-giám giận đánh lung tung, quân-nhân nỗ lực vác thuyền đẩy đi. Qua canh hai, đến bờ Hội-An”¹.

Những ghi chép trên của Thích Đại Sán đã trở thành những nguồn tư liệu vô cùng quý giá, giúp xác định lại lịch của một con đường nước dẫn từ cửa biển Đà Nẵng vào cảng thị Hội An như Christoforo Borri đã miêu tả vào năm 1621. Theo đó, Thích Đại Sán đã từ vịnh Đà Nẵng, theo dòng sông Hàn về phía Hội An, đến ngã ba sông (sông Hàn, sông Cẩm Lệ và sông Cổ Cò), thuyền chở ông đã chạy vào sông Cổ Cò, bởi lộ trình như vậy mới cho ông thấy được cảnh rừng tre xanh, bãi cát trắng và ông mới có thể dùng thuyền lên viếng chùa Tam Thai và ngắm cảnh sắc của Ngũ Hành Sơn. Mặt khác, cả một đoàn thuyền lương đông đảo với “*cột buồm xúm xít như rừng tên*” và đoàn Hồng thuyền 8 chiếc hộ tống ông cùng một lúc trên đường vào Hội An chứng tỏ sông Cổ Cò lúc bấy giờ khá rộng và chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy triều.

Cuối thế kỷ XVIII, John Barrow đến vùng vịnh Đà Nẵng, trong nhật ký của mình, ông đã ghi lại một vài sự kiện có liên quan đến sông Cổ Cò. Ông cho biết, sau nhiều ngày tàu cập bến Đà Nẵng, thì giữa những thủy thủ trên tàu trong phái đoàn của ông và các quan địa phương đã xảy ra một sự cố, vì “*một sĩ quan của tàu Lion vì rất nhiệt tình muốn thăm dò sông dẫn đến Faifo, vượt quá sự thận trọng, đã bị bắt vào lúc ban đêm. Bị giam vào trong một loại pháo đài nhỏ, với toàn bộ thủy thủ trên thuyền*”². Đặc biệt, ông có vẽ một bức tranh mang tên

Cochinchina Shipping on the River Faifo (Thuyền bè trên sông Faifo - Hội An). Ông viết: “*Bức tranh in phụ bản sẽ cho ta một ý niệm tương đối chính xác về các tàu thuyền của người Đàng Trong thường qua lại nhánh sông Faifo để vào vịnh Turon*”³. Như vậy, con sông Faifo như ông nói ở trên chính là sông Cổ Cò nối liền Đà Nẵng và Hội An.

Sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* của Lê Quang Định, ghi chép một cách tường tận về hệ thống giao thông đường bộ lẫn đường thủy của nước ta vào đầu thế kỷ XIX cũng cho biết: “*Chạy theo hướng nam 862 tầm thì đến cửa biển Đại Chiêm, ra hướng bắc 6.558 tầm thì đến kênh Cổ Cò rồi cùng chảy ra cửa biển Đà Nẵng*”⁴. Còn *Đại Nam nhất thống chí* đã cho chúng ta biết một cách chính xác về sông Cổ Cò: “*Sông Cổ Cò: Ở vùng dưới hai huyện Diên Phước và Hòa Vang. Sông này từ xã Thanh Châu chảy theo hướng bắc, đến phía tây núi Tam Thai nhập với sông Cẩm Lệ, nay nước sông cạn, ghe thuyền không đi được*”⁵.

Đặc biệt, trên tám bản đồ *Vịnh Tourane (Đà Nẵng)* và *bờ biển Annam (Trung kỳ)*, từ *Hội An đến Huế*, do đại úy hải quân La Floche de la Carrière vẽ bằng tay rất cẩn thận, có điểm xuyết thêm bằng màu, in ở Lorient (Pháp) ngày 4-7-1787, đã thể hiện những loại thuyền

³ J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792 - 1793)*, (Hà Nội: Thế giới, 2008), 94.

⁴ Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, (Huế: Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2005), 222. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* do Thượng thư bộ Binh Mẫn Chính hầu Lê Quang Định (1759 - 1813) bắt đầu biên soạn năm 1803, hoàn thành năm 1806, đời vua Gia Long.

⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (Tập 1), (Hà Nội: Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2005), 349.

¹ Thích Đại Sán, *Sách đã dẫn*, 150.

² J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792 - 1793)*, (Hà Nội: Thế giới, 2008), 67.

bè khác nhau của thời đó như thuyền chiến, thuyền để các công chúa đi dạo chơi, thuyền kiểu nửa thuyền chiến dùng để chuyên chở, thuyền đi biển, thuyền chài. Và những ghi chú trong bản đồ cho biết: “*Trước kia, người Nhật, người Trung Quốc, người Mã Lai và các người ngoại quốc khác buôn bán với Đàng Trong đã từng đi vào con sông này, nhưng số lượng đông đảo và tình hình dữ dằn của nhiều người trong số họ làm cho chính quyền lo ngại, từ đó trở đi họ bị chính quyền cấm không cho vào con sông này nữa và vua chỉ định cho họ con sông Faifo (Hội An) và vịnh Tourane (Đà Nẵng) để làm cảng, nơi thuyền bè của thương nhân muốn buôn bán với kinh đô có thể đậu lại. Con sông Faifo cũng có cùng một sự bất tiện như sông Vua, một bãi bồi chắn ngang sông và trên đó nước ít, chỉ cho phép những thuyền nhỏ đi vào; nhưng vịnh Tourane có thể tiếp nhận những chiếc tàu buôn lớn nhất và cảng của nó rất chắc chắn. Thành phố Faifo là nơi các thương nhân ở, họ thuê nhà và cửa hàng cho họ và của cải của họ, và vì giữa sông này có vịnh Tourane, thiên nhiên đã tạo ra một con kênh thông thương giữa đôi bên, do đó thành phố này là trung tâm thương mại do hai hải cảng này tạo ra; do vậy, tại đây, các thuyền bè trong nước cũng nhận chở những hàng hóa mà người ta muốn gửi ra Huế, nơi có kinh đô và chỗ ở của vua*”¹. Đặc biệt, trên bản đồ đã cho chúng ta thấy rõ con đường nước nối liền Đà Nẵng và Hội An chính là sông Cổ Cò vậy.

4. Cho đến thế kỷ XVIII, vai trò của cảng thị Hội An vẫn còn khá quan

trọng. Đây là nơi tập trung các nguồn hàng từ miền xuôi đến, từ miền ngược, từ Bắc vào Nam, từ các quốc gia trên thế giới hội tụ về và cũng là nơi xuất đi một khối lượng hàng hóa lớn. Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* cho biết: “*Những hóa-vật được sản xuất từ các phủ Thăng-hoa, Điện-bàn, Qui-nhân, Quảng-ngĩnh, Bình-khang cùng dinh-sở Nha-trang, chỗ thì người ta chuyên-chở hàng-hóa bằng thuyền theo đường thủy, hay chở bằng ngựa theo đường bộ, đều đổ xô dồn về phố cổ Hội-an cả. Ở nơi đây, vì các khách buôn Trung Quốc đều tới mua hàng đưa về Tàu, nên buổi trước hàng hóa rất nhiều, dầu có 100 chiếc thuyền lớn chuyên chở hàng hóa trong một lúc cũng không thể chở hết được*”². Như vậy, Hội An như một điểm dừng chân, một nơi tập kết và trung chuyển hàng hóa mà Đà Nẵng là cái cổng để thương thuyền vào ra.

Những năm đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn ra quy định cho mọi tàu buôn phương Tây chỉ được cập bến buôn bán tại cửa Hàn. Dầu vậy, Hội An không phải ngay lập tức mất đi vị trí là nơi tàu cập bến làm các thủ tục an ninh, quan thuế, bốc dỡ hàng, tích trữ, phân phát hàng hóa. Năm 1819, thuyền trưởng Key của tàu Henry có dịp qua lại Hội An đã cho phản ánh: “*Hội An như cách gọi của người Ấn Độ là một cửa hàng bách hóa lớn (bazar), thành phố chỉ có một con đường khá dài, ... thành phố có đến 6 vạn dân mà một phần ba là người Trung Hoa. Các thuyền buôn Trung Quốc trọng*

¹ Vũ Hữu Minh, “Tấm bản đồ Huế của La Floche de la Carrière năm 1787”, *Để không là người ở trọ*, (Huế: Thừa Thiên Huế, 2001), 198.

² Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Tập 2, (Lê Xuân Giáo dịch) (Sài Gòn: Ủy ban Dịch thuật - Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa, 1973), 72-73.



Sông Cỏ Cò ở khu vực An Bang – Cẩm An – Hội An

tải 600 tấn, hàng năm đến ăn hàng ngay trước thành phố”¹.

Theo phúc trình hàng năm của Chambre consultative mixte de commerce et d’agriculture de l’Annam (Phòng tư vấn hỗn hợp thương mại và canh nông Trung kỳ) đọc trước Hội đồng Tối cao Đông Dương vào tháng 11-1902, thì cho đến cuối thế kỷ XIX, khoảng 1891, người ta vẫn còn đi lại dễ dàng trên con sông nối liền giữa Đà Nẵng và Hội An bằng các xà-lúp thương mại (*Cheloupe de commerce*). Nhưng chỉ một thời gian sau, dòng sông Cỏ Cò nối giữa Đà Nẵng với Hội An bị bồi lấp, đến nỗi những thuyền đáy sâu 30cm cũng phải chờ thủy triều lên cao mới tới được Đà Nẵng². Điều này được thể hiện khá

rõ trên bản đồ quân sự của Pháp về tỉnh Quảng Nam, tỷ lệ 1/100.000 cho thấy khoảng giữa Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng) và sông Đế Võng (Hội An), chạy dọc theo bờ biển có một con sông lớn, nay đã bị vùi lấp và biến thành đồng ruộng giữa vùng cát trắng mênh mông với những hồ nước là dấu tích của những đoạn sông chưa bị lấp hết.

Đến những năm đầu của thế kỷ XX, những trận lụt lớn đã liên tiếp xảy ra, làm cho sông Cỏ Cò bị vùi lấp ngày càng nhiều, mà lúc bấy giờ người Pháp lại chưa có phương tiện để nạo vét. Do đó, ghe thuyền không còn đi lại dễ dàng trên sông Cỏ Cò như trước, trong khi nhu cầu chuyển vận hàng hóa từ Hội An ra Đà Nẵng để xuất khẩu và ngược lại, đưa hàng hóa nhập khẩu từ Đà Nẵng vào Hội An để phân phối đối với người Pháp vẫn còn rất cần thiết. Bởi lúc bấy giờ, người Pháp mới chân ướt chân ráo đến làm ăn ở Đà Nẵng; một mặt, họ chưa có

¹ Nguyễn Quốc Hùng, *Phố cổ Hội An và việc giao lưu văn hóa ở Việt Nam*, (Đà Nẵng: Đà Nẵng, 1995), 30.

² Nguyễn Quốc Hùng, *Phố cổ Hội An và việc giao lưu văn hóa ở Việt Nam*, (Đà Nẵng: Đà Nẵng, 1995), 31.

cơ sở hoặc có mà chưa hoàn chỉnh; mặt khác, manh mối lại chưa biết, chưa thông thuộc đường đi lối lại, nên họ rất cần đến sự hỗ trợ của người Trung Hoa ở Hội An. Điều đó buộc họ phải tìm một con đường khác thay thế sông Cổ Cò bị bồi tụ. Các doanh nhân ở Đà Nẵng như Dérobert, J. Fiard, đã đề nghị chính quyền Đông Dương thiết lập tuyến đường sắt Decouville nối liền Đà Nẵng - Hội An (người Pháp lúc bấy giờ thường gọi là “*Tramway de l’îlot de l’observatoire à Faifo*”) để thay thế cho sông Cổ Cò. Đề nghị này được Phòng Thương mại Đà Nẵng ủng hộ và coi đó như là giải pháp để cải thiện giao thông giữa hai thành phố này trong trường hợp nạo vét sông Cổ Cò không thi hành được. Đến khoảng giữa năm 1904, khi không tìm ra ngân khoản để nạo vét sông Cổ Cò, chính phủ Đông Dương cho thực hiện con đường sắt Decouville. Năm 1916, do nhiều nguyên do nên tuyến đường sắt này bị dẹp bỏ¹.

Mãi cho đến những năm 40 của thế kỷ XX, do sự bồi lấp của sông Cổ Cò lẫn sông Trường Giang nên tàu buôn quốc tế không còn cập bến Hội An. Do đó, thương cảng này chỉ là nơi tới lui của thuyền buôn trong nước. Tiến sĩ Mark Chang (*Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa, Nhật Bản*) khi nghiên cứu về sự hình thành và chuyển đổi khu phố cổ Hội An, đã có những cuộc tiếp xúc với người dân phố Hội để tìm hiểu sự dịch chuyển về thương mại cũng như vị thế đất đai. Ông được một người dân ở nhà số 89 đường Nguyễn Thái Học (*Hội An*) cho biết: “Vào thời của thế hệ bố tôi (khoảng những năm 1940), những con tàu Việt

*Nam là những con tàu duy nhất thường xuyên lui tới bờ biển Hội An. Những con tàu này chở đến Hội An nhiều vật dụng từ phía Bắc Việt Nam và nước mắm, gạo từ phía Nam Việt Nam. Từ Hội An, những con tàu này chở các sản phẩm địa phương như là quế. Khi tôi còn là một đứa trẻ (khoảng thập niên 1960), con sông dọc theo đường Bạch Đằng sâu hơn so với ngày nay đến nỗi mà những con tàu buôn cỡ 60m có thể neo đậu”*².

Hơn 100 năm trôi qua, với biết bao biến thiên của tự nhiên cũng như lịch sử nên dòng Cổ Cò xưa đã bị bồi lấp, đứt gãy thành nhiều đoạn, có nơi biến thành ruộng đồng hay những vũng, đầm phá,... Dấu ấn của một con sông từng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thương mại của xứ Đà Trong, thông thương giữa tiền cảng Đà Nẵng và cảng thị Hội An một thời vang danh trong lịch sử chỉ còn lưu dấu qua những tấm bản đồ hay trong các thư tịch cổ. Hiện nay, chính quyền thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam đang tiến hành thực thi dự án nạo vét, khơi thông, nhằm cải thiện điều kiện khí hậu khu vực, tạo cảnh quan kiến trúc, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, dịch vụ, du lịch hai bên sông Cổ Cò, đồng thời biến con sông này trở thành một tuyến tham quan, phục vụ du khách trong nước và quốc tế. Hy vọng dự án này sớm trở thành hiện thực, sông Cổ Cò sẽ trở mình sống dậy sau hơn hàng trăm năm bị bồi tụ, ngăn chặn,... giúp cho đời sống của người dân hai bên bờ được cải thiện và ngày càng phát triển ♦

¹ Võ Văn Dật, *Lịch sử Đà Nẵng (1306 - 1975)*, (California: Nam Việt, 2007), 333.

² Mark Chang. “Sự hình thành và chuyển đổi khu phố cổ Hội An”, Kỷ yếu hội thảo *Bảo tồn quá khứ - Một triển vọng về tính xác thực trong trùng tu, gia cố các công trình kiến trúc lịch sử khu vực châu Á*. (Quảng Nam: Trung tâm Bảo tồn Di sản - Di tích Quảng Nam, 2001), 28.

ĐẶNG HUY TRÚ - VỊ QUAN BỐ CHÍNH QUẢNG NAM BÀN VỀ NẠN HỐI LỘ, THAM NHŨNG

Quảng Văn Quý

Từ xa xưa, nạn tham nhũng, hối lộ đã xuất hiện, nó như một thứ “*giặc nội xâm*” nguy hiểm, có thể ảnh hưởng đến sự tồn vong của quốc gia. Trong các triều đại phong kiến trước đây ở nước ta, chống tham nhũng, hối lộ là một trong những công việc được đặt ra trong các bộ luật của nhiều vương triều. Cùng với đó, cũng có nhiều đức quan thanh đã dám đứng lên chống lại loại “*quốc nạn*” làm băng hoại rường cột nước nhà. Ví như Chu Văn An, bậc hiền nho thời Trần, suốt đời không màng danh lợi, dâng sớ xin chém 7 nịnh thần; Lê Quý Đôn - thời Lê Trung Hưng đã khuyến cáo triều đình 5 nguy cơ mất nước, trong đó có nguy cơ “*tham nhũng tràn lan*”. Đặc biệt, dưới triều Nguyễn, có một vị quan từng gắn bó với mảnh đất Hội An và xứ Quảng, ông cũng là một trong những nhân vật khá nổi tiếng với những tư tưởng về chống tham nhũng - hối lộ, đó chính là Đặng Huy Trứ, người từng đảm trách chức Bố Chính tỉnh Quảng Nam vào năm 1864.

1. Về thân thế sự nghiệp Đặng Huy Trứ

Đặng Huy Trứ, tự Hoàng Trung, hiệu Vỹ Tân, Tỉnh Trai, tục gọi là Bố Trứ - Bố Đặng, quê làng Bát Vọng, sau ngụ ở làng Thanh Lương - nay thuộc xã



Hương Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vào khoa thi năm 1847, ông đã lọt qua các vòng thi Hương, thi Hội và đã chắc chắn đỗ tiến sĩ, nhưng đến khi thi Đình do bài thi phạm húy nên bị cách tuột và cấm thi trọn đời. Biết tài học của ông, một vị quan lớn đương triều đã mời ông về dạy học cho con em trong nhà và cho tới 8 năm sau, nhờ vị quan nọ tâu xin với vua nên ông được thi lại và đỗ tiến sĩ năm 1855. Từ năm 1856 đến năm 1864, ông lần lượt trải các chức: Thông phán Ty Bố chính Thanh Hóa; Tri huyện Quảng

Xương; Tri phủ Thiên Trường tỉnh Nam Định; Hàn Lâm viện trước tác; Ngự sử. Năm 1865, ông đi Hương Cảng nhằm xem xét tình hình phương Tây và đã đem về một cuốn sách kỹ thuật của người Tây Dương viết về máy hơi nước do chính ông biên dịch sang chữ Hán. Năm 1871, ông giữ chức Bang biện quân vụ Lạng - Bằng - Ninh - Thái. Cuối năm 1873, ông lui quân về căn cứ Đồn Vàng - Hưng Hóa dưới quyền Thống đốc quân vụ Hoàng Kế Viêm, mưu tính kháng chiến lâu dài nhưng việc trừ tính còn dở dang thì vua Tự Đức đã ký Hòa ước Giáp Tuất (1874). Trong tình cảnh này, Đặng Huy Trứ lâm bệnh qua đời vào ngày 25/6 năm Giáp Tuất (*tức ngày 7/8/1874*), tại xã Cao Lăng, chợ Bến, Đồn Vàng, thuộc tổng Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông, nay thuộc Hà Nội, sau này được đưa về an táng tại Hiền Sĩ, nay thuộc xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đặng Huy Trứ cũng được tôn vinh là một trong những người có công đầu đưa nhiếp ảnh vào Việt Nam.¹

Được bổ nhiệm chức Bố Chính tỉnh Quảng Nam vào năm 1864, trong khoảng thời gian này, ông đã gắn bó với vùng đất đô thị thương cảng Hội An với tư cách là quan đầu tỉnh phụ trách các vấn đề tài chính, hành chính như thuế khóa, đình điền, đê điều, hộ tịch lẫn trọng trách truyền đạt chính sách và chủ trương của triều đình. Hiện nay, “*tại phố cổ Hội An còn lưu giữ các bút tích của ông đó là: Bức hoành phi “Quan ư hải giả nan vi thủy” ở Văn thánh miếu Minh*

*Hương, cùng tám bia lập năm 1871... Ngoài Văn thánh miếu Minh Hương, ông còn để lại một bài văn bia ở chùa Ông năm thứ 17 đời Tự Đức, nội dung bài văn bia ca ngợi Quan Thánh Đế Quân.”*²

2. Đặng Huy Trứ bàn về nạn hối lộ - tham nhũng và đức thanh liêm của người xưa qua tác phẩm Từ thụ yếu quy

Trong chuyến đi Trung Quốc năm 1867, ông mắc bệnh, nằm nhà thương 9 tháng liền. Trong thời gian ngã bệnh, ông viết cuốn “*Từ thụ yếu quy*” dài 900 trang gồm 4 tập nhằm chống thói hối lộ - tham nhũng chốn quan trường. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, đây là tác phẩm kinh điển đầu tiên về lĩnh vực chống tham nhũng - hối lộ của nước ta. Tác phẩm này được nhóm tác giả Nguyễn Văn Huyền, Phạm Tuấn Khánh biên dịch và được các nhà xuất bản Pháp lý và Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Văn hóa Thông tin, Hà Nội xuất bản vào các năm 1992, 2002.

Trong cuốn sách do nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội, phát hành năm 2002, gồm 216 trang với tên gọi “*Bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*”, nhóm tác giả đã cố gắng thu tóm những phần quan trọng, căn bản nhất của tác phẩm Từ thụ yếu quy (*vì nguyên bản chữ Hán có đến 2017 dẫn chứng, điển tích*). Tác phẩm này đề cập đến những nguyên tắc căn bản của việc từ chối (*từ*) và có thể nhận (*thụ*) những

¹ Lược ghi theo nguồn <https://vi.wikipedia.org>.

² Bút tích Đặng Huy Trứ ở Hội An, Ngô Đức Chí, nguồn: <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/But-tich-Dang-Huy-Tru-o-Hoi-An>.



Bản rập văn bia Văn chỉ Minh Hương - Minh An
- Hội An lưu thủ bút của Đặng Huy Trứ

thứ quà biếu, lễ vật mà người làm quan cần thận trọng, phân biệt để giữ mình.

Mở đầu cuốn sách, tác giả viết: “Trong ba chữ răn mình của nhà quan thì chữ thứ nhất là Thanh. Thanh là liêm khiết giữ mình, không lấy của ai mảy may”. Trong sách, Đặng Huy Trứ cũng đề cập rất nhiều về đạo lý của người làm quan là: “Dân không chăm sóc chó làm quan”, “Mình thiết, dân lợi, dân gần bó. Đèo dân, mình béo, dân căm hờn. Hờn căm, gần bó tùy ta cả. Duy chữ thanh, thanh đối thế nhân.”, hoặc: “Muốn dân được lợi cần quyền biến. Tội vạ riêng mang há sợ gì.”,...

Đặc biệt, trong tác phẩm Từ thụ yếu quy, Đặng Huy Trứ đã tập trung đề cập tới 104 trường hợp hối lộ phổ biến nhất, bao quát trên các mặt đời sống xã hội đương thời và theo ông, thái độ của người làm quan nhất thiết phải cự tuyệt không thể nhận (từ). Xin giới thiệu một số hình thức hối lộ mà ông đã ghi nhận, phân tích: *Sĩ tử đi thi hối lộ cầu được đỗ; quan lại xảo quyết hối lộ cầu được tiến cử; người quyên góp việc nghĩa hối lộ để được ra làm quan; Sư tăng hối lộ để được trụ trì chùa; địa phương hối lộ các quan đến thanh tra; đồng sự làm việc bất công, phi pháp hối lộ để cầu được che giấu; kẻ thầu thuế cửa quan, bến dò hối lộ để lạm thu; thương nhân hối lộ để tiêu thụ được hàng; kẻ đi kiện hối lộ để cầu được kiện; người bị tội hối lộ xin giảm, miễn tội; kẻ phạm điều cấm, hối lộ để cầu được miễn truy tội; nhà giàu vượt ra ngoài danh phận cần được che dấu; phụ nữ hối lộ xin gặp; người có việc hối lộ để nhờ chạy chọt nói giúp... Cũng có những thứ hối lộ để cầu danh của bọn phú hào như: Hối lộ để xin chữ đề bài vị; hương hào hối lộ để xin sắc phong thần; nhận hối lộ mới xét biểu dương người hiếu thuận, tiết nghĩa. Lại có những loại hối lộ giữa các quan trong chốn quan trường: Quan lại tham những hối lộ để lấy lòng quan trên; chiều đón ý quan trên, đưa đồ hối lộ; hối lộ cho quan khi đi công cán... Điều dễ nhận thấy nhất trong tác phẩm là sau khi bàn các kiểu hối lộ, nêu ra nguyên nhân, tác hại và những điển tích minh chứng, Đặng Huy Trứ cứ nhắc đi, nhắc lại một điệp khúc: “Thứ hối lộ ấy không thể nhận” như là lời nhắc nhở, cảnh tỉnh cho những kẻ làm quan.*

Một điều cũng hết sức thú vị là trong tác phẩm này, bằng những điều mắt thấy, tai nghe về tệ nạn hối lộ, tham nhũng khi làm quan Bồ Chính tỉnh Quảng Nam và sống ở Hội An cũng đã được ông đề cập hết sức sinh động bằng nhiều dẫn chứng sát thực. Đó là những hình thức như: *Quản cơ suất đội hối lộ để được coi cửa quan, cửa biển; con buôn người nước ngoài hối lộ để cầu thân; con buôn hối lộ để thầu thuế thuốc phiện; hối lộ để cho nhập hộ tịch; dân làng vì lợi riêng hối lộ để xin bỏ đê bồi, cừ sông và công dịch; thuyền bọn phi người nhà Thanh giả làm thuyền buôn hối lộ;...*

Bàn về nạn hối lộ để nhập hộ tịch, ông đã diễn giải, dẫn chứng: *Triều đình đã có luật: Người trong nước phải chịu binh dịch, còn người Trung Hoa mang theo vợ con đến nước ta, bản thân họ phải vào sổ hộ tịch một trong bốn bang: Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Gia Ứng. Con cái những người các ban ấy... phải vào sổ Thanh Hương hoặc Minh Hương: Mỗi năm họ chỉ phải nộp thuế mỗi người hai lạng bạc “Đổi xử tốt với những người phương xa đến có thể làm cho họ gần ta” phép ấy rất là hay vậy. Song sợ khó nhọc, ưa nhàn hạ... cho nên có người nước ta ngụ cư ở mặt phố, gần với người bốn bang ấy,... có đôi chút của cải bèn manh tâm trốn tránh nghĩa vụ xin ta cho họ được chuyển hộ tịch, dù có phải chi biện số bạc tới 3-4 trăm lạng, họ cũng không quản ngại. Nếu ta tiếp nhận lễ hậu, để đạt xin cho, rồi hết giấy nọ đến tờ kia nói rằng họ vốn là con cháu người Hoa thì tức là ta đã lừa dối Vua để cầu lợi riêng. Như thế tự ta đã*

*trở thành con rối cho họ sai khiến, làm mất phẩm giá táng tận lương tâm, tội càng gấp bội. Thử hối lộ ấy không thể nhận.”*¹

Về con buôn nước ngoài hối lộ để cầu thân, ông đã viết: *“Khách buôn người nhà Thanh gặp được đất ta yên vui, có kẻ xây dựng cơ nghiệp giàu có như... Tạ Hiệp Ký ở Quảng Nam... họ là họ, ta là ta, có quan hệ gì. Thế mà họ mang lễ biếu trà Ô Long, quạt lông trắng, bút râu chuột, giấy ngũ sắc, dầu bạc hà, rượu cam lộ,... lộc nhung, quế chi, the lụa Tô Châu, đồ sứ Giang Tây, người nọ ra, kẻ kia vào. Vì sao vậy? Không phải vô cớ đâu... Đến khi họ lợi dụng được thanh thế của ta rồi, họ mới giở thói gian manh, sớm xin đòi nợ hộ, chiều xin được thầu việc này việc khác, qua lại tự do, suông sẻ... Để cho họ khinh nhờn làm tổn thương đến uy vọng của ta là do ta tự chuốc lấy mà thôi. Thử hối lộ ấy không thể nhận.”*²

Về việc dân làng vì lợi riêng hối lộ để xin bỏ đê bồi, cừ sông và công dịch, Đặng Huy Trứ dẫn dắt, phân tích: *“Các đê bồi, cừ sông trong vùng là có mối quan hệ đến nông nghiệp. Nếu đắp hay bỏ, nên khai hay lấp đều là việc lợi đến dân sinh. Như sông Vĩnh Điện ở tỉnh Quảng Nam không lấp đi thì nước đầu nguồn do sông ấy tràn thẳng xuống biển Đà Nẵng. Các xã thôn Quảng Hậu huyện Diên Phúc ven sông tuy có cái lợi nước ngọt ở thượng lưu sông nhưng các thôn,*

¹ Đặng Huy Trứ bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa, NXB Văn hóa Thông tin, 2002, trang 64.

² Sdd, trang 55,56.

xã huyện Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình lại bị cái hại nước mặn từ cửa biển Đại Chiêm tràn vào sông... Phải xét xem tỉ lệ lợi hại nhiều ít thế nào. Việc có quan hệ đến sự lợi hại lớn trong muôn ngàn năm thì ta phải để tâm xem xét thật kỹ. Nếu lợi nhiều hại ít thì phải kiên quyết làm. Nếu việc có hại thì phải bày cách làm lợi, đại loại như khai thêm ruộng máng dẫn nước ngọt, ngăn nước mặn không điều gì là không hết sức làm... Nhược bằng nhận hối lộ của họ, tâu bày quanh co theo ý riêng mà không kể gì đến lợi hại thì cái chức trách chăn dân của ta còn ra sao. Thứ hối lộ ấy không thể nhận.”¹



Trong tập sách *Từ thụ yếu quy*, Đặng Huy Trứ cũng đã đề cập đến 5 trường hợp “có thể nhận” (thụ), đó đều là những trường hợp tặng quà trong các mối quan hệ tình cảm trong sáng giữa thầy và trò, cha mẹ và con cái, chỉ huy và binh lính... vào dịp lễ, Tết trong năm, nhưng cũng chỉ bằng sản vật bình dị chứ không được nhận tiền bạc; hoặc nhân các

dịp cá nhân, hay gia đình có việc đáng vui mừng, hoặc có việc đáng buồn mà có đồ mừng, hay chia buồn.

Có thể nói, mặc dù đã trải qua gần 150 năm, nhưng những giá trị từ tác phẩm *Từ thụ yếu quy* của Đặng Huy Trứ vẫn nóng hổi tính thời sự, nhất là khi hiện nay, đấu tranh chống tham nhũng, hối lộ được xác định là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài được Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm và đang triển khai nhiều giải pháp quyết liệt nhằm từng bước ngăn chặn, đẩy lùi thứ quốc nạn này. Và mới đây, Thành ủy Hội An cũng đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10

của Tỉnh ủy Quảng Nam về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí trên địa bàn. Như vậy, việc tìm hiểu tư tưởng của người xưa về lĩnh vực này cũng là một việc làm rất bổ ích và cần thiết. Đặc biệt hơn, khi tìm hiểu về tác phẩm *Từ thụ yếu quy* của vị quan đầu tỉnh - Bô Chính Quảng Nam - Đặng Huy

Trứ sẽ giúp ta có cái nhìn sâu sắc hơn về nạn tham nhũng - hối lộ trong lịch sử, từ đó vững tin hơn vào quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta đối với cuộc đấu tranh đầy chông gai này, hướng đến xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh, hùng cường. Đây cũng là việc làm thiết thực để chúng ta ngưỡng vọng, tri ân công đức của tiền nhân, cũng như bảo tồn và phát huy những di sản của cha ông trong cuộc sống đương đại ♦

¹ Sdd, trang 78.

HAI BÀI “NGỌC TRẦN QUYỀN” TRONG DI SẢN VÕ TA Ở HỘI AN

Trần Xuân Mẫn

Một bộ phận di sản văn hoá phi vật thể của Võ Ta (ngày nay được Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam gọi là Võ cổ truyền Việt Nam) có vai trò chủ đạo trong việc lưu truyền, có tiềm năng rất lớn trong việc khai thác và có khả năng biểu thị rõ nhất giá trị về thực hành tự vệ chiến đấu, rèn luyện thân thể, kéo dài tuổi thọ cho con người chính là hằng trăm bài võ bao gồm các bài tập tay không và bài tập có binh khí.

Do nhiều yếu tố khách quan, trong đó rõ nhất là hoàn cảnh chiến tranh kéo dài và xã hội đặc thù ở nhiều thời kỳ, Võ Ta không được phép tập luyện và truyền bá vì lý do này hoặc lý do khác, vô số bài bản Võ Ta đã bị mai một, tam sao thất bản và một số không nhỏ đã bị thất truyền.

Trong hoàn cảnh đó, Ngọc Trần Quyền (bài quyền "*Chén ngọc*") là một trong những bài danh quyền của Võ Ta cũng không thể tránh được sự xâm hại của những yếu tố khách quan như đã trình bày ở trên. Đó chính là lý do để giải thích tại sao ngày nay có nhiều bài Ngọc Trần Quyền khác nhau khá nhiều về động tác cũng như có nhiều bài thiệu Ngọc Trần Quyền chênh lệch nhau rất lớn về số lượng câu, từ. Có một điều may mắn tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu, đối chiếu là những bài thiệu Ngọc Trần Quyền còn lưu truyền đến ngày nay

đều có ý nghĩa sáng rõ, hầu như không có một từ ngữ nào khó hiểu. Điều này cho phép người ta tin tưởng vào mức độ chuẩn xác của các bài thiệu Ngọc Trần Quyền còn lưu giữ được. Vấn đề còn lại chỉ là tìm ra bài Ngọc Trần Quyền ít "thất bản" nhất về thiệu văn vì bài nào ít thất bản nhất về thiệu văn cũng đồng nghĩa với bài ấy ít thất bản nhất về động tác. Qua một số tài liệu đáng tin cậy của một số dòng võ có gốc gác trên những vùng, miền có điều kiện truyền thừa võ nghệ liên tục, kể cả trong những thời kỳ Võ Ta bị cấm truyền bá, có thể khẳng định rằng: "*Bài Ngọc Trần Quyền nào ít thất bản nhất hoặc không thất bản đáng kể đều có số lượng động tác rất nhiều và bài thiệu khá dài so với động tác và bài thiệu của những bài Ngọc Trần Quyền khác*".

Trong quá trình sưu tầm nhiều năm từ năm 1994 đến 2008, tôi bắt gặp một số bài thiệu Ngọc Trần Quyền rất dài, bài dài nhất có đến 27 câu, 139 từ. Đó là những bài Ngọc Trần Quyền của Bình Định, Khánh Hoà và hai bài Ngọc Trần Quyền lưu truyền đã lâu đời trên đất Hội An. Những bài Ngọc Trần Quyền này có lời thiệu gần như giống nhau hoàn toàn. Một vài từ khác nhau chỉ là do trại âm của giọng nói giữa những địa phương khác nhau, ví dụ "*toạ*" với "*tạ*", "*sát thanh long*" với "*thác thanh long*", "*triển*

dực" với "chuyển giục" hoặc do nhầm lẫn bởi những từ có âm gần giống nhau như luyện "điệp" với luyện "diệp", phục "phật" với phục "hạc", bạch xà "loang" lộ với bạch xà "lăng" lộ...

Trong phạm vi bài báo này, tôi xin giới thiệu hai bài Ngọc Trần Quyền đã lưu truyền lâu đời trên đất Hội An. Bài thứ nhất do cố võ sư Trương Chưởng (*người sáng lập võ đường Kỳ Sơn tại 51/2 Phan Châu Trinh, phường Minh An*) lưu truyền và bài thứ hai do cố võ sư Nguyễn Khê (*người sáng lập võ đường Ngũ Phụng Sơn tại 32/5 Cửa Đại, phường Sơn Phong*) lưu truyền¹.

Mặc dù hai bài quyền này có nhiều động tác khác nhau nhưng đặc trưng kỹ thuật của các đòn thế công - thủ và bài thiệu thì hoàn toàn giống nhau.

Về đặc điểm kỹ thuật đòn thế của bài quyền, sự tương tác hỗ trợ giữa tay này với tay kia, giữa tay với chân, giữa bộ bông của tay với bộ pháp của chân, và quy nạp về sự tổng hoà của thân pháp là một sự phối hợp chắc chẽ, đồng bộ, hợp lý đến mức hầu như không thể tìm thấy một sơ hở. Những đòn tay công - thủ, những bộ bông đặc thù, những đòn chân tấn công cũng như các phép căn bản luyện tấn pháp, thân pháp (*hợp, lộn tránh né*) của Võ Ta đều theo quy tắc



truyền thống từ đầu đến cuối bài quyền. Đặc điểm của các "pháp" như thế biểu hiện rất rõ đặc trưng Võ Ta, và đó cũng chính là cơ sở để xác định hai bài Ngọc Trần Quyền lưu truyền lâu đời ở Hội An là "cổ bản" của võ cổ truyền dân tộc.

Do bài quyền rất dài với 120 động tác kép tương đương với 200 động tác đơn, bộ pháp di chuyển trên diện tích đất rộng và thân pháp thay đổi nhiều cấp độ thấp, cao khác nhau, cả hai bài Ngọc Trần Quyền đều chủ luyện sức chịu đựng kéo dài trong chiến đấu, sức dẻo dai của thân thể và sức bền bỉ của gân cốt cho người tập. Ngày xưa ở Hội An, thầy Chưởng và thầy Khê đều cho võ sinh mới nhập môn tập Ngọc Trần Quyền ngay sau khi tập một số những bộ "mạ" là những bài tập rèn luyện cứng chắc tay chân. Các thầy giải thích rằng hằng ngày chỉ tập một bài Ngọc Trần Quyền đến nơi đến chốn là đã đạt được nhiều mục tiêu rèn luyện: Thân thể dẻo dai, sức khoẻ bền bỉ, tay chân mạnh mẽ, giữ thân kín đáo, công - thủ linh hoạt. Tập Ngọc Trần Quyền không phải chỉ để tự vệ chiến đấu mà còn để có thân thể tráng

¹ Cả hai bài này tôi đều được học trực tiếp với hai thầy Nguyễn Khê và Trương Chưởng. Học với thầy Nguyễn Khê vào năm 1966 và với thầy Trương Chưởng vào năm 1971.

kiện, ý chí mạnh mẽ nên không phải lâu lâu mới tập mà cần rèn luyện Ngọc Trần Quyền thường xuyên là do vậy.

Bài thiệu và phần dịch nghĩa:

Bái Tổ:

1. Ngọc trần (*chén ngọc*)

2. Ngân đài (*đế bạc*)

3. Tả, hữu tấn khai (*mở đường tiến qua hướng trái rồi hướng phải*)

4. Hồi thập tự (*trở về theo hướng chữ thập*)

5. Thối thủ bình đầu (*lui về đứng bằng ngang*)

6. Luyện điệp liên ba (*bướm lượn hoa sen*)

7. Đả, sát túc toạ hồi mai phục (*tấn công rồi trở về ngồi mai phục*)

8. Tấn đả tam chiến (*tiến đánh ba lần*)

9. Thối thủ nhị linh (*lui về phòng thủ hai lần*)

10. Hoành tả, toạ (*vòng qua trái, ngồi xuống*)

11. Bạch xà loang lộ (*rắn trắng qua đường*)

12. Sát thanh long biên giang, phụ tử tương tùy (*dựa thế hổ tương giết rồng xanh bên sông*)

13. Hoành hữu, toạ (*vòng qua phải, ngồi xuống*)

14. Bạch xà loang lộ (*rắn trắng qua đường*)

15. Sát thanh long biên giang, phụ tử tương tùy (*dựa thế hổ tương giết rồng xanh bên sông*)

16. Hồi phát địa hổ, song phi chuyển giết (*hổ lui về ngồi, chân bay, chỗ giết*)

17. Hạ bàn lôi đoản đả (*hạ thấp tung đòn*)

18. Hồi tiêu tọa khai cung (*lui về ngồi, giường cung*)

19. Huỳnh long quyền địa, tấn đả song quyền (*rồng vàng lượn xuống đất, tiến đánh hai tay*)

20. Hoành tả, phục phạt khai linh (*vòng trái chém xuống*)

21. Trục tiên quyền địa, tấn đả song quyền (*lượn xuống đất hướng trước, tiến đánh hai tay*)

22. Hoành hữu, phục phạt khai linh (*vòng phải chém xuống*)

23. Trục tiên quyền địa, tấn đả song quyền (*lượn xuống đất hướng trước, tiến đánh hai tay*)

24. Hồi hậu đả thập tự (*lui về sau tung đòn theo hướng chữ thập*)

25. Diện túy, tẩu mã giường tiên (*mặt say, bỏ chạy đưa cao roi*)

26. Hồi nhị bộ (*lui về hai bước*)

27. Bái Tổ lập như tiên (*bái Tổ như lúc đầu*).

Điều đáng lưu ý là cả hai bài Ngọc Trần Quyền được lưu truyền lâu đời ở Hội An đều còn giữ nguyên vẹn kỹ thuật đòn thế đặc trưng “*Thủ bất ly thân, túc bất ly địa*” của Võ Ta về “*thảo*”; còn đủ 27 câu, 139 từ về “*thiệu*” và được truyền dạy theo phương pháp đặc thù cổ truyền là “*Roi liên, quyền tiếp*”, buộc võ sinh luyện bài quyền phải tung đòn liên hoàn từ đầu đến kết thúc bài, không được dừng nghỉ từng đoạn như lối tập cải đổi hiện nay ♦

TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN LÀNG PHƯỚC TRẠCH

Trần Phương

Tín ngưỡng, một thành tố văn hóa truyền thống giữ vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng, phản ánh ước vọng của con người đối với cuộc sống thường ngày. Trong văn hóa cộng đồng người Việt, văn hóa của cư dân ven biển, trong đó có văn hóa tín ngưỡng là một bộ phận quan trọng, góp phần tạo nên bức tranh văn hóa Việt Nam. Đối với cư dân miền biển, bên cạnh những hoạt động văn hóa tín ngưỡng nằm trong hệ thống tín ngưỡng chung của dân tộc, văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng cư dân này còn có những biểu hiện mang tính đặc thù riêng. Từ đó, mỗi vùng miền, mỗi địa phương trên đất nước Việt Nam cũng có những nét đặc trưng riêng về văn hóa tín ngưỡng miền biển, tạo nên sự đa dạng trong một thể thống nhất. Làng Phước Trạch, xã Cẩm An, thành phố Hội An cũng nằm trong hệ thống đó.

Làng Phước Trạch xưa, nay thuộc địa phận phường Cửa Đại, thành phố Hội An. Theo một số tư liệu và những kết quả nghiên cứu, làng Phước Trạch được thành lập vào khoảng thế kỷ thứ XVII bởi các bậc tiền hiền của các tộc Trương, Trần, Lê, Phạm từ các vùng Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh di cư vào. Trải qua thời gian, nhiều tộc họ từ các vùng miền khác đến đây định cư cùng góp công sức với các tộc tiền hiền khai hoang, mở rộng cương vực của làng. Cư dân trong làng chủ yếu sinh nhai bằng nghề đánh

bắt thủy hải sản, dần hình thành nên làng chài Phước Trạch¹ và được duy trì đến hiện nay. Trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày cũng như trong lao động sản xuất của cư dân nơi đây đã dần hình thành nên các giá trị văn hóa tín ngưỡng đặc trưng thông qua việc duy trì và thực hành những nghi lễ tín ngưỡng phong phú liên quan đến cuộc mưu sinh trên biển, bên cạnh đó là những kiêng kỵ, những tri thức, thể ứng xử của con người đối với biển cả, góp phần tạo nên sự đa dạng trong kho tàng di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn thành phố Hội An.

Cũng như bao làng xã người Việt tại Hội An, tín ngưỡng và nghi lễ đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân làng Phước Trạch. Điều kiện lao động của ngư dân trong môi trường biển cả bao la đầy thách thức và hiểm nguy. Vì lẽ đó, tín ngưỡng đóng vai trò như là một “điểm tựa” quan trọng, tạo nên niềm tin vững chắc cho ngư dân trong những chuyến hành trình dài lênh đênh trên biển cả. Cũng như những người nông dân, ngư dân làng chài Phước Trạch luôn tôn thờ ông bà, tổ tiên. Bàn thờ tổ tiên, ông bà được đặt nơi trang trọng nhất trong ngôi nhà, thực hành các lễ nghi cúng tế truyền thống trong năm. Bên cạnh đó, họ còn tôn thờ các vị thần phù trợ, bảo hộ cho cộng

¹ Làng Phước Trạch còn có tên gọi dân gian là làng Cầu

đồng như thần Cao Các, Ngũ hành tiên nương, Nam Hải Ngọc Lân (cá voi). Trong cuộc mưu sinh với nghề biển, ngư dân nơi đây gắn bó mật thiết với con thuyền, lênh đênh nơi biển cả bao la, đối diện với những cơn sóng trắng xóa, những hiểm nguy luôn rình rập xung quanh. Do đó, họ luôn nguyện cầu những vị thần linh ra tay chở che, hộ mạng cho họ trước những thách thức, hiểm nguy, từ đó đã dần hình thành nên các công trình kiến trúc tín ngưỡng liên quan đến sông nước và biển cả. Trong hệ thống thờ tự các vị thần linh biển cả ở làng Phước Trạch, cá Ông (cá voi) được ngư dân xem là một vị phúc thần, luôn bảo hộ, cứu giúp những người ngư dân chẳng may gặp nạn trên biển. Do vậy, tín ngưỡng thờ cá Ông và các nghi lễ đi kèm là vô cùng quan trọng và mang ý nghĩa to lớn đối với cư dân ở làng này. Cư dân

trong làng lập nên lăng thờ cá Ông (cá voi), tên gọi là lăng Tứ Chánh Vạn. Đối với người dân làng Phước Trạch, cá voi chính là vị thần đã cứu giữ tính mạng của Nguyễn Ánh (sau này là vua Gia Long), người thành lập nên vương triều nhà Nguyễn. Về thời điểm phát khởi tín ngưỡng thờ cá Ông (cá voi) hiện nay vẫn chưa thể xác định được cụ thể, có một số truyền thuyết cho rằng cá Ông (cá voi) là hóa thân của Quan âm Nam Hải, vị thần sóng biển Pô Riyak của người Chăm, tuy nhiên đó cũng chỉ là giả thuyết chưa đủ thuyết phục. Theo Hoàng Việt nhất thống dư địa chí, viết năm 1806, có thể xem là một tài liệu sớm nhất, ghi lại việc thờ cúng cá voi trên một địa điểm cụ thể. Trong phần ghi chép về dinh Bình Thuận có đoạn viết:

“... 1.780 tầm, phía nam dọc theo bãi biển, phía bắc dọc theo động cát, đến



Một góc làng Phước Trạch

miếu Thần Hải, miếu thờ thần Nam Hải cự tộc ngọc lân, tượng thần bằng đất, áo mũ rất trang nghiêm, hai bên có bày đao kiếm, chiêng trống và tàn lọng, đằng sau tượng có hòm gỗ sơn màu đỏ. Theo lời kể của các vị bô lão thôn Sơn Hải thì ngày 2.2.Bính Ngọ (?), người trong thôn thấy một khúc xương cá voi trên tấm ván gỗ thông trôi từ ngoài biển vào bãi này, lúc ấy dân thôn Vũng Diên Phan Rang tập hợp lại cùng nhau bưng tấm gỗ thông có xương cá ấy định đem đi mai táng, nhưng khi họ nhắc lên thì không sao nhắc nổi, bỗng dưng có một người trong thôn tên là Cha Tài nhập đồng nói to rằng: không được, chỗ ở của ta tại đây, không được đem đi táng chỗ khác. Mọi người thấy lạ, cho là thần nên không dám mang đi mà táng ngay tại chỗ đó, rồi lập miếu thờ, khâm liệm xương ấy vào quan tài bằng gỗ, để thờ ngay trong miếu, đặt người làm từ lo việc hương khói. Từ đó về sau, thuyền bè người Kinh, người Thuận Thành, mỗi lần đến neo đậu ở bãi này, phàm vào miếu cầu đảo việc gì cũng được linh ứng. Hằng năm vào ngày mùng 2.2, dân trong thôn dùng lễ tam sinh để cúng tế, lâu ngày đã thành lệ...”.¹ Đến thời nhà Nguyễn trị vì, cá Ông được triều đình ban thần sắc và có nhiều mỹ tự như: Nam Hải cự tộc ngọc lân chi thần, Nam Hải cự tộc nhân ngư chi thần.

Tại làng Phước Trạch, có tục lệ “đề tang” khi cá Ông chết (lụy) trôi dạt vào bờ hoặc bắt gặp thình lình khi đang hành nghề trên biển, điều đó được xem là điềm lành, ngư dân cho rằng những

điều may mắn, tốt đẹp sẽ đến với cư dân trong làng. Theo thông lệ, người đầu tiên gặp cá Ông lụy sẽ được tôn làm trưởng nam, phải đề tang 100 ngày. Xác cá Ông được cư dân thực hiện các nghi lễ mai táng, chôn cất trong khu vực làng, đến khi đủ 3 năm thì dân làng tiến hành nghi lễ cải táng, lấy “ngọc cốt” cho vào quách, đặt ở trong lăng Tứ Chánh Vạn thờ phụng, hương khói. Trước đây, trong một năm, ngư dân trong làng tổ chức lễ cúng cá Ông 2 lần, nhằm phân định sự thay đổi trong chu kỳ đánh bắt cá, đồng thời tạ ơn cá Ông và các chư vị Thần đã phò hộ cho ngư dân trong làng được an toàn trong quá trình đánh bắt thủy hải sản. Lễ cúng đầu tiên trong năm được tổ chức vào tháng giêng sau tết âm lịch, qua đó đánh dấu sự khởi đầu cho mùa đánh bắt xa bờ trong năm. Lễ cúng thứ hai trong năm thường được tổ chức vào tháng bảy hoặc tháng tám âm lịch (tùy theo thời tiết) để kết thúc mùa đánh bắt trên biển. Sau khi kế hoạch tổ chức buổi lễ đã được lập, vị trưởng vạn trong làng thông báo tổ chức một buổi họp để thống nhất quyết định ngày tiến hành lễ cúng, đồng thời bàn bạc về kinh phí đóng góp bắt buộc từ các thành viên trong làng để tổ chức lễ cúng. Buổi lễ tại lăng có một đám rước đi trước, bắt đầu vào buổi sáng, gồm có khoảng 20 người mặc trang phục truyền thống, một người chủ tế (chánh bái). Một nhóm đàn ông được phân công việc khiêng kiệu, trong chiếc kiệu đó có chứa sắc lệnh. Hai người nhắc xướng mang lọng quan, sáu người chơi nhạc cụ cổ truyền và tám người

¹ Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Huế: Nxb. Thuận Hóa, 2002, tr 277.



Lễ Cầu ngư tại làng Tứ Chánh Vạn, phường Cửa Đại

cầm cờ. Đoàn người này đi độ về phía Bắc dọc theo bãi biển khoảng vài km, sau đó quay trở lại ngôi miếu chính để nghỉ ngơi. Sau đó, đoàn người lại tiếp tục đi dọc theo bãi biển về phía Nam. Trong nghi lễ này, các thành viên trong đoàn khăn vái mời cá Ông và những vị thần biển cùng tham gia vào nghi lễ và lễ hội với các ngư dân và các linh hồn cá Ông đã chết. Sau khi các nghi lễ đã hoàn tất, tại đây còn trình diễn hát bội. Hằng năm, trong làng bầu ra một chủ tế và hai phân hiến. Chủ tế phải đảm bảo các điều kiện: có gia đình, được mọi người kính trọng, am hiểu về các lễ nghi và có số tuổi tương thích với năm được bầu chọn. Hiện nay, hằng năm tại làng diễn ra lễ hội Cầu Ngư vào ngày 16 tháng 2 âm lịch, lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày đêm. Ngày đầu tiên diễn ra nghi thức lễ nghinh thần, lễ túc, ngày thứ hai diễn ra nghi thức đại lễ tế thần, ngày thứ ba diễn ra phần hội gồm có chèo bả trạo, hát bội (*hát tuồng*) và các trò chơi dân gian như đua thuyền, lắc

thúng chai thu hút đông đảo sự tham gia của cư dân địa phương và du khách. Có thể thấy rằng, thông qua tục thờ cúng cá Ông đã thắt chặt thêm mối quan hệ cộng đồng, ý thức cộng đồng được nâng cao, tăng tính trách nhiệm đối với nhau trong cuộc sống. Đồng thời, các hoạt động trong tín ngưỡng cá Ông còn hình thành và phát triển

loại hình văn nghệ dân gian đặc sắc của địa phương.

Cũng như các làng khác, tín ngưỡng thờ âm linh cũng được cư dân làng Phước Trạch quan tâm lập nên miếu thờ, miếu được lập trong khuôn viên làng Tứ Chánh Vạn. Âm linh là cách gọi phổ biến của cư dân ven biển đối với các vong hồn/vong linh bất hạnh. Việc thờ cúng âm linh biểu hiện qua các hình thức cúng tế, nghi lễ truyền thống chứa đựng ý nghĩa nhân văn cao cả, thấm đượm tình nghĩa giữa người còn sống đối với những số phận bất hạnh đã khuất, đồng thời phản ánh nguyện vọng của người dân biển cầu mong cho cuộc sống của xóm làng được yên bình, ấm no. Đặc biệt, miếu thờ âm linh của làng Phước Trạch có điểm khác biệt so với các làng khác đó là trong miếu có đặt hẳn một tượng thờ Tiêu Diện Đại Sĩ, là vị thần chỉ huy Cô hồn, Âm hồn.

Trong quá trình lao động, ngư dân nơi đây có những thông lệ và kiêng kỵ riêng. Ngày lành, giờ tốt là yếu tố đầu tiên được ngư dân quan tâm để mở đầu cho mùa đánh bắt thủy sản. Trước thời điểm đánh bắt xa bờ, ngư dân tìm đến “thầy địa” xem để biết được ngày lành, giờ tốt để mở đầu cho mùa đánh bắt của mình. Mỗi người được thông báo ngày giờ tương thích với bản thân. Bên cạnh đó, trong hoạt động đánh bắt họ còn kiêng cử nhiều vấn đề khác liên quan đến tàu thuyền, là phương tiện mưu sinh chính của họ, như: cử những người vừa bốc mộ, người phụ nữ có thai, người có tang mới,... xuống ghe thuyền. Khi chuẩn bị xuất phát đi đánh bắt không được mang vịt lên thuyền. Đối với những người có tang chưa qua 100 ngày thì không được đi biển. Trước khi đi biển, người đàn ông không được gần gũi vợ, không ăn cơm khô, ăn cá không được lật con cá lại. Trong quá trình đánh bắt không được làm rơi dụng cụ hành nghề xuống biển, vì như vậy sẽ làm động Bà Thủy, nếu lỡ làm rơi đồ xuống biển thì phải làm “hình thế” (hình nộm) thả xuống biển, sắm sửa lễ vật cúng Bà Thủy để tạ lỗi. Trong quá trình đánh bắt, không được nói những từ ngữ như “úp”, “lật”, “chìm” vì họ quan niệm rằng những từ ngữ này sẽ mang đến những điều xui xẻo trong cả chuyến hành trình.

Tính cách của ngư dân làng Phước Trạch chất phác, phóng khoáng, hòa mình với thiên nhiên, xem biển cả như là quê hương, con thuyền như ngôi nhà thứ

hai của mình. Cuộc sống gắn bó, làm bạn với biển đã dần trở nên quen thuộc, hình ảnh về biển cũng luôn gắn bó mật thiết trong đời sống tinh thần của ngư dân nơi đây. Trong quá trình lao động đánh bắt cá giữa biển cả bao la, để giảm bớt sự mệt nhọc, gian khó, ngư dân làng chài Phước Trạch thường ngâm nga những câu hò, điệu lý gắn liền với sông nước, biển cả như hò kéo chài, hò kéo lưới, hò ra khơi, hò chèo ghe... Không chỉ thế, vào những dịp lễ tế tại địa phương, những câu hò, điệu hát đó được ngâm nga qua chất giọng mộc mạc của ngư dân nơi đây. Trong đó, bài hát phổ biến được ngư dân ngâm nga trong quá trình hành nghề có thể kể đến bài “về các lái” về hải trình đi buôn dọc biển bằng ghe bầu xưa.

“Ghe bầu các lái đi buôn

Đêm khuya ngồi buồn, kể chuyện ngâm nga

Bắt từ Gia Định kể ra

Anh em thuận hòa từ Huế kể vô

...”

Hiện nay, trong hoạt động khai thác thủy hải sản, người dân làng Phước Trạch đã tiếp thu nhiều kỹ thuật đi biển và phương tiện đánh bắt hiện đại ngày càng đa dạng và phong phú hơn. Tuy rằng đời sống xã hội hiện đại tác động ít nhiều làm ảnh hưởng đến giá trị văn hóa truyền thống của cư dân ven biển làng Phước Trạch, nhưng với sự tồn tại và biểu hiện mạnh mẽ của tín ngưỡng dân gian, có thể khẳng định về sự bền vững của văn hóa mang đậm sắc thái biển nơi đây♦

XÍ MÀ - ĐẶC SẢN PHỐ HỘI

Nguyễn Thị Trang Thi

Xí mà (*chè mè đen*) hay còn gọi theo tiếng Hoa là “*Chí mà phù*”. Nhiều người cho rằng, món ăn này có nguồn gốc từ Trung Hoa. Có lẽ nó đã theo chân các Hoa thương hoặc người làng Minh Hương du nhập vào Hội An ở thời kỳ thịnh vượng của thương cảng này. Theo tiếng Quảng Đông (*Trung Quốc*) đọc là “*chí mà*” nhưng từ lâu người ta đã đọc lệch thành “*xí mà*”, mãi cho đến nay nhiều người dân phố Hội vẫn quen miệng gọi là **thế**. Ở phố cổ Hội An có rất nhiều món ăn mang đậm nét truyền thống của quê hương: Cao lầu, hoành thánh, bánh bao, bánh vạc hay tàu xá, lừng phảnh..., trong đó “*xí mà*” là món ăn đặc sản, góp phần giữ hồn cho phố cổ rêu phong này.

Trước đây, món “*chí mà*” chủ yếu do các kiều dân Quảng Đông (*Trung Quốc*) ở Hội An làm ra rồi bán rong hoặc bán ở các tiệm, quán. Nhưng ngày nay, người bán **xí mà** lại thường là những cụ già người Việt, hằng ngày gánh dạo bán khắp các ngã đường phố cổ. **Xí mà** dù là một món ăn “*ngoại nhập*” nhưng ngày nay nó đã thật sự là món ăn phổ biến của người Hội An và được nhiều du khách trong, ngoài nước ưa thích bởi cái chất và hương vị độc đáo của nó.

Chữ “*chí mà*” (*chi ma*) nghĩa là mè đen, “*phù*” (*hủ*) nghĩa là nát và những thứ gì có dạng nhuyễn, sệt đều gọi là **hủ** (*hủ ở đây không phải là chỉ cái hũ để*

đựng). Vì vậy có thể nôm na hình dung “*xí mà*” cũng giống như các loại chè đặc thông thường. Tên gọi “*chí mà*” đã cho thấy nguyên liệu chủ yếu để làm **xí mà** chính là mè đen, ngoài ra còn có các loại: Bột sắn dây (*cát căn*), bột khoai, rau mơ, rau má, thuốc Bắc (*một số vị thuốc Bắc*) có tính mát, nhuận trường. Những thứ này toàn là những nguyên liệu sẵn có của địa phương, duy chỉ có thanh địa là một vị thuốc Bắc phải mua ở tiệm thuốc.

Mè đen có vị béo, tính mát, bổ, tăng cường dinh dưỡng, chữa trị bệnh cao huyết áp, mạch máu xơ cứng, bệnh táo bón và chứng bệnh viêm đại tràng mãn tính. Bột khoai tính mát, bổ vị, giúp nhuận trường tiêu hóa tốt, trị các bệnh đường ruột và hen phế quản; rau má có vị đắng, rau mơ có vị đắng chát, vào can, tỳ, vị có tác dụng thanh nhiệt giải độc; thanh địa, vị đắng tính mát, bổ. Mè đen là một loại thức ăn rất quen thuộc với gia đình người Việt, vừa là món ngon vừa là thực phẩm giúp chữa được nhiều bệnh mà không phải mất nhiều tiền bạc. Trong hạt mè đen có chứa từ 40 - 60 % là dầu, 20 % là chất đạm. Ngoài ra, còn có đồng, canxi oxalat, dầu có chứa nhiều calo, axit béo omega 3... rất có lợi cho tim mạch, đường ruột, làm mượt tóc, đen tóc và tăng tuổi thọ... Nó có tác dụng hữu hiệu về tiêu hóa như nhuận trường, trị táo bón, khó tiêu, giúp tiêu hủy các loại giun

sán trong đường ruột, rất phù hợp với trẻ em, người già, đặc biệt làm thức ăn trợ giúp người già, trẻ em bị chứng tiêu hóa kém, bị kiết lỵ. Vì vậy khi chế biến xí mà kết hợp mè với các vị khác như rau mơn, rau má, cát căn thì tác dụng về y học càng cao. Vì thế khi ăn “xí mà” không những được thưởng thức một món ăn ngon mà còn như được uống một “*thang thuốc bổ*” theo kiểu dân gian truyền thống, mà các vị thuốc rất dễ dàng kiếm được ở bất cứ mọi nơi ở tại Hội An.

Cách nấu “xí mà” tưởng chừng đơn giản, dễ nấu như các loại chè khác bởi vì bản thân nó cũng là một món ngọt, nhưng thật ra không như ta tưởng. Cách chế biến ra nó là một bí quyết nghề nghiệp mà người làm chỉ có thể giới thiệu cho chúng ta chút ít mà thôi.

Trước tiên, mè đen được vuốt (*rửa*) thật sạch rồi để khô nhằm loại bỏ các tạp chất và bụi bẩn trong quá trình thu hoạch mè đen. Sau đó, đem mè rang cho đến khi phát ra những tiếng nổ lách tách là mè đã chín thì không đun lửa nữa. Để mè nguội rồi đổ vào cối đá giã sơ qua, sau đó cho vào cối xay bằng đá xay nhuyễn mịn. Tiếp tục chế biến những nguyên liệu phụ gồm bột sắn dây (*cát căn*), bột khoai, rau mơn, rau má, đường bát, thuốc Bắc. Bột sắn dây được hòa tan trong nước lạnh, không dùng nước nóng vì sẽ bị vón cục, rồi trộn với bột khoai. Rau mơn, rau má được xay nhuyễn sau đó lọc loại bỏ xác của rau, chỉ lấy phần nước cốt. Đường bát mua từ vùng mía đường Quế Sơn, Đại Lộc được người nông dân nấu thủ công đổ ra dưới dạng bát. Đường bát chặt từng cục nhỏ, cho vào nồi rồi đổ nước sạch vào, đun sôi

cho đường tan hết rồi lọc kỹ để được một loại nước đường vừa đen vừa thơm mùi mật mía. Có thể nói bước quan trọng nhất, quyết định độ thơm, sánh và mang hương vị đặc trưng của chè “xí mà” là dùng một chiếc nồi lớn để đun sôi nước đường đã được lọc kỹ với nước rau mơn, rau má rồi cho mè đã được xay nhuyễn và hỗn hợp bột cát căn, bột khoai vào khuấy đều, khuấy liên tục để khỏi vón cục. Khi hỗn hợp này đã được chín, cho thêm vị nước thuốc Bắc vào rồi khuấy đều.

Cuối cùng, trước khi tắt lửa, xí mà được múc vào một nồi lớn đặt trong quang gánh để gánh đi bán. Dưới nồi là than đỏ được ủ tro xung quanh để giữ cho nồi chè luôn được nóng lâu.

Xí mà phải dùng nóng mới ngon vì vậy nồi xí mà luôn luôn được giữ nóng. Xí mà được múc ra chén để phục vụ khách ăn tại chỗ, hay múc vào đồ đựng khác để phục vụ khách hàng mang về nhà. Nhiều người thường mang đến những chiếc phích nhỏ để mua mang về nhằm giữ nóng xí mà.

Nhắc đến Xí mà ở Hội An phải nhắc đến người đã giữ hồn cho món ăn đặc biệt này là ông Ngô Thiệu. Ông Ngô Thiệu sinh năm 1915, tại Hội An. Hơn 70 năm qua, ông sinh sống bằng nghề bán hàng rong trong phố cổ Hội An với món “*Chí mà phù*”. Khi ông ở độ tuổi gần 30, đang làm công cho một gia đình người Hoa đang kinh doanh nghề ăn uống. Khi ông bà chủ già yếu, không thể tiếp tục kinh doanh nữa thì ông được họ chỉ bảo cặn kẽ và truyền lại cho nghề nấu món Xí mà như một sự trả ơn trong suốt quá trình ông phục vụ cho gia đình họ và cũng để



tiếp tục lưu giữ món ăn như là bảo vật của gia đình họ. Sau khi học thành nghề, ông bắt đầu ra làm riêng để mưu sinh trang trải cuộc sống gia đình và nuôi con cái học hành. Ông gánh Xí mà trên các nẻo đường của phố cổ Hội An để bán, gánh Xí mà gắn bó cùng ông cho đến ngày ông già yếu không đi bán được nữa.

Ngày xưa khi ông còn mạnh khỏe, tất cả đều được đặt vào trong một đôi gánh rồi ông gánh đi rao bán ở khắp các nẻo đường, góc phố trong khu phố cổ để phục vụ người dân và du khách dù trời mưa hay nắng. Hàng ngày bắt đầu từ 6h sáng là ông gánh đi bán trên các con đường ở khu phố cổ, rồi dừng lại ở một số điểm gần như cố định mà ông đặt ra để vừa nghỉ ngơi, uống nước và vừa bán cho khách. Khi đã già yếu ông không thể gánh đi như vậy được nữa, nên đã chọn cho mình một chỗ bán cố định trên đường Nguyễn Trường Tộ, nơi có đông

người qua lại.

Món Xí mà của gia đình ông đã trở thành một thương hiệu ẩm thực gắn liền với đời sống các thế hệ của người dân phố Hội. Đến nay ông đã già yếu (102 tuổi) không còn đủ sức để làm nghề, nhưng con của ông vẫn tiếp tục theo đuổi nghề do ông để lại, không phải chỉ mưu sinh mà còn góp phần giữ gìn món ẩm thực đặc biệt của Hội An. Nhiều du khách thập phương đến tham quan Hội An, thường xuyên tìm đến gia đình ông để thưởng thức món ăn dân dã này như tìm lại một ký ức xa xôi trong quá vãng. Điều này đã khiến cho ông và gia

đình vô cùng tự hào với nghề mà gia đình đã gắn bó hơn 70 năm.

Hiện nay có rất nhiều gánh Xí mà được bán trên các tuyến đường trong và ngoài phố cổ, tuy nhiên gánh Xí mà của cô Ngô Thị Thị con gái của “Ông lão Xí mà” bán tại đường Nguyễn Trường Tộ được người dân phố Hội và du khách trong, ngoài nước ưa chuộng, bởi lẽ đây là gánh Xí mà được truyền từ “Ông lão Xí mà” - người đã giữ hồn cho món đặc sản này trên 70 năm. Giờ đây, gánh Xí mà của cô Thị cũng đông khách không thua gì thời “hoàng kim” của cụ Ngô Thiều.

Đến phố cổ Hội An, vừa thưởng thức chén Xí mà vừa tận hưởng không gian yên tĩnh và vẻ đẹp nên thơ của phố cổ thì không còn gì bằng. Có lẽ Xí mà là một món quà đặc biệt của người xưa dành tặng cho người dân địa phương và mọi du khách khi đến với phố cổ Hội An

CAFÉ CHANH

Trương Nguyên Ngã

Dân ghiền cafe Hội An ngày trước chắc ít có ai không một lần ngồi cafe Chanh, một trong những quán cafe có tiếng tăm ở Hội An từ thế kỷ trước. Quán do cô Chanh thường gọi là cô Ba mở từ năm 1969 trong hẻm đình Ông Voi, đối diện với một tiệm phở có tiếng không kém là phở Liễu.

Thoạt tiên chỉ là một quán cafe cóc chỉ có mình cô Ba đứng bán. Cafe được pha chế theo kiểu cafe vọt - một kiểu tựa như cafe bít-tát. Tuy nhiên, thay vì dùng một chiếc tát để lọc cafe, cô Ba làm vọt bằng vải mùng bọc vài lớp quanh một vòng sắt nhỏ có tay cầm, cho cafe vào trong vọt để pha cafe. Khách đến uống chỉ cần hâm nóng lên rồi rót ra ly là có ngay ly cafe nóng hổi. Cách này còn một tên gọi là cafe kho.

Cafe sữa ở đây thuộc loại thơm ngon nhất nhì Hội An. Thân tình lắm cô Ba mới chịu cho biết bí quyết là dùng sữa lon đã qua một hai kỳ, nghĩa là sữa đã được sản xuất từ trước đó khoảng ba đến sáu tháng, sữa cô đặc lại nên vị ngọt đậm đà hơn. Cafe phải đun thật sôi để khi pha vào làm sữa đủ chín, mùi sữa dậy lên hòa quyện vào mùi cafe xông lên

tận đỉnh mũi gây một cảm giác sảng khoái khi uống, ai thích đá thì bỏ vào sau. Nghĩ lại bây giờ uống ly cafe sữa pha bằng phin, lúc cafe xuống đầy thì đã nguội ngắt thấy không ngon là phải.

Khách hàng thời đầu chủ yếu là thanh niên và học sinh, những người không muốn chạm mặt với người lớn và các vị giáo sư thường hay ngồi tại cafe Tiêu. Càng về sau khách mỗi ngày một đông nên cô Sương còn gọi là cô Năm, nghỉ nghề may về phụ chị mình bán cho đến ngày cả hai cô nghỉ hưu.



Café Chanh - Tranh sơn dầu của Trương Bách Tường

Những khách hàng là công chức đầu phải lúc nào cũng sẵn tiền trong túi, uống cafe ghi sổ cuối tháng lãnh lương ra trả nợ là chuyện thường tình. Nhưng hơn thế nữa, khách hàng sau khi uống còn có thể mượn thêm một ít tiền

tiêu vặt rồi ghi sổ trả sau luôn một lần cho tiện. Có lẽ đây cũng là một chiêu giữ khách của hai cô chủ quán trẻ đẹp.

Một thời gian sau chủ cũ lấy lại địa điểm. Cafe Chanh dời ra mặt đường Lê Lợi đầu con hẻm đi vào hãng rượu S.I.C.A. Khoảng giữa thập niên 80, một người cô của cô Ba và cô Năm thuận cho hai người dời quán cafe xuống địa điểm

góc ngã ba Trần Phú - Hoàng Văn Thụ bây giờ, vừa bán vừa giữ nhà luôn cho bà.

Khách hàng thời kỳ này đa dạng hơn. Không hện mà nên gần như họ uống theo từng khung giờ nhất định. Từ ba giờ sáng là những người thu đổi phế liệu, đồng thời bán cà-rem đến uống sớm. Họ chờ đến giờ nhận cà- rem Bửu An, rồi tranh thủ chở lên miền ngược bán hoặc đổi phế liệu mang về. Đến bốn giờ sáng là phiên những người chở cá, bắt đi bán ở Đà Nẵng và các vùng ven, tranh thủ vào uống rồi đạp xe đạp tỏa đi các vùng kiếm sống.

Khoảng gần năm giờ sáng là lúc mấy ông lớn tuổi khó ngủ lò dò đến uống. Trong ánh sáng mờ mờ của mấy ngọn đèn vàng hiu hắt, dường như có đông đủ các gương mặt tiếng tăm ở Hội An một thời. Cánh thợ may có ông Châu Toàn, ông Hoàn Mỹ, Ông Sum vét - tông, ông Nguyễn Tạo. Ông Sữ Triệu Sum may áo vét - tông cực đẹp nhưng quần vét - tông thì phải mang qua ông Nguyễn Tạo mới đúng chất. Nhiều người hay đùa may một bộ vét- tông cũng phải đi hai hiệu may của hai ông thì mới ra chất Ấng- Lê được. Ông Châu Toàn và ông Hoàn Mỹ sở trường về sơ mi và quần tây, áo sơ mi ông Hoàn Mỹ may đẹp hơn nhưng ông Châu Toàn lại dựng quần tây chuẩn dáng hơn.

Một lúc sau các ông bán kim hoàn lục tục kéo đến. Ông Kim Hùng ốm ốm, ông Kim Tâm mập mập, ông Kim Hồng với bộ râu có một không hai ở Hội An. Hình như ở xứ này những người buôn kim hoàn đều lấy chữ Kim làm hiệu. Chỉ duy có ông Thanh Tri hay cười, cao to mập mập như ông hộ pháp, nổi tiếng cả đời chỉ hát độc một bài Xin Cho Tôi của Trịnh Công Sơn là ngoại lệ, lấy đúng tên

mình làm hiệu. Đặc biệt là mỗi giờ mỗi khách, mỗi người mỗi góc, mỗi ghế. Trăm lần như chục, bước vào quán bất kỳ giờ nào cũng có thể đoán biết là ai đang ngồi bàn nào, góc nào, ngồi với ai, có lẽ cũng là một điểm thú vị riêng của quán cafe này.

Sau năm giờ sáng khách bắt đầu đông hơn, cánh thợ gò hàn dọc đường đi xuống bờ sông và công nhân của những cơ sở sản xuất cũng tranh thủ ghé uống ly cafe cho kịp giờ đi làm. Cánh buôn bán ở chợ Hội An thì đến trễ hơn do phải dọn hàng sớm rồi chờ vợ xuống trông hàng mới được lên uống. Thời mở cửa, những họa sĩ, nghệ sĩ như Lưu Công Nhân, Kazik, và nhiều nghệ sĩ khác tiếng tăm một thời cũng đã là khách ruột của quán khi họ về sông hoặc làm việc làm việc ở đây.

Dân Hội An vốn thích nhàn, nên làm gì thì làm cũng phải ngồi cafe đủ ngày hai bữa. Ngoại trừ cánh buôn bán xa, còn lại cũng chừng ấy con người có bận bịu chi cũng cứ một giờ chiều lại lục tục kéo đến làm một ly cafe chiều cho mình miễn rồi mới về làm việc. nếp sống bình lặng, nhẹ nhàng, của thế hệ này cũng tạo nên một chất sống riêng của người Hội An mà không dễ nơi nào có được .

Thời du lịch phát triển, đi qua cảnh cũ quán xưa thấy quán cafe giờ đã trở thành cửa hàng bán áo quần lưu niệm. Tự nhiên thấy buồn. Vẫn biết là muốn kinh tế phát triển phải chấp nhận mất đi một phần giá trị nào đó. Những nhu cầu đời thường không thể đi ngược với thời cuộc, với quy luật phát triển, nhưng không hiểu sao trong lòng vẫn không thoát được một chút buồn ngùi tiếc nuối những hình ảnh của bao ngày xưa cũ. Ngày đó Hội An không như bây giờ ♦

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ KHU PHỐ CỔ HỘI AN TRONG NHỮNG NĂM QUA, NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

Võ Duy Trung

Sau nhiều cuộc hội thảo trong nước và quốc tế, ngày 4/12/1999, tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) đã thông qua và ban hành quyết định công nhận khu phố cổ Hội An là Di sản Văn hóa Thế giới với tiêu chí II và V “*Hội An là biểu hiện vật thể nổi bật của sự kết hợp các nền văn hóa qua các thời kỳ trong một thương cảng quốc tế*” và “*Hội An là điển hình tiêu biểu về một cảng thị châu Á truyền thống được bảo tồn một cách hoàn hảo*”. Điều đó đã khẳng định Khu phố cổ Hội An là một loại hình di sản văn hóa đặc biệt, với không gian đô thị thương cảng xưa có sự kết hợp hài hòa giữa các công trình kiến trúc độc đáo, bên cạnh, thiên nhiên, những giá trị văn hóa phi vật thể và con người tạo nên sức hấp dẫn riêng.

Để giữ gìn những giá trị của khu phố cổ được bảo tồn toàn vẹn như ngày hôm nay, ngay từ những năm 1985, khi giá trị khu phố cổ Hội An được quan tâm, chính quyền địa phương đã xây dựng quy chế tạm thời, đồng thời việc xác định và khoanh vùng khu vực bảo vệ khu phố cổ, khảo sát, đánh giá phân loại di tích cũng được thực hiện nhằm quản lý và bảo tồn các giá trị kiến trúc của khu phố cổ. Trong đó, khu vực bảo vệ I với 1117 di tích (*bảo tồn nguyên trạng*) khoảng 3,5 ha thuộc ba phường Minh An, Cẩm Phô và Sơn Phong, khu vực bảo vệ IIA và IIB (*bảo tồn cảnh quan*)

thuộc các phường Minh An, Cẩm Phô, Sơn Phong và Cẩm Nam. Việc đầu tư tu bổ thuộc nguồn ngân sách Nhà nước cũng được quan tâm ngay từ sau khi Hội An được công nhận Di sản Văn hóa thế giới, cho đến nay có đến 224 di tích được triển khai thực hiện. Các di tích được tu bổ từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm được thực hiện góp phần lớn cho việc chống xuống cấp các di tích, loại bỏ được các di tích xuống cấp ra khỏi danh mục có nguy cơ sụp đổ. Bên cạnh đó, các dự án tôn tạo cơ sở hạ tầng từ nguồn ngân sách Tỉnh và Trung ương cũng được triển khai thực hiện góp phần đảm bảo tính bền vững hơn cho khu phố cổ Hội An như dự án tôn tạo cơ sở hạ tầng, dự án ngầm hóa điện sinh hoạt và chiếu sáng, dự án lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, dự án kè chống sạt lở cho khu phố cổ... Với đặc trưng riêng là khu Di sản sống, xác định với hơn 90% di tích trong khu phố cổ Hội An thuộc sở hữu tư nhân, tập thể. Vì vậy, việc bảo tồn khu phố cổ không chỉ là từ chính quyền địa phương mà phải xuất phát từ người dân, là những người sở hữu di tích, hưởng lợi từ chính di tích của họ, do đó trách nhiệm đóng góp trong việc bảo tồn di sản của người dân cần phải được phát huy, bằng nhiều hình thức vận động, tuyên truyền. Trong thời gian qua việc đóng góp trong công tác bảo tồn của người dân là đáng ghi nhận với 1494 giấy phép tu bổ, sửa chữa di tích được

cấp từ chính quyền địa phương, điều này đã phát huy được sức mạnh cộng đồng trong công tác tu bổ, tôn tạo di tích và nâng cao ý thức bảo vệ di sản, góp phần lớn cho công tác bảo tồn di sản Hội An.

Công tác bảo tồn phải đi đôi với việc phát huy giá trị, vì vậy việc xây dựng phương án phát huy các giá trị di tích trong khu phố cổ trong thời gian qua cũng đã được các ngành chức năng và Thành phố quan tâm, các di tích được tổ chức thành những điểm tham quan, mua sắm cho du khách, các di tích thuộc sở hữu nhà nước, sau khi tu bổ, các ngôi nhà được tái sử dụng làm các bảo tàng chuyên đề, nhà triển lãm, và biểu diễn nghệ thuật cổ truyền làm điểm tham quan cho du khách, nhiều ngôi nhà cho thuê kinh doanh lấy kinh phí tái đầu tư cho công tác bảo tồn, các di tích tư nhân - tập thể, nhiều ngôi nhà có giá trị lịch sử - kiến trúc được sử dụng làm điểm tham quan cho du khách như nhà cổ Tấn Ký, Quân Thắng, Phùng Hưng, các hội quán người Hoa như Phúc Kiến, Hải Nam, Quảng Đông, Triều Châu..., từ đó chủ nhà được hưởng lợi từ di sản của mình, các ngôi nhà khác không nằm trong điểm tham quan cũng trở thành cửa hàng, cửa hiệu buôn bán. Thực trạng các di tích sử dụng cho mục đích kinh doanh, buôn bán tăng rõ từ năm 1999 đến nay (bảng 1.1, 1.2) điều này mang lại nguồn thu lớn phục vụ kinh tế - xã hội địa phương, giúp đời sống người dân ổn định. Việc khai thác, phát huy giá trị các di tích trong khu phố cổ đã góp phần thu hút lượng khách đến Hội An ngày càng

tăng và trở thành nguồn thu lớn để phát triển kinh tế của địa phương (bảng 1.3).

Mặc dù Hội An đã đạt được những thành tựu trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, nhưng Di sản vẫn đang đứng trước những nguy cơ, thách thức, đó là tốc độ đô thị hóa, phát triển du lịch..., điều này sẽ tác động mạnh lên tính toàn vẹn, chân xác, giá trị văn hóa và cảnh quan khu phố cổ... Ngoài ra, Hội An còn đứng trước các nguy cơ cháy, nổ do hoạt động quá tải bởi các dịch vụ cho du lịch, những áp lực của vấn đề dân số và thành phần dân cư trong khu phố cổ là mặt trái của tốc độ phát triển du lịch cũng là những vấn đề đặt ra hiện nay cho khu phố cổ Hội An.

Theo số liệu thống kê hàng năm về tình hình sai phạm trong công tác tu bổ di tích có giảm nhưng vẫn còn xảy ra (bảng 1.4). Những sai phạm chủ yếu rơi vào các trường hợp: tu bổ không có giấy phép, tu bổ không đúng theo giấy phép được cấp hoặc vi phạm nguyên tắc tu bổ di tích. Các di tích thuộc diện buộc UBND Thành phố phải ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phần



Một góc phố cổ Hội An nhìn từ trên cao

lớn do việc khắc phục các hành vi sai phạm chậm so với quy định, ý thức giữ gìn di tích chưa cao, cố tình làm trái với quy định. Tình trạng lén lút sửa chữa di tích không phù hợp với nguyên tắc bảo tồn vẫn còn. Việc sai phạm trong tu bổ di tích của người dân thường mắc phải như: sai phạm dẫn đến sự thay đổi diện mạo, hình thức kiến trúc, các cấu kiện cấu thành di tích, sự thay đổi về không gian, chức năng bên trong và cảnh quan xung quanh di tích, sai phạm trong việc sử dụng vật liệu, chất liệu trong công tác tu bổ di tích, sai phạm về phương pháp và kỹ thuật trong quá trình tu bổ di tích, sai phạm dẫn đến sự biến đổi về không gian công cộng và cảnh quan chung khu phố cổ... Bên cạnh đó việc sử dụng di tích của người dân hoặc những người thuê nhà kinh doanh, buôn bán vẫn còn nhiều hạn chế, không theo quy định quản lý của khu phố cổ phổ biến là có sự can thiệp cải tạo không gian làm ảnh hưởng đến không gian truyền thống di tích và cảnh quan khu phố cổ. Qua khảo sát các di tích thuộc các tuyến đường chính trong khu phố cổ, chúng tôi nhận thấy các không gian bên trong di tích (*đặc biệt là không gian nếp nhà trước di tích*) phần lớn đã được chủ di tích hoặc người thuê mặt bằng kinh doanh đã cải tạo, trang trí, trưng bày hàng hóa và sử dụng không phù hợp với các quy định cũng như không gian và cảnh quan khu vực I khu phố cổ, đó là:

- Sử dụng các loại vật liệu hiện đại, dễ cháy trang trí, trưng bày bên trong di tích. Hình thức trưng bày, trang trí hiện đại, không phù hợp với không gian di tích.

- Thiết bị chiếu sáng nhiều màu sắc, cường độ, mật độ cao, hình thức trang trí hiện đại.

- Các vật dụng, thiết bị sử dụng trưng bày hàng hóa có hình thức hiện đại, không đúng quy cách, màu sắc quy định, che chắn hầu hết không gian của di tích.

- Cải tạo nội thất (*tháo dỡ một phần, xây dựng thêm các chi tiết bên trong di tích*) làm thay đổi yếu tố gốc của di tích.

- Sử dụng các loại vật liệu che chắn các không gian sân trời bên ngoài này trở thành không gian kinh doanh theo mục đích của chủ di tích (*người thuê*).

Tháo dỡ các hệ cửa, vách ngăn là một bộ phận không tách rời của di tích để phục vụ cho nhu cầu kinh doanh.

Việc khai thác di sản quá mức, sự thiếu ý thức của người dân trong sinh hoạt, kinh doanh, buôn bán và sử dụng di tích trong khu phố cổ cũng đã làm mất mỹ quan chung cho đô thị, trong đó đặc biệt quan tâm đến các vấn đề trưng bày hàng hóa, lắp đặt các thiết bị phục vụ sinh hoạt, che chắn, phơi phóng tại các vị trí mặt tiền di tích, việc lắp đặt biển hiệu, quảng cáo không đúng quy định. Số lượng các hàng quán vỉa hè, gác hàng rong tăng đột biến khiến khu phố cổ trở nên quá tải và xô bồ cũng như việc xấp xếp không theo đề án buôn bán dẫn đến mất cảnh quan và hình ảnh chung.

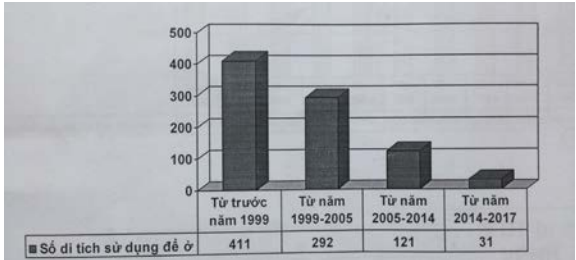
Sự chuyển hóa các không gian sống trong từng di tích cũng sẽ dẫn đến sự thay đổi nếp sống, giá trị văn hóa ứng xử trong từng ngôi nhà trong khu phố cổ, đó là hệ quả của việc các cửa hàng, cửa hiệu

phát triển nhanh và ào ạt dẫn đến sự thay đổi, biến dạng không gian và công năng sử dụng của ngôi nhà. Thay vì trước đây các ngôi nhà tồn tại một hoặc vài thế hệ sống trong đó với không gian thờ tự, sinh hoạt, bếp..., dành một phần không gian phía trước để buôn bán nhỏ, thì nay toàn bộ không gian chỉ để phục vụ cho mục đích kinh doanh, các không gian truyền thống bị tháo dỡ hoặc thu nhỏ.

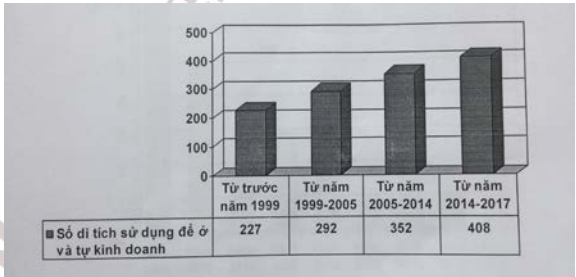
Nếp sống và văn hóa truyền thống trong khu phố cổ sẽ thay đổi khi các cửa hàng, cửa hiệu truyền thống dần bị xóa bỏ hoặc di chuyển ra bên ngoài khu phố cổ hay việc chuyển nhượng hoặc cho thuê toàn bộ ngôi nhà và chuyển ra sống ở khu vực bên ngoài khu phố cổ của những gia đình nhiều thế hệ, thay vào đó là những người ở nơi khác đến sẽ làm mất dần những giá trị phi vật thể, cách ứng xử, giá trị văn hóa trong tộc họ, gia đình.... của cộng đồng dân cư trong phố cổ.

Di sản văn hóa được xem như là nguồn “*tài nguyên xã hội*”, bản thân nó chứa đựng những giá trị văn hóa - tinh thần và giá trị kinh tế - vật chất, những lợi ích từ việc khai thác giá trị di sản văn hóa phải được cân nhắc, không chỉ vì lợi ích trước mắt mà đánh đổi, khai thác một cách bừa bãi, thiếu có kiểm soát. Giữ gìn di sản văn hóa trước hết là vì cộng đồng dân cư, vì đó là tài sản văn hóa của cộng đồng. Vì vậy, việc bảo tồn trước hết là trách nhiệm chung của cộng đồng, phải xuất phát từ ý thức của cộng đồng, với ý nghĩ giữ gìn di sản nói chung và di sản Hội An nói riêng trước hết vì con người sống trong di sản chứ không phải chỉ vì bản thân di sản, nếu chúng ta không hiểu biết giá trị của nó thì không thể bảo vệ di sản. Bảo tồn những giá trị di sản có nghĩa là chúng ta đang xây dựng và làm

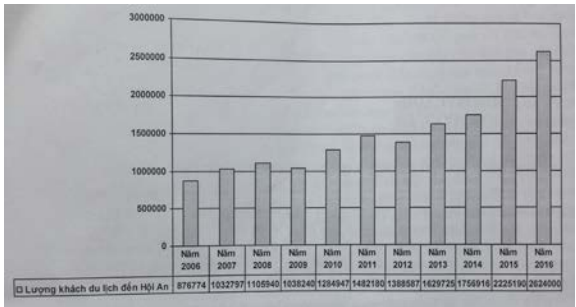
sống lại một không gian sống với những giá trị chiều sâu ký ức của bản thân nó, chúng ta sẽ cảm nhận được nhiều hơn những giá trị tinh thần của các thế hệ đi trước là những giá trị văn hóa vô giá, giúp chúng ta sống tốt hơn cho cuộc sống hôm nay♦



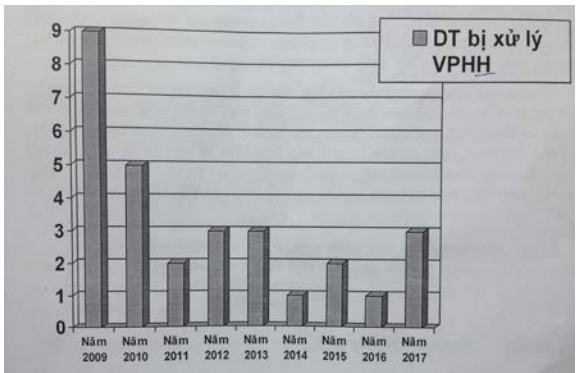
Bảng 1.1



Bảng 1.2



Bảng 1.3



Bảng 1.4

MỘT VÀI NHẬN ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC BẢO TỒN DI TÍCH HIỆN NAY

Trần Thanh Hoàng Phúc

Tháng 9/2017, tôi có may mắn được tham gia khóa tập huấn ngắn hạn về bảo tồn kiến trúc gỗ truyền thống tại Nhật Bản - quốc gia đã và đang làm rất tốt công tác bảo tồn cả di sản văn hóa vật thể cũng như phi vật thể. Trong một tháng ngắn ngủi của khóa tập huấn, tôi đã học hỏi và hiểu rõ hơn phần nào về lịch sử, văn hóa, hệ kết cấu gỗ, vật liệu xây dựng và kỹ thuật trùng tu của Nhật.

Người Nhật rất nỗ lực trong việc bảo tồn di sản kiến trúc, điều đó thể hiện qua các điều luật về bảo tồn di sản. Ngay từ năm 1871 đã có những tuyên cáo về bảo tồn cổ tích. Năm 1897 có luật bảo tồn lăng tẩm, đền miếu; các điều luật cho các loại hình di tích khác: các địa điểm lịch sử, di sản văn hóa phi vật thể, khu bảo tồn các di tích lịch sử... tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện vào năm 2004 với luật bảo tồn cảnh quan văn hóa. Chính quyền các địa phương cũng rất quan tâm đến việc gìn giữ và bảo tồn di sản văn hóa. Rất nhiều hiện vật, di tích từ thế kỷ VII, VIII vẫn còn được lưu giữ và bảo quản trong tình trạng rất tốt. Những công trình kiến trúc công cộng, nhà cửa gắn với phong tục, tập quán, hoạt động, lễ hội hàng năm của người dân... là những di sản văn hóa quan trọng được xác lập cụ thể, tạo cơ sở

thuận lợi cho công việc bảo tồn. Việc đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên làm công tác tu sửa, tôn tạo, các kỹ thuật tu sửa, tôn tạo cũng được quan tâm thỏa đáng. Điều này gây ấn tượng rất mạnh với tôi bởi ở Việt Nam, việc bảo tồn di sản văn hóa cũng giành được sự quan tâm nhất định, tuy nhiên, vì chiến tranh kéo dài và một số nguyên nhân chủ quan khác, mãi đến năm 1945 mới có sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời về bảo tồn cổ tích, năm 1984 mới có pháp lệnh về việc bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh. Đến năm 2001, luật di sản văn hóa Việt Nam mới được thông qua.

Các chuyến đi thực tế trong khóa học đến các di tích giúp tôi hiểu được tổng quan đặc tính kiến trúc truyền thống của Nhật Bản: kiến trúc luôn hòa hợp với cảnh quan thiên nhiên, hoa mỹ và rất quan tâm đến chi tiết. Vật liệu xây dựng chính là gỗ, bởi quốc gia này có rất nhiều rừng (*thường là gỗ bách, thông, tuyết tùng và long não, các loại gỗ này mềm hơn so với gỗ Việt Nam như lim, kiền kiền...*). Vật liệu lợp mái truyền thống là vật liệu hữu cơ như rơm rạ, các tấm vỏ cây thân gỗ. Hệ khung kết cấu gỗ rất hoàn thiện, được liên kết vững chắc bằng kỹ thuật ghép, nối mộng đa dạng,

phức tạp (*điều này cũng tạo thuận lợi cho việc tháo lắp và sửa chữa, tu bổ*), tạo nên những công trình kiến trúc có phần thân rất vững chắc, hạn chế được các tác động của động đất, hệ chông rui giúp phân mái vươn xa, bay bổng. Trong các ngôi đền, tường trắng – hệ khung gỗ đỏ, hoa văn trang trí trên gỗ gây ấn tượng thị giác mạnh, trong khi ở các ngôi nhà bản địa thường sử dụng màu sắc tự nhiên của vật liệu tạo sự giản dị, gần gũi. Tuy nhiên, các vật liệu này (*gỗ, rơm rạ, vỏ cây...*) có nhược điểm là dễ mục, dễ cháy nên việc tu bổ và xây cất lại các công trình kiến trúc gỗ hoặc lợp lại mái cần được tiến hành theo định kỳ. Kiến trúc truyền thống Nhật Bản và Việt Nam có nhiều nét tương đồng nhưng cũng có rất nhiều điều khác biệt, bởi nhiều yếu tố: khí hậu, văn hóa, địa lý, vật liệu, kỹ thuật xây dựng...

Trông người rồi ngắm đến ta! Tôi đã có cái nhìn rộng hơn về công tác bảo tồn kiến trúc gỗ, các cách tiếp cận vấn đề từ khóa tập huấn, tuy nhiên, thật khó để nói có thể áp dụng nó vào công tác bảo tồn ở Hội An. Áp dụng những điều này vào thực tế hiện nay còn là chặng đường dài của hoạt động bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam nói chung và đô thị cổ Hội An nói riêng, bởi mỗi quốc gia đều có sự khác biệt về kiến trúc, đặc tính lịch sử, văn hóa và cả điều kiện kinh tế, kỹ thuật. Qua khóa tập huấn, đối chiếu với công tác bảo tồn ở Hội An hiện nay, tôi có một vài nhận định như sau:

Công tác bảo tồn ở Nhật Bản rất coi trọng việc giữ gìn tính chân xác.

Trùng tu di tích là một quá trình kéo dài và tốn kém, kế hoạch trùng tu, sửa chữa được thực hiện chi tiết, từ công tác chuẩn bị hồ sơ đến công tác xây dựng các phương án tu bổ rất kỹ lưỡng và thận trọng. Với từng loại hình di tích khác nhau có cách ứng xử riêng biệt nhưng phải đảm bảo những nguyên tắc bảo tồn chính yếu sau: tận dụng tối đa các yếu tố nguyên gốc; nghiên cứu và mô phỏng các phương pháp, kỹ thuật cổ truyền; cân nhắc tỉ mỉ về chính sách trùng tu; làm tư liệu chi tiết trong suốt quá trình tu bổ. Công việc phục chế, tu sửa, bảo dưỡng các công trình kiến trúc công cộng và tư nhân có giá trị lịch sử - văn hóa đều phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt dưới sự chỉ đạo, thẩm định của hội đồng chuyên môn kết hợp giữa Nhà nước và địa phương, nhờ vậy mà các đặc trưng vốn có của các công trình kiến trúc ở mỗi vùng miền, các giá trị văn hóa được giữ gìn nguyên vẹn. Đối với những ngôi nhà cổ mang đậm đặc trưng văn hóa truyền thống (*như ở phố cổ Takayama, làng cổ Shirakawa-go...*), người dân sẽ được Nhà nước và địa phương hỗ trợ về mặt tài chính để thực hiện tu bổ. Việc quản lý rủi ro (*hỏa hoạn, động đất...*) ở các khu di sản cũng được đặc biệt quan tâm. Người dân có ý thức rất cao trong việc giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Hoạt động trùng tu di tích ở Hội An trong thời gian qua luôn được các cấp, ngành chức năng quan tâm một cách đặc biệt, được sự hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật của các chuyên gia quốc

tế về bảo tồn di tích kiến trúc gỗ, đặc biệt là của các chuyên gia Nhật Bản, do đó đã được các cơ quan, tổ chức quản lý, bảo tồn di tích trong và ngoài nước đánh giá cao. Tuy nhiên, công tác bảo tồn di tích ở Hội An hiện đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau: sự xuống cấp hiển nhiên của di tích theo thời gian, tác động của yếu tố tự nhiên, và đặc biệt là áp lực phát triển kinh tế xã hội cùng với những nhu cầu của cuộc sống ngày càng hiện đại... Và phải thừa nhận rằng, tính chân xác trong công tác tu bổ ở Hội An cho đến nay vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

Những khó khăn về vật liệu dùng trong tu bổ di tích ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và tuổi thọ công trình tu bổ. Cấu kiện với chất liệu/vật liệu gốc với kỹ thuật truyền thống phải giữ lại tối đa, tuy nhiên nếu không có phương pháp xử lý hiệu quả, thích hợp (*như dùng hóa chất giúp bảo quản, gia cường, tăng thêm độ bền cấu kiện*) đối với các chất liệu/vật liệu gốc vốn đã cũ kỹ, rệu rã thì việc sử dụng lại các cấu kiện này không đảm bảo an toàn (*nhất là đối với các ngôi nhà gỗ có nhiều người sinh hoạt bên trong*), chỉ sau một thời gian ngắn thì tiếp tục bị xuống cấp và cần phải tu bổ gấp. Với các cấu kiện cần thay thế: chất liệu/vật liệu mới theo kỹ thuật truyền thống buộc phải sử dụng để thay thế vật liệu/chất liệu cũ/gốc hiện nay rất khó hoặc không có để mua, sử dụng, hơn nữa, nếu có thì chất lượng cũng không tốt, không thật sự đảm bảo so với trước

đây, như: ngói âm dương, gạch, gỗ, vữa vôi truyền thống; vật liệu dùng để sơn, quét bảo quản các cấu kiện gỗ như dầu mù u, dầu rái, sơn ta... cũng rất hạn chế sản xuất, sử dụng.

Như vậy các công trình được gọi là tu bổ, tôn tạo, hay phục hồi di tích hiện nay phải sử dụng vật liệu không đạt yêu cầu về chất lượng, cả chủng loại. Việc sử dụng các công cụ, máy móc, đặc biệt là máy móc gia công gỗ để phục vụ thi công vẫn khá phổ biến. Tay nghề của đội ngũ thợ thi công tu bổ còn nhiều hạn chế, rất hiếm thợ lành nghề (*nghệ nhân*). Bên cạnh đó, một khó khăn không thể không kể đến, đó là nhiều khi có sự không tương thích giữa nguyện vọng, mục tiêu bảo tồn của cơ quan quản lý, cán bộ bảo tồn với mong muốn của chủ di tích, của người dân bởi họ là người trực tiếp quản lý, sử dụng, sinh sống bên trong những di tích đó, lợi ích kinh tế của họ gắn chặt với di tích.

Ngoài ra, cơ chế quản lý đầu tư tu bổ di tích hiện nay vẫn đang được áp dụng theo quy trình quản lý đầu tư xây dựng cơ bản (*như các công trình xây dựng mới*), cho nên việc triển khai các hoạt động nghiệp vụ mang tính khoa học trong tu bổ di tích rất khó thực hiện. Nguồn kinh phí trùng tu cũng là một khó khăn lớn đối với chính quyền và người dân. Kinh nghiệm, chuyên môn của đội ngũ thợ thi công tu bổ, đội ngũ cán bộ kỹ thuật quản lý trùng tu vẫn còn những hạn chế nhất định.

Như vậy, với những tồn tại kể trên, di tích sau khi được tu bổ, sửa chữa, dù

được hướng dẫn cấp phép hay lên lút tự phát cũng sẽ dần bị trẻ hóa và trở nên xa lạ với chính cái gốc của nó và với cả khu đô thị di sản. Các di sản kiến trúc luôn phải đối mặt với nguy cơ ngày càng suy giảm giá trị, thậm chí sẽ chỉ như cái hình mẫu không hồn. Điều này góp phần làm giảm đi rất nhiều tính chân xác trong tu bổ di tích, một yếu tố rất quan trọng để đánh giá kết quả công tác bảo tồn, trùng tu.

Trong những năm qua, chính quyền Hội An đã và đang làm những gì tốt nhất trong khả năng, cố gắng tập trung mọi nguồn lực tài chính, kêu gọi sự đầu tư trong và ngoài nước để có nguồn kinh phí hỗ trợ người dân trong công tác tu bổ các di tích, tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn chưa thật sự “tròn trịa” như mong muốn. Để khắc phục một phần nào những hạn chế nêu trên, để làm tốt hơn công tác bảo tồn ở Hội An trong thời gian đến, thiết nghĩ chúng ta cần xem xét thực hiện một số nội dung sau:

- Ưu tiên sử dụng vật liệu truyền thống và phương pháp, kỹ thuật truyền thống trong bảo quản và tu bổ di tích nói chung cũng như hiện vật của di tích nói riêng.

- Việc tu bổ, tôn tạo phải thực hiện trên cơ sở điều tra khoa học kỹ lưỡng, từ đó đề xuất phương án bảo quản, tu bổ chính xác.

- Có kế hoạch đảm bảo nguồn cung ứng vật liệu phục vụ công tác bảo tồn, như: trồng rừng lấy gỗ xây dựng, các loại sơn phủ truyền thống bảo vệ gỗ (*dầu mù u, sơn ta...*).

- Tăng cường kinh phí cho việc tu

bổ. Làm tốt công tác bảo tồn, nhất là với các công trình kiến trúc gỗ như Nhật Bản và một số quốc gia khác luôn là mục tiêu hướng đến của những người làm công tác bảo tồn ở Hội An.

- Có các chính sách phù hợp hơn cho công tác tu bổ (*cơ chế quản lý đầu tư tu bổ di tích*).

- Có chính sách đãi ngộ tốt các nghệ nhân nghề truyền thống (*nghề nhân làm mộc, lợp ngói âm dương...*). Khuyến khích đào tạo và đãi ngộ những người trẻ theo học các nghề truyền thống, đội ngũ thợ lành nghề kế cận làm việc trong lĩnh vực bảo tồn.

Bên cạnh đó, việc xây nhà bao che di tích khi tu bổ cũng cần xem xét thực hiện khi tu bổ các di tích sở hữu cộng đồng (*đình, miếu...*) do Nhà nước làm chủ đầu tư để giữ gìn, bảo quản các cấu kiện tốt hơn trong suốt quá trình tu bổ. Với các di tích thuộc sở hữu tư nhân thì khó thực hiện điều này, bởi các ngôi nhà sát vách nhau, không gian chật hẹp, hơn nữa, xây dựng nhà bao che sẽ làm tăng kinh phí tu bổ, đồng nghĩa với việc người dân phải trả nhiều tiền hơn, và họ thường không thích điều đó.

Những đề xuất trên có thể không mới với các vị lãnh đạo của Thành phố, với các cán bộ đang công tác trong lĩnh vực bảo tồn, tuy nhiên cho đến nay, chúng vẫn chưa được sự quan tâm đúng mức, đầy đủ. Hy vọng trong thời gian đến, công tác bảo tồn di tích ở Hội An sẽ có những chuyển biến tích cực, khởi sắc hơn so với những gì mà chúng ta đã và đang đạt được ♦

THÔNG TIN TỔ LIEĂU

TƯ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN PHẬT GIÁO Ở HỘI AN TRONG CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN

Phạm Phước Tịnh

Tác phẩm Châu bản triều Nguyễn - tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945 do tác giả Lý Kim Hoa, bút hiệu Nguyên Hồng sưu khảo và biên dịch (1), xuất bản vào năm 2003 bởi Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin. Tập sách giới thiệu tổng cộng 250 tư liệu Phật giáo qua châu bản triều Nguyễn. Trong số 250 tư liệu này chúng tôi bắt gặp 2 tư liệu được ông giới thiệu về chùa Phước Lâm ở Hội An. Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu nguyên văn nội dung phần phiên âm và dịch nghĩa 2 văn bản này trong tập sách.

1. Văn bản số 4, trang 30: Ngày 27 tháng 5 năm Minh Mạng thứ 2, Phạm Văn Tín dinh Quảng Nam tâu đã gọi hoà thượng chùa Phước Lâm và tăng chúng đến sức về kinh dự trai đàn chùa Thiên Mụ.

- Phiên âm:

Trực lệ Quảng Nam lưu thủ thần Phạm Văn Tín, kí lục thần Hồ Công Thuận, cai bạ thần Nguyễn Đăng Tuấn

khê thủ đồn thủ bách bách (...) (2) nguyệt nhật phụng công đồng truyền thôi tại hạt Phước Lâm hoà thượng tịnh tăng chúng cai nhị thập nhân tựu doanh chiếu số chuẩn phát (...) mỗi nhân trình phí tiền tam quán cấp phú lộ dẫn tịnh chiếu liệu chuẩn quan tiền cổ thuyền tải đệ thử hoà thượng tăng chúng do thủy (...) trình lai kinh đĩnh dĩ lục nguyệt thương tuần hiện chí Thiên Mụ tự thỉnh hầu trai đàn, thần đẳng tuân truyền tức thôi Phước Lâm hoà thượng tịnh tăng chúng nhị thập (...) tựu doanh dĩ nhận lãnh trình phí tiền y số lục thập quán cấp bát tại hạt ban sai thuyền nhị chích ư bản nguyệt nhị thập thất nhật (...) dĩ tại đệ y đẳng thượng kinh ứng hầu. Thần đẳng ngu muội cần cụ biểu văn tính khâm tu tấu sách nhất thể tiến tấu. Thần đẳng thành hoàng thành khùng bất thăng chiến lật chi phí. Cẩn tấu.

Minh Mạng nhị niên ngũ nguyệt nhị thập thất nhật đề, chí lục nguyệt sơ tam nhật thần Nguyễn Hữu Thận, thần Nguyễn Công Tiếp phụng châu phê: Tri đạo liễu. Khâm thử.

Thần Phạm Văn Tín, thần Hồ Công Thuận, thần Nguyễn Đăng Tuấn kí.

- Dịch nghĩa:

Trực lệ Quảng Nam dinh, lưu thủ thần Phạm Văn Tín, kí lục thần Hồ Công Thuận, cai bạ thần Nguyễn Đăng Tuấn cúi đầu trăm lạy (...)

(...) phụng Cộng đồng truyền gọi tại hạt hoà thượng Phước Lâm (3) và tăng chúng 20 người đến dinh chiếu số

cho phát (...) lộ phí mỗi người 3 quan tiền và xuất tiền mượn ghe cho hoà thượng cùng tăng chúng đi đường thuỷ (...) về kinh, hẹn vào thượng tuần tháng 6 đến chùa Thiên Mục cho hầu trai đàn. Bọn thần tuân truyền, liền gọi hoà thượng Phước lâm và tăng chúng 20 (...) đến dinh đã nhận đủ số tiền 60 quan, đồng thời mượn 2 chiếc ghe trong hạt, ngày 27 tháng này (...) đã cho họ lên kinh ứng hầu. Bọn thần ngu muội dâng biểu văn cùng tấu sách tâu luôn. Bọn thần kính tâu chi tiết hải sớ.

Đề ngày 27 tháng 5 năm Minh Mạng thứ 2.

Thần Phạm Văn Tín, thần Hồ Công Thuận, thần Nguyễn Đăng Tuân kí.

Ngày 3 tháng 6, thần Nguyễn Hữu Thuận, thần Nguyễn Công Tiệp phụng châu phê: Đã rõ. Khâm thờ.

2. Văn số 234, trang 905: Bộ Lễ tâu việc sư Đoàn Vĩnh Gia ở chùa Phước Lâm tỉnh Quảng Nam xin miễn sắc tứ.

- Phiên âm:

Duy Tân tứ niên cửu nguyệt thập ngũ nguyệt

Lễ bộ tấu (Châu điểm): Bản niên nhị nguyệt nhật cú Quảng Nam tỉnh Diên Phước huyện Thanh Hà xã Phước Lâm tự tăng Đoàn Vĩnh Gia bẩm tự cai tự sáng tạo thiền lâm cổ tích ước bách niên dư kế thể phụng sự, khẩn khát đại đề hạnh mong sắc tứ kim biên nhất diện huyện



Chùa Phước Lâm – Tân An – Hội An

quải dĩ nghiêm Phật pháp, nhưng giá kim biên giao hồi cai tự tự biện đẳng ngữ. Thần bộ kinh tư cai tỉnh sát phúc. Tự tiếp phúc tự cú Đoàn Vĩnh Gia khai tự cai tự nguyên tiền sáng lập tự viện, thích trị Tây Sơn binh hoả tán hoạt tăng chúng thất tán, Gia Long niên gian thuỷ qui, tăng chúng phục hồi trùng tu chế tạo, hiện kim kê đắc nhất bách dư niên y chỉ thiền lâm qui tắc phụng sự. Hựu cú sở tại tổng lý khai tự cai tự tăng trai thành phụng Phật, vi nhân thành kính, bản vô phi vi hà sự, cai tỉnh sát thật phúc biện. Thần bộ phụng chiếu cai tự tuy thuộc tự tự nhưng dĩ kinh thể đại hương hoá thường tồn, cai tự tăng diệc hệ trai thành phụng Phật, kinh cai tỉnh sát phúc các lý, thỉnh phụng ân chuẩn biên ngạch nhất diện (nội khắc Phước Lâm tự tam đại tự, tả khắc niên hiệu, hữu khắc phụng sắc tứ tam tự) nhưng do cai tự tự hành chế biện huyền quải dĩ tồn cổ tích. Triếp cảm thanh tự hậu chỉ lục biện.

Thần các phụng duyệt kinh trình phụ chính phủ thần duyệt hợp.

Phụng đối duyệt: Nội các thần Tạ Hàm ký, đương trực thần Đào Mẫn ký, khoa đạo thần Phạm Văn Nga ký.

Thần Phạm Hoàn phụng thảo khảo.

Thần Hoàng Côn, thần Mai Hữu Dực, thần Nguyễn Hiền Dĩnh, thần Nguyễn Trữ phụng duyệt.

- Dịch nghĩa:

Ngày 15 tháng 9 năm Duy Tân thứ 4

Tháng 2 năm nay căn cứ sự Đoàn Vĩnh Gia (4) ở chùa Phước Lâm, xã Thanh Hà huyện Diên Phước tỉnh Quảng Nam bẩm nói chùa ấy tạo lập thiền lâm cổ tích ước hơn 100 năm tuổi nổi đời phụng sự, khẩn cầu đề đạt thay, xin ban cho một tấm biển vàng sắc tứ để treo cho trang nghiêm Phật pháp. Nhưng biển vàng thì giao cho chùa ấy tự sắm lấy... Thần bộ đã tư cho tỉnh ấy xét phúc. Sau đó tiếp được phúc trình nói căn cứ Đoàn Vĩnh Gia khai thì chùa này vốn được sáng lập từ trước, sau gặp cơn binh lửa Tây Sơn nên tan nát, tăng chúng thất lạc tứ tán cho đến khoản niên hiệu Gia Long mới trở về trùng tu lại, nay đã hơn 100 năm phụng thờ theo qui tắc thiền lâm. Lại căn cứ tổng lý sở tại khai nói thì sư tăng chùa này là người thành kính chay lạt thờ Phật không làm điều gì quấy. Tỉnh ấy đã xét thật và phúc như vậy. Thần bộ phụng chiếu chùa này tuy là chùa tu nhưng đã nhiều đời giữ gìn hương lửa, sư chùa này cũng chay tịnh thờ Phật, đã được tỉnh ấy xét thật phúc rồi nên xin phụng ân chuẩn ban cho một tấm biển (trong khắc 3 chữ lớn Phước Lâm tự, bên tả khắc niên hiệu, bên hữu khắc 3 chữ

phụng sắc tứ) nhưng do chùa ấy tự sắm lấy treo để bảo tồn cổ tích. Vậy kính tâu đợi chỉ tuân hành.

Nội các thần phụng duyệt trình Phụ chính phủ thần hợp.

Phụng đối duyệt: Nội các thần Tạ Hàm ký, đương trực thần Đào Mẫn ký, khoa đạo thần Phạm Văn Nga ký.

Thần Phạm Hoàn phụng thảo khảo.

Thần Hoàng côn, thần Mai Hữu Dực, thần Nguyễn Hiền Dĩnh, thần Nguyễn Trữ phụng duyệt◆

*** Chú thích:**

(1). Tác giả Lý Kim Hoa, bút hiệu Nguyên Hồng tốt nghiệp Tiến sĩ tại Đại học Kyoto Nhật Bản năm 1971. Ông nguyên Trưởng khoa Giáo dục Đại học Vạn Hạnh. Nguyên Giáo sư Đại học Vạn Hạnh. Hiện nay (vào năm 2003) đang giảng dạy ngành Nhật Bản học Khoa Đông phương học trường Đại học và Khoa học xã hội nhân văn, Đại học Huflit, Đại học Hồng Bàng, thành phố Hồ Chí Minh. Hiệu trưởng trường Đào tạo Nghiệp vụ và Ngoại ngữ Thanh Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

(2). Kí hiệu (...) trong phần phiên âm và dịch nghĩa ghi đúng theo nguyên văn của tác giả.

(3). Vào ngày 27 tháng 5 năm Minh Mạng thứ 2 (1821), hoà thượng Minh Giác - trụ trì đời thứ 3 chùa Phước Lâm được triều đình mời ra tham dự đại trai đàn tổ chức tại chùa Thiên Mụ.

(4). Hoà thượng Vĩnh Gia (1840-1918) tên là Đoàn Văn Hiệu, sinh năm 1840 tại xã An Hiệp, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Bình (nay là làng An Hiệp, xã Bình Chánh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam). Năm 1863 hoà thượng thọ giới cụ túc với pháp danh Ấn Bản, tự Tô Nguyên, pháp hiệu là Vĩnh Gia. Hoà thượng là vị trụ trì đời thứ 6 chùa Phước Lâm (Thích Như Tịnh, *Hành trạng chư thiền đức xứ Quảng*, Nxb Tôn giáo, 2008).

MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ NGHỀ TRỒNG DÂU NUÔI TẦM DỆT LỤA Ở XỨ QUẢNG

Trần Văn

Kỹ thuật se sợi, dệt vải sớm có mặt ở nước ta từ nhiều ngàn năm trước. Trong các di chỉ khảo cổ học văn hóa Đông Sơn ở miền Bắc, văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung, Óc Eo ở miền Nam người ta tìm thấy nhiều dọi se chỉ và dấu vết của vải. Tuy nhiên vẫn chưa biết lúc bấy giờ ở vùng đất thuộc xứ Quảng đã có vải tơ tầm và nghề trồng dâu nuôi tầm hay chưa vì các mẫu vải thuộc thời kỳ văn hóa Sa Huỳnh ở khu vực miền Trung vẫn chưa được nghiên cứu (1).

Tư liệu sớm nhất đề cập đến nghề trồng dâu nuôi tầm ở Giao Chỉ là sách Thủy Kinh của Trung Quốc (2). Trong đoạn dẫn Lâm Ấp ký (3) sách này đã viết: “*Việc trồng dâu nuôi tầm một năm thu tám lứa kén*”. Ngự Lâm 825 (4) dẫn Lâm Ấp ký nói: “*Ở quận Cửu Chân tầm một năm tám lứa, kén nhỏ, nhẹ và mỏng, sợi tơ yếu, sợi mảnh*”. Ngô đô phú do Lý chú dẫn “Giao Châu ký” của Lưu Hân Kỳ nói: “*Ở Nhật Nam mỗi năm nuôi tám lứa tầm*” (5). Cửu Chân, Nhật Nam là vùng đất trước đây nằm dưới sự đô hộ của các triều đại phong kiến Trung Hoa có phạm vi từ Nam Trung Bộ trở ra Bắc. Dựa vào tư liệu này thì không thể xác định vào thời điểm bấy giờ ở Tượng Lâm, huyện cực Nam của Nhật Nam nơi

có xứ Quảng Nam sau này đã có nghề trồng dâu nuôi tầm hay chưa. Các nguồn tư liệu cổ trung đại Trung Hoa khi nói về sản vật của Lâm Ấp đều không thấy ghi vải tơ tầm mà chỉ có các loại vải như cát bối, triều hà bố, bạch chiêm bố..., trong đó cát bối (吉貝) được xem là loại vải

thổ sản của Lâm Ấp. Lương thư ghi: “Cát bối là tên một loại cây hoa của nó như lông ngỗng. Kéo sợi tơ của nó để dệt vải trắng, chẳng khác gì vải đay có thể nhuộm thành 5 màu, dệt thành vải sọc (ban bố - 班布) (6).

Đặc biệt Tống sử, một bộ sử đời Tống (962 - 1279), phần Liệt truyện viết về Chiêm Thành có đoạn: “...*Phong tục và y phục của nước này giống nước Đại Thục, không có tơ tầm dùng vải bông trắng quấn quanh ngực và buông xuống chân, áo thì ống tay chẻn...*” (7). Tư liệu này để lại một nghi vấn rằng có hay không nghề dệt vải tơ tầm ở Chiêm Thành giai đoạn đời Tống trở về trước. Những ghi chép này của Lương thư, Tống sử đã được Trương Nhiếp dẫn lại trong Đông Tây dương khảo phần nói về Chiêm Thành (8) và ông đã cung cấp tên một số loại vải của nước này như Cát bối, Triều hà bố, Ty văn bố, Bạch chiêm bố.

Từ thế kỷ XVI, khi các chúa Nguyễn xây dựng và phát triển vùng đất Đàng Trong thì các tư liệu ghi chép về tơ tầm xứ Quảng phong phú và cụ thể hơn. Các tư liệu này cho thấy vào các thế kỷ XVI đến XIX, Quảng Nam trở thành là xứ sở, thủ phủ của tơ tầm và nghề trồng dâu nuôi tầm.

Ô Châu Cận Lục của Dương Văn An hoàn thành vào năm 1554 khắc in 1555 đoạn nói về huyện Điện Bàn có ghi “Lang châu sản nhiều lụa trắng (白絹)”(9).

Trong các bức thư của chúa Tiên Nguyễn Hoàng, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên gửi cho Mạc phủ Tokugawa thường ghi kèm danh sách tặng phẩm quý trong đó có các vải lụa tơ tằm như quyền (絹), sắc hoàn (色紬): lụa mỏng có màu; đại sam lãnh (大衫領): vải áo dài.

Tuy là quà tặng nhưng đây là cách giới thiệu mặt hàng để mời gọi chính quyền Mạc Phủ đến buôn bán, trao đổi hàng hóa với Đàng Trong. Các nghiên cứu gần đây cho biết, tơ lụa, tơ sồng là mặt hàng chủ yếu các thuyền Nhật Bản mang về từ Đàng Trong (10). Và không chỉ tơ lụa, nghe đâu các thuyền buôn Nhật Bản còn mang về từ Đàng Trong một khung cửi dệt vải và cho ra đời loại vải mang kỹ thuật của Đàng Trong gọi là Liễu điều bố (柳条布) (11). Đây là loại vải truyền thống ngày nay vẫn còn sản xuất ở Nhật.

Một số giáo sĩ phương Tây sống nhiều năm ở vùng Dinh Chàm (đỉnh Quảng Nam) vào đầu thế kỷ XVII đã có những ghi nhận lý thú về tơ tằm, qua đó cho thấy nghề trồng dâu nuôi tằm đã phát triển cực thịnh ở đây. Alexandre De Rhode trong Hành trình và truyền giáo viết: “Xứ này nhiều tơ lụa đến nỗi còn dùng để đan lưới và bên dây thuyền” (12). Cristophoro Borri thì ca ngợi: “Họ



Một góc trưng bày về nghề dâu tằm tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian Hội An

có nhiều tơ lụa đến nỗi dân lao động và người nghèo cũng dùng hàng ngày. Vì thế đã hơn một lần tôi rất thích thú khi thấy đàn ông, đàn bà khuôn vác đá, đất, vôi và các vật liệu tương tự mà không hề cẩn thận giữ cho áo đẹp vớ của họ mặc khỏi rách hay bẩn. Điều này không có gì lạ nếu biết rằng có những cây dâu cao lớn người ta hái lá để nuôi tằm được trồng trong những thửa ruộng rộng lớn như cây gai ở bên ta và mọc lên rất nhanh chóng. Thế nên chỉ trong một ít tháng là tằm được đưa ra nuôi ngoài khí trời và đồng thời nhả tơ, làm thành những cái kén nhỏ với số lượng rất nhiều và dư thừa đến nỗi người Đàng Trong đủ dùng riêng cho mình mà còn bán cho Nhật Bản và gửi sang Lào để rồi đưa sang Tây Tạng. Thứ lụa này tuy không thanh và mịn nhưng bền và chắc hơn lụa Tàu” (13).

Đến thế kỷ XVIII, XIX, nghề trồng dâu nuôi tằm dệt vải tiếp tục phát triển mạnh mẽ ở Quảng Nam với sự tiếp thu kỹ thuật dệt vải có nguồn gốc từ Trung Hoa, Nhật Bản và một số nước khác

trong khu vực. Hai tư liệu giá trị vinh danh nghề dâu tằm của Quảng Nam là Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn và Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn (14).

Nhiều gia phả của các tộc họ, giấy tờ mua bán đất đai của các gia đình ở Hội An và nhiều địa phương của xứ Quảng đã ghi lại việc tham gia trồng dâu nuôi tằm chứng tỏ nghề này đã có tác động mạnh mẽ đến hoạt động kinh tế tại chỗ và lôi cuốn nhiều gia đình tham gia với số lượng lớn các ruộng dâu (tang căn điền) tạo thành các bãi dâu, biên dâu, cồn dâu bạt ngàn dọc theo các cồn bãi ven sông Thu Bồn, đem lại sự giàu có cho nhiều gia đình (15).

Đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX nghề tằm tang xứ Quảng lại có cơ hội đổi mới, phát triển với việc tiếp thu kỹ thuật từ người Pháp để cho ra đời những chiếc máy dệt, máy ươm tơ mang tên Cửi Diễn. Giai đoạn này nghề trồng dâu nuôi tằm dệt vải của Quảng Nam nổi tiếng khắp cả nước với các địa chỉ như Thi Lai, Hà Mật, Đông Yên, Mã Châu, Xuân Đài, Phú Bông, Mỹ Xuyên... Theo tờ tin tức Hà Nội và Hà Thành thời báo năm 1938 thì vào năm 1935 các làng ven sông Thu Bồn của Quảng Nam đã có đến 5000 máy dệt đạp chân, tạo việc làm cho hàng chục vạn lao động (16).

Như vậy, tuy chưa thật đầy đủ nhưng qua một số tư liệu giới thiệu ở trên chúng ta có thể xác định Quảng Nam từng là một trong những xứ sở, thủ phủ của tơ lụa. Tơ lụa đã tạo nên sự nhộn nhịp một thời của các vùng dâu tằm xứ Quảng, của thương cảng Hội An và của cả xứ Đàng Trong. Tơ lụa cũng đã tạo nên sự nổi tiếng của xứ Quảng đến nỗi

không ít thương khách nước ngoài đã gọi là nước Quảng Nam. Tiếp tục sưu tầm, tập hợp, nghiên cứu các nguồn tư liệu liên quan đến tơ tằm và nghề tằm tang xứ Quảng cũng là một việc làm cần thiết nhằm vinh danh, bảo tồn, phát triển thương hiệu tơ lụa Quảng Nam và nghề trồng dâu nuôi tằm xứ Quảng ♦

* Chú thích:

(1). Riêng loại vải trong văn hóa Đông Sơn các nghiên cứu đã cho biết “*Sợi dệt vải Đông Sơn đã được làm từ vỏ cây gai và cây lanh. Ngoài ra, còn có những bằng chứng gián tiếp xác nhận việc sử dụng sợi tơ tằm muộn nhất là từ 2300 năm trước. Đó là dấu in những túi lụa bọc tiền đồng và gương đồng và vệt để lại của những sợi lụa được dùng làm sợi màu trang trí trên các tấm vải gai đương thời...*” (Nguyễn Việt, “*Lịch sử vải sợi Việt Nam từ thời Đông Sơn đến thời cận đại*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Hội An - Nhật Bản, 2009, tr131 - 140).

(2). Sách Thủy Kinh làm vào thế kỷ III, không rõ tác giả, là cuốn sách của Trung Hoa về hệ thống sông ngòi cổ đại. Đến thế kỷ thứ VI, Lịch Đạo Nguyên (466 hoặc 472 – 527) chú giải nên có tên là Thủy Kinh chú. Đến đầu thế kỷ XX, Dương Thủ Kính và Hùng Hội Trinh tiếp tục chú thích kỹ, làm thành bộ sách 40 cuốn gọi là Thủy kinh chú số.

(3). Lâm Ấp: Tên một nước xuất hiện trong tư liệu thư tịch giai đoạn từ thế kỷ II đến thế kỷ VIII. Các cuốn sử Trung Hoa thời Đường, Lương, Tề, Tấn, Tống, phần Lâm Ấp thường ghi sự kiện năm 192 một công tào tên Khu Liên nổi dậy đánh chiếm huyện sở Tượng Lâm lập nên nước Lâm Ấp. Tên này xuất hiện trong sử liệu Trung Hoa từ thế kỷ II đến thế kỷ VIII, sau đó là Hoàn Vương (*thế kỷ VIII đến thế kỷ IX*) và sau cùng là Chiêm Thành. Các nghiên cứu gần đây cho biết có thể đây là các thực thể chính trị khác nhau, thuộc các bộ tộc khác nhau.

(4). Tục sách Thái Bình ngự lãm của Trung Hoa, làm vào thời Tống Thái Tông, niên

hiệu Thái Bình (977 - 983), gồm 1000 cuốn, số phía sau là số thứ tự cuốn sách.

(5). Thủy Kinh chú sớ, sdd, Nxb Thuận Hóa. 2004, tr388.

(6). Nhà Lương (502 - 577). Cát bối là một loại vải làm từ bông. Sách Đại Nam nhất thống chí của triều Nguyễn ghi: “*Bông: chữ Hán là một miên, có 2 loại, một loại một tục gọi cây gòn, lại có tên là cây gạo, một loại thảo tục gọi bông tàu. Bản Thảo gọi là cổ chung, lại gọi là cát bối đều dùng làm vải*”. (Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, quyển 2, Nxb Thuận Hóa, 1997, tr326).

(7). Bản dịch chép tay. Nguyên văn “*Vô ty tầm dĩ bạch chiên bố (白氎布) triền kỳ hung, thùy chi ư túc*”. Bạch chiên bố có thể là loại vải trắng, gĩa trắng làm từ lông thú vật.

(8). Đông Tây dương khảo do Trương Nhiếp (hoặc Tiếp) đời Minh soạn và khắc bản vào năm 1617. Phần Chiêm Thành, mục sản vật về các loại vải ông ghi vải cát bối và dẫn lại Lương Thư; Triều hà bố (vải Triều Hà) và dẫn Đường thư: vợ vua mặc Triều hà đời Trinh Quán làm đồ cống phẩm (cho Trung Hoa); Ty văn bố (絲紋布) (có thể là loại vải có sọc bằng tơ (?)); bạch chiên bố và dẫn Tống sử về việc Chiêm Thành không có tơ tầm nên lấy bạch chiên bố quần từ ngực xuống chân.

(9). Bạch quyên (白絹): lụa sống, lụa thô chưa qua gia công. Loại tơ lụa này là mặt hàng xuất khẩu được các nước ưa chuộng, nhất là Nhật Bản, Trung Hoa giai đoạn thế kỷ XVI, XVII, XVIII.

(10). Li Tana, Xứ Đàng Trong, Nxb Trẻ, 1999, trang 92: “*Người Nhật đến Đàng Trong thoạt tiên là vì tơ lụa. Họ có thể mua tơ lụa ở đây dễ dàng hơn ở các nơi khác vì tại cảng chính là Hội An có một số người Nhật sinh sống và những người Nhật này có thể thu gom tơ sống trước khi tàu của họ tới*”.

(11) Liễu điều bố: loại vải có hoa văn thẳng chạy dọc theo tấm vải. Gần đây một số nhà nghiên cứu Nhật Bản đã mang loại vải này đến Hội An để làm quà tặng và để tìm hiểu, trao đổi thông tin về xuất xứ, nguồn gốc.

(12). Alexandre De Rhode, Hành trình và truyền giáo, Ủy ban Đoàn kết Công giáo thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, 1994, tr49.

(13). Cristophoro Borri, Xứ Đàng trong năm 1621, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr31-32.

(14). Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, hoàn thành vào cuối thế kỷ 18, Nxb Khoa học xã hội, 1997, ghi: “*Tổ xa đời của họ Nguyễn là người dinh Quảng Nam phủ Thăng Hoa, học dệt ở người Bắc khách, rồi truyền nghề cho nhau. Các hàng vóc, sa, lĩnh, gấm, trùu, cái hoa rất khéo...*” (tr332) và “*Người Thăng Hoa, Diên Bàn biết dệt vải vóc, đoan lĩnh là hoa màu khéo đẹp chẳng kém Quảng Đông*” (tr337).

Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, bản Tự Đức (1848-1883), Nxb Thuận Hóa, 1977, mục sản vật của tỉnh Quảng Nam đã ghi các loại vải: “*Đũi, sản ở 2 huyện Diên Phước và Duy Xuyên, có hộ chuyên nghiệp. Lụa đũi của châu Đông An dệt tốt nhất. Lụa: sản ở xã Thăng Bình huyện Diên Phước thì chất dày, sản ở Mã Châu, huyện Duy Xuyên thì chất mỏng. Sa: sản ở huyện Diên Phước, các thứ sa mỏng Nam Hoa và sa dày hoa dệt khéo không kém gì Quảng Đông. Nhiều: sản ở 2 huyện Diên Phước và Hà Đông. Lĩnh: sản ở xã Đông Minh huyện Diên Phước. Vải: các huyện đều có*” (tr396).

(15). Gia phả tộc Nguyễn Đức ở An Mỹ, lập vào thế kỷ 19, ghi: “*Bà nội ta tính tình cần mẫn, thương yêu kẻ nghèo khó, khi về với ông nội ta bà chọn đất trồng dâu nuôi tằm, thu hoạch lợi nhuận dồi dào, nhiều vàng lăm bạc. Mỗi ngày sự giàu có càng gia tăng, tạo mãi ruộng đất rất nhiều...*” (Bản chữ Hán, lưu giữ tại nhà thờ tộc Nguyễn, số 380 Cửa Đại - Hội An).

(16). Trích Mai Trực, Thi Lai quê hương tôi, Website Duy Trinh quê tôi.



TIN TỨC – SỰ KIỆN

Thi công tu bổ di tích khu mộ thứ phi vua Quang Trung và các tướng Tây Sơn, mộ tổ tộc Lê ở Cẩm Thanh

Hồng Việt



Nhằm bảo tồn và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn xã Cẩm Thanh, trong những năm qua, thành phố Hội An đã đầu tư tu bổ và dựng bia thông tin cho nhiều di tích trên địa bàn xã. Hiện nay, được sự thống nhất của UBND thành phố, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với chủ di tích tiến hành tu bổ di tích khu mộ thứ phi vua Quang Trung và các tướng Tây Sơn và di tích mộ tổ tộc Lê ở thôn Thanh Đông, xã Cẩm Thanh. Đây là 2 di tích có giá trị cao về mặt lịch sử, minh chứng cho quá trình khai khẩn lập làng xã người Việt trên vùng đất Cẩm Thanh ngày nay (xưa thuộc xã Thanh Châu, tổng Thanh Châu, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn), cũng như vị thế địa lý quan trọng của vùng đất này và những đóng góp của cộng đồng cư dân nơi đây trong tiến trình lịch sử - văn hóa dân tộc, đã được cấp

bằng xếp hạng cấp quốc gia vào ngày 29/11/1991.

Theo quyết định được phê duyệt, di tích mộ thứ phi vua Quang Trung và các tướng Tây Sơn được tu bổ ở các hạng mục như: gia cố nắm mộ, phục hồi quynh, bình phong, thay bia thông tin di tích, nâng cao hàng rào bảo vệ; di tích mộ tổ tộc Lê được tu bổ ở hạng mục áo bia, tay ngai và nhà bia, gia cố nền sân và xây bó nền chống sụt lở, thay bia thông tin di tích và nâng cấp đường vào di tích. Tổng kinh phí được duyệt để tu bổ 2 di tích này là 405.685.000 đồng, bố trí từ nguồn thu vé tham quan của thành phố ♦

Đón tiếp và làm việc với công ty Nikken Sekkei Civil Engineering Nhật Bản

Bảo Vy



Vào ngày 25/12/2017, đoàn công tác của công ty Nikken Sekkei Civil Engineering Nhật Bản đã đến thăm và làm việc với Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An. Công ty Nikken

Sekkei Civil Engineering liên doanh với Văn phòng tư vấn và chuyển giao công nghệ xây dựng - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, là một trong hai công ty được UBND thành phố Hội An chọn làm đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch chung thành phố Hội An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tại buổi làm việc, đại diện đoàn công tác, giáo sư Yoshiharu Tsuboi - Trường Đại học Waseda (*Nhật Bản*), người đã có những đóng góp trong quá trình nghiên cứu, nhận diện các giá trị của Khu di sản Hội An vào những năm 90 của thế kỷ trước, đã bày tỏ quan ngại về những thách thức và khó khăn mà chính quyền và người dân địa phương đang phải đối mặt trên tiến trình quản lý, bảo tồn và phát huy Khu di sản Hội An. Chính vì vậy, công ty Nikken mong muốn nhận được sự hợp tác chặt chẽ từ phía Trung tâm trong quá trình lập đồ án quy hoạch thành phố Hội An. Đại diện Trung tâm, ông Nguyễn Chí Trung cảm ơn sự quan tâm của giáo sư và đoàn công tác về Khu di sản Hội An và bày tỏ quan điểm sẵn sàng hỗ trợ phía Nhật Bản trong phạm vi chức năng của đơn vị ♦

Phê duyệt danh mục bố trí vốn và phân công chủ đầu tư các công trình xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2018

Nữ Phương

Ngày 27/12/2017, UBND thành phố Hội An ban hành Quyết định số 2753/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục bố trí vốn và phân công chủ đầu tư các công trình xây dựng cơ bản từ nguồn

vốn ngân sách nhà nước năm 2018. Theo quyết định này, các công trình do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An làm chủ đầu tư được bố trí kế hoạch vốn năm 2018 là 21,15 tỷ đồng. Danh mục các công trình bố trí vốn gồm Hỗ trợ trùng tu các di tích tư nhân tập thể và nhà nước, Dự án đầu tư trung bày bảo tàng Hội An, Dự án lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy tại khu phố cổ.

Việc UBND Thành phố phê duyệt danh mục bố trí vốn tạo điều kiện cho công tác bảo tồn, tu bổ di tích được triển khai thuận lợi, qua đó góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới Hội An tốt hơn ♦

Có thêm 12 hiện vật về di tích nhà lao Hội An được sưu tầm trong năm 2017

Nguyễn Cường



Tiếp tục triển khai công tác sưu tầm hiện vật về nhà lao Hội An, năm 2017, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã sưu tầm thêm được 12 hiện vật. Trong đó Trung tâm trực tiếp sưu tầm 04 hiện vật, 08 hiện vật còn lại Trung tâm nhận từ Hội tù yêu nước Hội An do nhân chứng gửi trao.

Trong số 12 hiện vật này có 08 hiện vật bằng vải, chủ yếu là bao gối có thêu những họa tiết đẹp thể hiện sự tỉ mỉ, công phu được chính những người đã từng bị địch giam cầm ở nhà lao Hội An làm ra trong khoảng thời gian từ năm 1968 đến năm 1971 và đều lưu giữ những kỷ niệm khó quên về một thời tù đầy gian khổ trong nhà lao. Mặc dù là kỷ vật của cá nhân nhưng các nhân chứng đều sẵn lòng hiến tặng lại cho Trung tâm. Hy vọng Trung tâm sẽ tiếp tục đón nhận thêm nhiều hiện vật khác đang được lưu giữ từ các nhân chứng nhằm làm phong phú hơn kho tư liệu, hiện vật về di tích phục vụ cho công tác trưng bày, giới thiệu sau này.

Hiện nay, Trung tâm cũng đã thu thập thông tin liên quan đến các hiện vật để lập phiếu hiện vật phục vụ việc bảo quản, phát huy giá trị ♦

Công tác tuyên truyền phát huy giá trị lịch sử văn hóa Hội An của Trung tâm năm 2017

Hồng Việt

Bên cạnh công tác quản lý và tu bổ di tích, công tác tuyên truyền phát huy giá trị lịch sử - văn hóa Hội An cũng được Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đặc biệt quan tâm nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin, tìm hiểu của nhân dân và du khách. Trong năm 2017 vừa qua, Trung tâm đã duy trì đều đặn chuyên mục phát thanh và xuất bản thường xuyên tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản để kịp thời thông tin đến



nhân dân những kết quả nghiên cứu lịch sử - văn hóa Hội An hay các sự kiện văn hóa - lễ hội, hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản... Trung tâm đã tổ chức nội dung và in ấn sách Di sản Châu Á Nguyễn Bội Liên và Di sản Hán Nôm Hội An tập 3 về tư liệu xã Minh Hương xưa. Nhiều cuộc triển lãm tư liệu và trưng bày hình ảnh trong dịp diễn ra các sự kiện quan trọng của tỉnh và thành phố cũng được Trung tâm thực hiện, thu hút hàng nghìn người dân và du khách đến tham quan, tìm hiểu. Hoạt động “*chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*” với hình thức chơi mà học, học mà chơi đã thu hút đông đảo học sinh tham gia, tạo sân chơi bổ ích cho học sinh trên địa bàn thành phố. Các điểm bảo tàng luôn được chú trọng cải thiện về hình thức và nội dung, qua đó tăng cường sức hấp dẫn đối với du khách khi đến tham quan... Ngoài ra, Trung tâm cũng triển khai dựng bia thông tin di tích tại 28 di tích trên địa bàn xã Cẩm Thanh, Cẩm Kim và phường Cẩm Phô, Cẩm Châu để nhân dân và du khách hiểu hơn về lịch sử, kiến trúc của di tích cũng như những giá trị văn hóa phi vật thể liên quan ♦

Công tác tu bổ di tích của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An năm 2017

Hồng Việt



Trong năm 2017, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiếp nhận 275 lượt hồ sơ xin phép tu bổ di tích/nhà ở của nhân dân trong khu phố cổ từ Bộ phận tiếp nhận và trao trả kết quả Thành phố, tăng 18 hồ sơ so với năm 2016. Qua kiểm tra hồ sơ và khảo sát thực tế, Trung tâm đã tham mưu UBND thành phố cấp phép 250 hồ sơ, tăng 28 hồ sơ so với năm 2016, hướng dẫn bằng văn bản và đề nghị gửi lại cho công dân 6 hồ sơ để chỉnh sửa, đang thụ lý giải quyết 19 hồ sơ.

Bên cạnh công tác tham mưu cấp phép tu bổ di tích, nhiều công trình tu bổ di tích cũng được Trung tâm triển khai thực hiện có hiệu quả. Trong năm có 14 công trình tu bổ di tích được bàn giao thi công, 07 công trình được phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, 11 công trình được phê duyệt chủ trương đầu tư, đã thực hiện quyết toán 31 công trình hoàn thành, trong đó có 21 công trình sở hữu nhà nước, 10 công trình hỗ trợ di tích tư nhân-tập thể ♦

Bàn giao mặt bằng thi công phục hồi, tôn tạo di tích đình Thanh Nhất

Trần Phương



Sáng ngày 04/01 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành của Thành phố và UBND xã Cẩm Thanh tiến hành bàn giao mặt bằng thi công phục hồi, tôn tạo di tích đình Thanh Nhứt tại xã Cẩm Thanh.

Đình Thanh Nhứt là một trong những công trình văn hóa tín ngưỡng quan trọng của cộng đồng cư dân địa phương trong lịch sử; là một trong những địa điểm ghi dấu sự kiện quan trọng trong lịch sử đấu tranh yêu nước, cách mạng của quân và dân Cẩm Thanh nói riêng, Hội An nói chung. Trải qua thời gian dài dưới tác động bởi nhiều yếu tố bất lợi, nhất là sự tàn phá của chiến tranh, ngôi đình đã bị sụp đổ hoàn toàn. Nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của di tích gắn với công tác giáo dục truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng cho thế hệ trẻ, được sự thống nhất của UBND thành phố, di tích sẽ được phục hồi lại theo kiểu thức truyền thống vốn có với các hạng mục: bình phong, trụ biểu, tiền đình, hậu tẩm, nhà Đông và nhà Tây. Trong đó tiền đình xây dựng theo hình thức 3 gian 2 chái, hệ khung bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương, bờ nóc trang trí

đề tài “lưỡng long tranh châu”, tường xây gạch; nhà Đông và nhà Tây kết cấu 3 gian, không có cửa mặt tiền, khung chịu lực bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương, tường xây gạch. Theo quyết định phê duyệt, ngôi đình được phục hồi, tôn tạo từ nguồn vốn ngân sách Thành phố với tổng mức đầu tư là 3.053.117.000 đồng, thời gian thi công trong 150 ngày, đơn vị thi công là Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Thái.

Việc phục hồi, tôn tạo di tích vừa nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của người dân địa phương, đồng thời góp phần quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn Thành phố nói chung, xã Cẩm Thanh nói riêng ♦

Sinh hoạt chuyên đề “Đối thoại với di sản khảo cổ học trong bối cảnh đô thị hóa, hiện đại hóa và biến đổi khí hậu toàn cầu”

Hồng Việt



Đô thị hóa, hiện đại hóa và biến đổi khí hậu toàn cầu chứa đựng nhiều nguy cơ tiềm ẩn và những thách thức lớn đối với di sản văn hóa, trong đó đặc biệt là đối với di sản khảo cổ học. Để hiểu rõ hơn những nguy cơ, thách thức đó và từng bước tiếp cận những giải pháp nhằm

bảo tồn, phát huy hiệu quả di tích, di vật khảo cổ ở Hội An, chiều ngày 11/1 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức buổi sinh hoạt chuyên đề với chủ đề “*Đối thoại với di sản khảo cổ học trong bối cảnh đô thị hóa, hiện đại hóa và biến đổi khí hậu toàn cầu*” do tiến sĩ Bùi Hữu Tiến - Bảo tàng Nhân Học trình bày. Những nội dung trao đổi tại buổi sinh hoạt chuyên đề là những thông tin thú vị, bổ ích giúp cho cán bộ, nhân viên Trung tâm có thêm những nhận thức mới để thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An ngày càng hiệu quả hơn.

Hoạt động sinh hoạt chuyên đề cũng là một trong những giải pháp để thực hiện đạt được những mục tiêu của Nghị quyết 14 của Đảng bộ Trung tâm về “*Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2017-2019*” ♦

Ra mắt tập sách “Di cảo Châu Ái Nguyễn Bội Liên”

Hồng Việt

Tác giả, nhà nghiên cứu Nguyễn Bội Liên là một trong những người có nhiều cống hiến cho quá trình nghiên cứu lịch sử - văn hóa Hội An, Quảng Nam.



Trong cuộc đời sáng tác, nghiên cứu của mình, ông đã để lại một di sản đồ sộ trên các lĩnh vực khảo cứu, sáng tác, dịch thuật,... và hầu hết đều chưa được xuất bản thành sách. Năm 2017, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với gia đình tác giả, nhà nghiên cứu Nguyễn Bội Liên tổ chức tập hợp, tuyển chọn và bước đầu giới thiệu một số trước tác qua tập sách với tiêu đề “Di sản Châu Á Nguyễn Bội Liên”. Tập sách khổ 19 x 27cm, dày 340 trang, nội dung có 3 phần chính gồm: Khảo cứu lịch sử - văn hóa Hội An, Quảng Nam; Các sáng tác thơ - vịnh, đối liễn, văn tế, tuồng; Tác phẩm dịch thuật.

Vào sáng ngày 12/1 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cùng với Câu lạc bộ Không gian đọc Hội An tổ chức buổi ra mắt, giới thiệu tập sách đến độc giả. Tham dự buổi ra mắt tập sách, ngoài phía gia đình còn có đông đảo văn nghệ sĩ, nhà báo, nhà nghiên cứu là những người từng gắn bó, làm việc với tác giả, nhà nghiên cứu Nguyễn Bội Liên và những người yêu mến lịch sử - văn hóa Hội An.

Hy vọng rằng, phần di sản đồ sộ còn lại của tác giả, nhà nghiên cứu Nguyễn Bội Liên sẽ tiếp tục được quan tâm, xuất bản trong thời gian đến ♦

Hội nghị cán bộ - viên chức - lao động Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An năm 2018

Hồng Việt

Chiều ngày 12/1 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức Hội nghị cán bộ - viên chức - lao động năm 2018 nhằm tổng kết, đánh giá phong trào thi đua yêu nước năm 2017 và phát



động phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác năm 2018.

Báo cáo tổng kết, đánh giá tại hội nghị đã nhấn mạnh, trong năm 2017 với sự đoàn kết, nỗ lực của từng cá nhân và cả tập thể, Trung tâm đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực công tác như nghiên cứu khoa học, quản lý và tu bổ di tích, tuyên truyền phát huy giá trị di sản, sưu tầm và lưu trữ tư liệu, hiện vật,... Bên cạnh đó, hoạt động đối ngoại cũng được đẩy mạnh đã khẳng định thêm vai trò, vị trí của Trung tâm. Tất cả thành quả của những mặt công tác đó đã góp phần để Trung tâm được cấp trên công nhận là “*Tập thể lao động xuất sắc*”, “*Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu*”.

Việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ năm 2017 là động lực để Trung tâm phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2018 với nhiều chỉ tiêu quan trọng. Gắn với việc thực hiện chỉ 05 của Bộ chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tám gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” và Nghị quyết 14 của Đảng bộ Trung tâm về “*Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2017-2019*”, hội nghị đã biểu quyết thống nhất các chỉ tiêu thi đua năm 2018 và chủ đề hành động của đơn vị là “*Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, kỷ cương; viên chức lao động trách nhiệm, khoa học, năng động; hướng đến hội nhập và phát triển*” ♦

Nghiệm thu đưa vào sử dụng di tích nhà số 67 Trần Phú - Nếp nhà sau

Trần Phương

Vào ngày 18/1 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành của Thành phố và UBND phường Minh An tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình tu bổ di tích nhà số 67 (nếp nhà sau) đường Trần Phú, khối An Định, phường Minh An.

Đây là di tích loại 1 theo phân loại giá trị bảo tồn di tích kiến trúc phố cổ Hội An, được bàn giao cho đơn vị thi công là Công ty Cổ phần Xây dựng Lục Phú Gia để tiến hành tu bổ vào ngày 09/08/2017, hoàn thành thi công vào ngày 19/12/2017. Di tích được tu bổ ở các hạng mục gồm hệ mái, hệ khung gỗ, hệ cửa đi, xây tường bổ sung khu vệ sinh và bếp. Tổng mức kinh phí tu bổ được phê duyệt là 798.133.000 đồng, từ nguồn vốn ngân sách tỉnh Quảng Nam và thành phố Hội An.

Việc hoàn thành tu bổ di tích vừa góp phần bảo tồn những giá trị kiến trúc, lịch sử - văn hóa của di tích, đồng thời góp phần vào công tác phát huy giá trị của di tích trong thời gian đến ♦

Chuyên gia Bhutan trao đổi, học tập kinh nghiệm bảo tồn, phát huy di sản tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Thị Hoài

Ngày 23/1/2018, bà Nagtsho Dorji-Kiến trúc sư, Trưởng phòng Bảo tồn Di sản, cơ quan Văn hóa, bộ Nội vụ và Văn hóa Bhutan và 12 chuyên gia cùng đi với bà đã có buổi làm việc với Ban giám đốc



và các chuyên gia của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

Bà Nagtsho Dorji cho biết: “Trong chuyến đi Việt Nam lần này, chúng tôi được các chuyên gia thế giới khuyên nên đến Hà Nội và Hội An. Đặc biệt, tại Hội An, chúng tôi nhận thấy có một số nét tương đồng với Bhutan nên chúng tôi rất mong muốn được chia sẻ những kinh nghiệm về bảo tồn, phát huy di sản”.

Tại buổi làm việc, ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã giới thiệu về những giá trị lịch sử, văn hóa của Hội An và hai tiêu chí Hội An đạt được để Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc công nhận đô thị cổ Hội An là di sản văn hóa thế giới.

Ngoài việc chia sẻ những kinh nghiệm trong quá trình lập hồ sơ để trình tổ chức UNESCO vinh danh Hội An di sản văn hóa thế giới, ông Nguyễn Chí Trung còn chia sẻ với bà Nagtsho Dorji và các chuyên gia của Bhutan những cơ chế đặc thù trong việc bảo tồn, phát huy di sản Hội An.

Ông Nguyễn Chí Trung cũng cho biết, những năm gần đây, chính quyền và các cơ quan chuyên môn của Hội An đã nhận diện những áp lực từ mặt trái của việc phát triển du lịch tại Hội An và đang có những phương án giải quyết.

Kết thúc buổi làm việc, thay mặt những chuyên gia bảo tồn của Bhutan, bà Nagtsho Dorji đã cảm ơn Ban giám đốc và các chuyên gia của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã chia sẻ những kinh nghiệm quý của Hội An để Bhutan có thể vận dụng trong thời gian sắp tới ♦

Ngày hội quật cảnh Cẩm Hà lần thứ III - năm 2018

Hoàng Phúc



Sáng ngày 27/01/2018, tại Khu dân cư Trắng Kèo, xã Cẩm Hà đã diễn ra buổi lễ khai mạc Ngày hội quật cảnh Cẩm Hà lần thứ III - năm 2018. Mặc dù thời tiết không thuận lợi, mưa kéo dài nhưng Ngày hội quật cảnh vẫn diễn ra với bầu không khí ấm cúng, sôi động, thu hút sự hưởng ứng của đông đảo bà con nhân dân địa phương và sự quan tâm của du khách. Ngày hội nhằm tôn vinh, giới thiệu, quảng bá nét đặc trưng của làng nghề trồng hoa cây cảnh, nhất là cây quật cảnh Cẩm Hà đến với khách hàng và du khách. Ngày hội quật cảnh Cẩm Hà lần 3 này được tổ chức trong 2 ngày 27 và 28/1/2018 với chương trình hoạt động chính gồm: Trình diễn quy trình trồng quật cảnh, trưng bày hàng trăm chậu quật cảnh đẹp, giới thiệu các sản phẩm làm từ trái quật như mứt, nước ép, rượu quật... và đấu giá quật cảnh gây quỹ ủng hộ

người nghèo đón Tết. Ngoài ra còn có các hoạt động phụ trợ như: Hội hô hát bài chòi, đêm nhạc bolero với chủ đề “Đêm yêu thương”... tạo sân chơi thú vị cho bà con, du khách.

Những năm gần đây, nghề trồng quật đã mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho người dân địa phương. Hiện những cây quật cảnh Cẩm Hà đang độ đẹp nhất, trái chín vàng, trĩu mọng, sẵn sàng theo chân mọi người gần xa, đến từng nhà để trang hoàng trong những ngày tết ♦

Hội nghị tổng kết Đại hội thể dục thể thao lần VIII và triển khai Chương trình công tác Văn hóa - Thông tin - Thể thao thành phố Hội An năm 2018

Hồng Việt

Chiều ngày 30/1/2018, tại hội trường Thành ủy, UBND thành phố Hội An tổ chức Hội nghị tổng kết Đại hội thể dục thể thao lần VIII và triển khai Chương trình công tác Văn hóa - Thông tin - Thể thao năm 2018. Tham dự hội nghị có đồng chí Trần Ánh - Tỉnh ủy viên, Phó Bí thư thường trực thành ủy Hội An, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân thành phố cùng đại biểu lãnh đạo các ban ngành, địa phương và những người trực tiếp làm công tác Văn hóa - Thông tin - Thể thao trên địa bàn thành phố Hội An. Đoàn chủ tọa hội nghị gồm ông Nguyễn



Văn Sơn - Phó chủ tịch UBND thành phố cùng các đồng chí trưởng Phòng Văn hóa Thông tin, trưởng Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố, giám đốc Trung tâm Văn hóa Thể thao, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

Hội nghị đã nghe báo cáo tổng kết đánh giá kết quả Đại hội thể dục thể thao lần VIII và chương trình công tác năm 2018 của ngành Văn hóa - Thông tin - Thể thao ở Hội An. Trong hội nghị, nhiều đại biểu đã có những ý kiến chia sẻ chân tình xung quanh Đại hội thể dục thể thao lần VIII và góp ý chương trình công tác năm 2018 của ngành với mong muốn thành phố Hội An ngày càng đạt được thêm nhiều kết quả mới, hướng tới xây dựng thành công thành phố Hội An sinh thái, văn hóa, du lịch

Hoạt động bảo quản, phục dựng hiện vật Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh

Hồng Việt



Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh là một trong những bảo tàng chuyên đề độc đáo ở Hội An. Bảo tàng được thành lập năm 1994, trưng bày bộ sưu tập hiện vật khá đầy đủ và đặc trưng của Văn hóa Sa Huỳnh được phát hiện ở Hội An. Nhằm nâng cao sức hấp dẫn của bảo tàng đối với du khách cũng như tạo điều kiện để

công chúng tiếp cận, hiểu sâu hơn về giá trị lịch sử, văn hóa của hiện vật trưng bày, trong thời gian qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã đầu tư nâng cấp hệ thống trưng bày với hình thức trang trọng, hấp dẫn và ấn tượng. Hiện nay, Trung tâm phối hợp với Bảo tàng Nhân học thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn - Đại học quốc gia Hà Nội tiến hành bảo quản, phục dựng một số hiện vật gốm Văn hóa Sa Huỳnh trưng bày tại bảo tàng. Hoạt động này không chỉ vì mục tiêu bảo tồn hiện vật được lâu dài mà còn hướng đến việc phát huy giá trị hiện vật ngày càng hiệu quả

Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam tặng sách cho Trung Tâm

Thùy Dương

Trong tháng 1 năm 2018, Văn phòng dự án công bố, phổ biến tài sản văn hóa văn nghệ dân gian Việt Nam thuộc Hội văn nghệ Dân gian Việt Nam đã tiếp tục gửi tặng cho Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An 103 đầu sách. Những đầu sách này là các công trình sưu tầm, khảo cứu về: Ca dao, thơ ca, địa danh, giai thoại, truyện cổ, lễ hội, nghề thủ công, nghệ thuật múa, các nghi lễ, các sự tích, tín ngưỡng dân gian, nghiên cứu văn hóa - văn nghệ dân gian, tri thức dân gian, văn hóa ẩm thực,... trên khắp mọi miền đất nước Việt Nam. Tính đến nay Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam đã hỗ trợ cho Trung tâm trên 625 đầu sách công bố tài sản văn hóa văn nghệ dân gian Việt Nam của Trung ương Hội, góp phần làm phong phú và đặc sắc thêm tủ sách tư liệu của Trung tâm

VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH GIỚI THIỆU NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ VÀ QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA VÀ THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI Ở VIỆT NAM

Quản lý Di tích

Ngày 21/9/2017, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã ký ban hành Nghị định số 109/2017/NĐ-CP quy định về Bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam. Nghị định này gồm 4 chương, 24 điều, có hiệu lực từ ngày 10/11/2017. Trong số 04 (40) - 2017, Ban biên tập trích giới thiệu chương I và II của Nghị định trên. Nay xin được tiếp tục giới thiệu chương III và IV để chúng ta cùng tham khảo.

Chương III

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ VÀ QUẢN LÝ DI SẢN THẾ GIỚI

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về di sản thế giới, cụ thể:

1. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới, quy chế bảo vệ di

sản thế giới theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 Nghị định này.

2. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới, quy hoạch tổng thể di sản thế giới, đề án, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo di sản thế giới, dự án cải tạo, xây dựng công trình nằm ngoài khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới có nguy cơ ảnh hưởng đến giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thỏa thuận việc điều chỉnh khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và đề nghị UNESCO.

4. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và quản lý di sản thế giới.

5. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam trong việc:

a. Giải quyết khuyến nghị của Ủy ban Di sản thế giới, Trung tâm Di sản thế giới và tổ chức tư vấn của Ủy ban Di sản thế giới;

b. Thực hiện chủ trương, chính sách của UNESCO về di sản thế giới trên toàn cầu nói chung, di sản thế giới ở Việt Nam nói riêng;

c. Thực hiện trách nhiệm là thành viên của Ủy ban Di sản thế giới trong nhiệm kỳ được bầu và thành viên của tổ chức tư vấn của UNESCO về lĩnh vực di sản thế giới;

d. Chỉ đạo tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới lập báo cáo định kỳ việc thực hiện Công ước Di sản thế giới.

6. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ và quản lý di sản thế giới; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền trong lĩnh vực bảo vệ và quản lý di sản thế giới.

Điều 19. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a. Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc quản lý nhà nước đối với lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp tại khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới theo quy định của pháp luật có liên quan;

b. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc hướng dẫn thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới trong trường hợp di sản thế giới có khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới là một phần hoặc toàn bộ diện tích của rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a. Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc quản lý nhà nước đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, địa chất, khoáng sản tại khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới theo quy định của pháp luật có liên quan;

b. Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án triển khai trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới theo quy định của pháp luật;

c. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc hướng dẫn thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới trong trường hợp di sản thế giới có khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới là một phần hoặc toàn bộ diện tích của khu bảo tồn thiên nhiên.

3. Bộ Xây dựng

Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới, đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cân đối, xác định tổng mức đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể di sản thế giới;

b. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cân đối và bố trí nguồn vốn cho việc triển khai quy hoạch tổng thể di sản thế giới đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phù hợp với quy định của

pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước;

c. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới, đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới.

5. Bộ Tài chính

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cân đối, xác định tổng mức đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể di sản thế giới;

b. Bố trí vốn cho việc xây dựng và triển khai các nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới, đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về di sản thế giới theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và quản lý di sản thế giới trong phạm vi địa phương.

2. Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới; xây dựng, phê duyệt quy

chế bảo vệ di sản thế giới theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 Nghị định này.

3. Tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới, kế hoạch quản lý di sản thế giới, quy chế bảo vệ di sản thế giới theo chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và bộ, ngành liên quan.

4. Tổ chức xây dựng hồ sơ điều chỉnh khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và đề nghị UNESCO.

5. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và quản lý di sản thế giới; ngăn chặn và xử lý đối với tổ chức, cá nhân có hành vi xâm hại di sản thế giới trong việc thực hiện các hoạt động kinh tế - xã hội ở khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới.

6. Quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động bảo vệ và quản lý di sản thế giới bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả và tránh thất thoát; phân bổ nguồn thu quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 17 cho các hoạt động bảo vệ và quản lý di sản thế giới.

7. Huy động các nguồn lực thực hiện dự án thành phần thuộc quy hoạch tổng thể di sản thế giới, kế hoạch quản lý di sản thế giới.

8. Quyết định việc thành lập Quỹ bảo tồn di sản thế giới theo quy định của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện nhằm thu hút tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân

trong nước và nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

9. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về di sản thế giới ở trung ương và địa phương khác trong hoạt động tuyên truyền, quảng bá di sản thế giới.

10. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý những vướng mắc về chế độ, chính sách trong việc bảo vệ và quản lý di sản thế giới.

11. Định kỳ quý I hằng năm, gửi báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện của năm trước đó đối với quy hoạch tổng thể di sản thế giới, kế hoạch quản lý di sản thế giới và đề xuất kế hoạch triển khai tiếp theo của việc thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới, kế hoạch quản lý di sản thế giới về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và bộ, ngành liên quan.

12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ tổ chức bảo vệ và quản lý di sản thế giới thuộc phạm vi địa phương mình theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia

1. Tư vấn những vấn đề khoa học liên quan đến việc lập và triển khai quy hoạch tổng thể di sản thế giới, kế hoạch quản lý di sản thế giới theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Phối hợp kiểm tra việc thực hiện cam kết quốc tế về bảo vệ, quản lý di sản thế giới khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị.

3. Thực hiện nhiệm vụ khác liên quan đến di sản thế giới theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới chịu trách nhiệm xây dựng và phê duyệt đề án kiện toàn bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới hiện có theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định này.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2017.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, kiểm tra tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến bảo vệ và quản lý di sản thế giới ở Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này ♦

DI SẢN ĐÓ ĐÂY

ANGKOR

Diệu Châu
(Sưu tầm & dịch)

Angkor là một trong những khu khảo cổ học quan trọng nhất ở Đông Nam Á. Trải dài hơn 400 km², bao gồm khu vực rừng, Công viên Khảo cổ học Angkor trong đó có các tàn tích tuyệt đẹp của những kinh đô khác nhau thuộc Đế quốc Khmer, từ thế kỷ IX đến XV. Đó là Ngôi đền nổi tiếng Angkor Wat và ở Angkor Thom, ngôi đền Bayon với vô số các tác phẩm điêu khắc. UNESCO đã thiết lập một chương trình trên phạm vi rộng nhằm bảo vệ biểu tượng này và khu vực xung quanh.

Giá trị nổi bật toàn cầu

Angkor, thuộc tỉnh Siem Reap phía bắc Campuchia, là một trong những khu khảo cổ học quan trọng nhất của Đông Nam Á. Nó trải dài khoảng hơn 400 km² và bao gồm các đền, công trình thủy lợi (các lưu vực, đê, hồ chứa, kênh đào) cũng như các tuyến giao thông. Trong vài thế kỷ, Angkor là trung tâm của Vương quốc Khmer. Với các di tích ấn tượng, một vài đô thị cổ khác biệt nhau và các

hồ chứa nước lớn, khu di sản là nơi tập trung những đặc điểm độc đáo minh chứng cho một nền văn minh đặc biệt. Các ngôi đền như Angkor Wat, Bayon, Preah Khan và Ta Prohm, những mô hình

kiến trúc Khmer, có liên quan chặt chẽ với bối cảnh địa lý cũng như mang ý nghĩa tượng

trung. Kiến trúc và cách bố trí của các kinh đô nối tiếp nhau chứng minh cho một trình độ xã hội cao trong Đế quốc Khmer. Vì vậy, Angkor là minh chứng cho các giá trị văn hóa, tôn giáo, biểu trưng, cũng như mang ý nghĩa kiến trúc, khảo cổ và nghệ thuật cao.

Công viên này có người ở và nhiều làng quê, một vài trong số họ có tổ tiên thuộc thời đại Angkor sống phân bố trong khu công viên. Dân cư làm nông nghiệp và đặc biệt là trồng lúa.

Tiêu chí (i): Quần thể Angkor đại diện nguyên vẹn của nghệ thuật Khmer từ thế kỷ IX đến thế kỷ XIV và bao gồm một số kiệt tác nghệ thuật nổi bật. (ví dụ như Angkor Wat, Bayon, Banteay Srei).

Tiêu chí (ii): Sự ảnh hưởng sâu sắc của nghệ thuật Khmer đối với nhiều nước Đông Nam Á và đóng vai trò cơ bản trong quá trình phát triển đặc biệt của nó.

Tiêu chí (iii): Đế quốc Khmer thế kỷ IX đến XIV đóng vai trò cơ bản trong



sự phát triển chính trị và văn hóa khu vực. Tất cả các tàn tích của nền văn minh đó là di sản phong phú về các công trình kiến trúc thờ cúng làm bằng gạch và đá.

Tiêu chí (iv): Kiến trúc Khmer phát triển trên phạm vi rộng lớn xuất phát từ tiểu lục địa Ấn Độ, từ đó nó nhanh chóng phát triển các đặc trưng riêng của mình, một số đã phát triển độc lập và số khác tiếp thu các truyền thống văn hoá lân cận. Kết quả là một chân trời nghệ thuật mới trong nghệ thuật và kiến trúc phương Đông.

Tính nguyên vẹn

Quần thể Angkor bao gồm tất cả các tòa nhà kiến trúc và hệ thống thủy lợi từ thời Khmer, hầu hết các “*barays*” (*hồ chứa nước*) và kênh đào vẫn tồn tại đến ngày nay. Tất cả các khía cạnh riêng biệt đó minh họa cho sự nguyên vẹn của khu di sản này phản ánh sự huy hoàng một

thời của các thành phố. Tuy nhiên, Tính toàn vẹn này đang phải chịu hai áp lực:

Nội sinh: hơn 100.000 dân cư phân bố trên 112 khu định cư nằm rải rác khắp khu di sản, họ luôn cố gắng mở rộng khu vực ở;

Ngoại sinh: liên quan đến mối quan hệ gần gũi về thị trấn Siem Reap, địa thế của tỉnh và một trung tâm du lịch.

Tính chân xác

Các công trình bảo tồn và phục hồi trước đó ở Angkor giữa những năm từ 1907 đến 1992, đặc biệt do École Française d’Extrême-Orient (*EFEO*), Nghiên cứu Khảo cổ học của Ấn Độ, nhóm bảo tồn Ba Lan PKZ, Quỹ Di tích Thế giới không có ảnh hưởng đáng kể đến toàn bộ tính chân xác của các di tích cấu thành nên quần thể Angkor.



Yêu cầu bảo vệ và quản lý

Tài sản được bảo vệ hợp pháp bởi Sắc lệnh Hoàng gia về Phân vùng Khu vực Siem Reap/Angkor thông qua ngày 28/5/1994 và Luật pháp về bảo vệ di sản thiên nhiên và văn hóa ban hành ngày 25/01/1996, Sắc lệnh Hoàng gia về việc thành lập Cơ quan quốc gia APSARA (*Cơ quan bảo vệ khu di sản và quản lý vùng Angkor*) thông qua ngày 19/2/1995, Quyết định số 70 SSR ngày 16/9/2004 của chính phủ về sử dụng đất trong Công viên Angkor: “*Tất cả đất đai nằm trong khu vực 1 và 2 của Angkor là tài sản của Nhà nước*” và tiểu sắc lệnh số 50 ANK/BK về tổ chức và hoạt động của Cơ quan quốc gia APSARA thông qua vào ngày 09/5/2008, đặc biệt dành cho việc thành lập Cục Quản lý sử dụng đất và Sinh cảnh ở Công viên Angkor.

Nhằm tăng cường và làm sáng tỏ quyền sở hữu và xây dựng các quy tắc

trong khu vực được bảo vệ 1 và 2, các cột ranh giới đã được đặt vào năm 2004 và 2009, đã hoàn thành vào năm 2012.

ICC-Angkor (*Ủy ban Điều phối Quốc tế về Bảo vệ và Phát triển Khu di tích lịch sử Angkor*) được thành lập vào ngày 13/10/1993, đảm bảo sự phối hợp liên tục của các dự án liên quan đến khoa học, phục hồi và bảo tồn, do Chính phủ Hoàng gia Campuchia và các đối tác quốc tế thực hiện. Nó đảm bảo tính nhất quán của các dự án khác nhau và xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật và tài chính và kêu gọi sự quan tâm của tất cả các bên liên quan khi cần đến. Nó cũng góp phần quản lý toàn bộ tài sản và sự phát triển bền vững của chính nó.

Với việc đưa khu di sản ra khỏi Danh sách Di sản Thế giới có nguy cơ bị đe dọa năm 2004, Cơ quan Quốc gia APSARA đã bảo tồn thành công di sản, dưới sự giám sát của ICC-Angkor.

Angkor là một trong những khu khảo cổ học lớn nhất trên thế giới. Du lịch đại diện cho một tiềm lực kinh tế to lớn nhưng nó cũng có thể gây ra sự phá hủy không thể khắc phục được cho di sản văn hoá vật thể cũng như phi vật thể. Nhiều dự án nghiên cứu đã được thực hiện từ chương trình bảo vệ quốc tế lần đầu tiên được phát động vào năm 1993. Mục tiêu nghiên cứu khoa học (ví dụ nghiên cứu nhân học về điều kiện kinh tế xã hội) mang lại kiến thức và hiểu biết tốt hơn về lịch sử di sản, và những cư dân ở đó tạo nên một di sản phi vật thể đặc biệt phong phú. Mục đích là để tăng cường liên kết “văn hóa phi vật thể” và các di tích, giúp người dân địa phương cảm nhận được tầm quan trọng và sự cần

thiết của việc bảo vệ và bảo tồn và phát huy khu di sản sống Angkor, nơi mà người Khmer nói chung, đặc biệt là người dân địa phương, quen với những truyền thống tổ tiên và gắn bó với nhiều tục lệ văn hóa cổ xưa đã dần biến mất. Người dân sùng kính các vị thần đền và tổ chức các nghi lễ và hành lễ trang trọng, gồm cầu nguyện, nhạc truyền thống và khiêu vũ. Hơn nữa, Công viên Khảo cổ học Angkor rất phong phú về các loại cây thảo dược, được người dân địa phương dùng để chữa bệnh. Những cây này được chuẩn bị và mang đến các khu đền khác nhau với ý nghĩa các vị thần ban phúc lành. Đền Preah Khan được xem là một trường đại học về y học và NeakPoan một bệnh viện thời cổ. Di sản phi vật thể được làm giàu thêm bởi nghề dệt giỏ và nguyên liệu dệt truyền thống và sản xuất đường từ cọ, tất cả các sản phẩm được bày bán ở các chợ địa phương và cho khách du lịch, vì thế đóng góp cho sự phát triển bền vững và sinh kế của người dân đang sống xung quanh khu Di sản Thế giới.

Công cụ nghiên cứu chung được tạo ra như là “*công cụ đo lường*” để nhận biết nhu cầu, mong muốn và thái độ cư xử của khách du lịch nhằm hoạch định chính sách, giám sát sự phát triển, chuẩn bị một chính sách quản lý và nâng cấp các di sản chưa được biết đến.

Việc quản lý Angkor luôn quan tâm đến vấn đề dân cư đang sinh sống trong khu di sản gắn liền với sự phát triển kinh tế du lịch theo hướng phát triển bền vững và giảm nghèo.

Hai đóng góp lớn hỗ trợ cho Cơ quan Quốc gia APSARA trong vấn đề này là:



Kế hoạch Quản lý Angkor (AMP) và Dự án Tham gia Phát triển Cộng đồng (CDPP), hợp tác song phương cùng với Chính phủ New Zealand. AMP giúp cho Cơ quan Quốc gia APSARA cải tổ lại và tăng cường các khía cạnh thể chế, CDPP chuẩn bị bản đồ sử dụng đất với sự tham gia thử nghiệm của cộng đồng và hỗ trợ các dự án nhỏ liên quan đến phát triển du lịch nhằm nâng cao thu nhập của người dân sống trong khu vực bảo tồn;

Khuôn khổ quản lý di sản bao gồm Kế hoạch Quản lý Du lịch và Bản đồ Rủi ro về di tích và tài nguyên thiên nhiên; một sự hợp tác đa phương với Chính phủ Úc và UNESCO. Công việc phân tích và hoạch định ban đầu cho chiến lược quản lý sẽ tính đến việc bảo tồn không gian đặc biệt của Angkor. Tất cả các quyết định phải đảm bảo khả năng tiếp cận về thể chất, tinh thần và tình cảm dành cho khu di sản của khách du lịch ♦

Nguồn: <http://whc.unesco.org/en/list/668>.

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC VĂN HÓA, THÔNG TIN, THỂ THAO THÀNH PHỐ HỘI AN - NĂM 2018

Thực hiện chương trình công tác năm 2018 của Thành ủy, UBND thành phố; lãnh đạo Phòng VH và TT, Trung tâm VH-TT, Trung tâm QLBTDSVH, Đài TT-TH thành phố đã thống nhất trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị để tiến hành tổng hợp thành chương trình công tác chung của toàn ngành năm 2018. Trong đó, xác định những nội dung công việc trọng điểm, liên kết các đầu mối của ngành và có sự phối hợp của các địa phương, đơn vị, ngành liên quan; đồng thời đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành một cách tập trung đối với các hoạt động Văn hóa - Thông tin - Thể thao trên địa bàn Thành phố.

1. Quản lý và tổ chức các hoạt động Văn hóa - Văn nghệ:

- Tập trung tham mưu và chủ trì, phối hợp xây dựng chương trình tổng thể, các Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết về “Xây dựng và phát triển văn hóa con người Hội An đáp ứng yêu cầu xây dựng Thành phố sinh thái, văn hóa, du lịch”. Khẩn trương lập quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hoá nói chung, quy hoạch hệ thống thiết chế văn hoá nói riêng trong toàn thành phố, ưu tiên quy hoạch đầu tư các công trình văn hóa- thể thao trọng điểm, các không gian công cộng, khu vui chơi giải trí, khu hoạt động văn hóa- thể thao, sân chơi trẻ em, các công trình phúc lợi xã hội, hệ thống cây xanh, hồ điều tiết, công viên, lâm viên, cụm tượng đài, vườn tượng, các công trình điêu khắc, kiến trúc, mỹ thuật... để tôn tạo cảnh quan môi trường của thành phố.

- Tích cực tham mưu, chủ trì, phối hợp triển khai kế hoạch hoạt động lễ hội, sự kiện năm 2018 trên tinh thần đổi mới, cải tiến, chú trọng đẩy mạnh xã hội hóa huy động nhiều nguồn lực và đa dạng các chủ thể, phát huy vai trò và trách nhiệm cộng đồng trong tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện. Trọng tâm là tham mưu tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 10 năm thành lập thành phố Hội An, 40 năm thành lập xã đảo Tân Hiệp; chuẩn bị Kỷ niệm 20 năm Khu phố cổ Hội An được công nhận là Di sản văn hóa thế giới, 10 năm Cù Lao Chàm-Hội An được công nhận Khu dự trữ sinh quyển thế giới.

- Phối hợp triển khai các dự án Công viên đài tưởng niệm xã Cẩm Thanh, Công viên Hội An; Hoàn thiện phương án lắp đặt các biểu tượng, công trình mỹ thuật để cải thiện cảnh quan, tạo không gian nghệ thuật tại Cảng du lịch Cửa Đại, Cù Lao Chàm, bãi tắm An Bàng, bãi tắm Cửa Đại; phương án kiến trúc Công viên và đài tưởng niệm phường Cẩm Châu, cải tạo thay thế lan can cầu hồ nước tượng đài chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu. Tập trung kiện toàn và phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm VH - TT xã phường, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, khối phố. Tiếp tục hợp tác với tổ chức HealthBridge triển khai các dự án trong chương trình “Cải thiện không gian mở để người dân thành thị có môi trường sống khỏe và tốt đẹp”, Đề án phát triển Không gian công cộng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện “Đề án xây dựng làng quê - làng nghề sinh thái xã Cẩm Kim giai đoạn 2017-2020”, “Đề án phát triển bền vững xã đảo Tân Hiệp trên cơ sở bảo tồn

và phát huy giá trị của khu dự trữ sinh quyển thế giới CLC - Hội An giai đoạn 2017-2025”. Phối hợp với các đơn vị liên quan tập trung đầu tư các công trình văn hóa trong chương trình xây dựng Nông thôn mới tại xã Cẩm Kim, Tân Hiệp và các mô hình văn hóa phần đầu đạt các tiêu chí để công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng cao chất lượng xã nông thôn mới tại Cẩm Thanh và Cẩm Hà.

- Hoàn thiện đề án “Vé điện tử - số hóa” đưa vào hoạt động, nâng cấp hạ tầng và nội dung hoạt động “Không gian Văn hoá Việt Nam - Nhật Bản”, ra mắt và triển khai đề án “Hội An- Nhân tình thuận hậu”, hoàn thành triển khai đề án “Phổ nghệ thuật Việt-Pháp”. Phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan duy trì, nâng cao chất lượng các sản phẩm văn hóa - du lịch hiện có, đồng thời đưa sản phẩm phổ ẩm thực, khu biểu diễn nghệ thuật tại công viên Đồng Hiệp vào hoạt động trong quý I/2018.

- Tổ chức Hội thi “Hô hát Bài chòi”, Hội diễn NTQC CNVC-LĐ, Liên hoan Thanh niên hát Dân ca Bài chòi, mở các lớp hát dân ca tại trường THCS Nguyễn Bình Khiêm và THCS Phan Bội Châu, lớp dạy hát dân ca và hợp xướng hằng đêm, lớp múa, lớp thanh nhạc, lớp truyền vai hát Bội cho thiếu nhi. Tham gia đầy đủ các Hội thi, Hội diễn văn hóa văn nghệ do tỉnh tổ chức.

- Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa- thể thao, văn học- nghệ thuật, chú trọng phát triển các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng trong các cơ quan, trường học và địa bàn dân cư, tạo ra khí thế sinh hoạt văn hoá sôi nổi, lành mạnh ở cơ sở. Tổ chức tốt sinh hoạt cộng đồng, lễ hội, hội diễn, hội thi, biểu diễn phục vụ để góp phần nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh thiếu niên.

- Tham mưu các giải pháp phát huy tiềm năng nguồn lực con người và tài nguyên văn hóa; trọng dụng, tôn vinh, đãi ngộ trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân; phát triển năng khiếu và tài năng trẻ. Hỗ trợ và tiếp tục xúc tiến thành lập các tổ chức xã hội về văn học nghệ thuật, phát huy tài năng sáng tạo và đóng góp của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân. Ban hành quy định hỗ trợ các tác phẩm nghiên cứu, sáng tác về Hội An, Giải thưởng Văn hóa Hội An.

2) Công tác xây dựng đời sống văn hóa và gia đình:

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn hệ thống chỉ đạo, điều hành từ Thành phố đến cơ sở, tạo sức bật mới cho phong trào. Sau khi Ban chỉ đạo và các ban điều hành xây dựng Hội An - Thành phố Sinh thái - Văn hóa - Du lịch và Văn phòng Ban chỉ đạo được chính thức thành lập, kịp thời ban hành quy chế hoạt động, phân công, phân nhiệm cho các thành viên nhằm tăng cường trách nhiệm theo từng ngành, từng lĩnh vực; thường xuyên bám sát cơ sở để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn phong trào.

- Tổ chức các Hội nghị chuyên đề xây dựng mô hình Gia đình văn hóa, Tộc họ văn hóa, đơn vị văn hóa, văn hóa học đường, văn hóa công sở, điểm kinh doanh đạt chuẩn văn minh... Nghiên cứu vận dụng các quy định chung của trung ương và tỉnh, đồng thời căn cứ vào điều kiện, đặc điểm của thành phố để điều chỉnh, bổ sung nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình công nhận các danh hiệu văn hóa cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các mô hình.

- Tham mưu Tổng kết 20 năm thực Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; 25 năm thực hiện cuộc vận động Xây dựng NSVM-GĐVH. Tham mưu, phối hợp tổ chức phát động Năm xây dựng

Nếp sống văn minh- Mỹ quan đô thị 2018.

- Tiếp tục triển khai Đề án “Tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình” giai đoạn 2016-2020; phối hợp Hội LHPN tiếp tục củng cố, nhân rộng mô hình CLB “Gia đình hạnh phúc”, “Phòng chống bạo lực gia đình”, “Địa chỉ tin cậy”. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ gia đình cơ sở, Ban chủ nhiệm các CLB, địa chỉ tin cậy. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3, Ngày Gia đình Việt Nam 28/6, Ngày Quốc tế xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ 25/11. Tổng kết 10 năm thi hành Luật Phòng chống bạo lực gia đình (2008-2018).

3. Bảo tồn và phát huy Di sản văn hóa:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mọi người về việc bảo tồn các di sản văn hóa (văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể) và tài nguyên sinh thái; trong đó, chú trọng tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành về lĩnh vực di sản văn hóa, quản lý Di sản văn hóa thế giới; giá trị và truyền thống lịch sử- văn hóa vùng đất và con người Hội An. - Nghiên cứu giải pháp phát huy các giá trị văn hóa của các tôn giáo, cộng đồng người Hoa, đồng bào các dân tộc, người nước ngoài định cư ở Hội An.

- Tham mưu rà soát, kiện toàn bộ máy nhân sự, cơ chế phối hợp, các quy trình... để chủ động hơn trong việc triển khai thực hiện các dự án thành phần của đồ án “Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di sản văn hóa thế giới - Đô thị cổ Hội An gắn với phát triển du lịch”. Tích cực huy động các nguồn kinh phí để đầu tư mạnh hơn cho công tác nghiên cứu, quản lý, tôn tạo, tu bổ các di tích và bảo tồn sinh thái.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Trong đó, tích cực tham mưu tích hợp các quy chế liên quan đã ban hành những năm trước để điều chỉnh, bổ sung nội dung xây dựng quy chế chung “Quản lý, bảo vệ khu phố cổ - Di sản văn hóa thế giới” và điều chỉnh qui chế “Quản lý bảo tồn làng gốm Thanh Hà”; Kế hoạch quản lý Di sản văn hóa thế giới Hội An...

- Tiếp tục triển khai tu bổ khẩn cấp, chống xuống cấp và trùng tu tôn tạo các di tích theo kế hoạch; tăng cường công tác quản lý hoạt động tu bổ di tích tư nhân, tập thể đảm bảo không gian, cảnh quan khu di sản. Các dự án trọng điểm: Trưng bày Bảo tàng Hội An, Phòng chống cháy khu phố cổ; Bảo tồn, phát huy di tích Rừng Dừa Bảy Mẫu; Nâng cấp nhà đón tiếp và thông tin trưng ở Bãi làng; Lắp đặt bảng thông tin, bảng chỉ đường các di tích trên địa bàn Thành phố...; rà soát, bổ sung hoàn thiện hồ sơ pháp lý, hồ sơ khoa học, ứng dụng công nghệ số đối với các đối tượng quản lý trong Khu vực phố cổ.

- Tiếp tục triển khai các công trình “Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An”, “Điều tra, nghiên cứu đề xuất hướng bảo tồn, phát huy di sản văn hóa”, hoàn thành khai quật di tích Ruộng đồng cao; Khảo sát, đánh giá, đề xuất hướng bảo tồn, phát huy các công trình ảnh hưởng kiến trúc Pháp ở Hội An cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; Hoàn thành hồ sơ trình công nhận di tích cấp Tỉnh “Khu phố mang dấu ấn kiến trúc Pháp”; Trình duyệt phương án trưng bày về truyền thống khoa bảng Quảng Nam và Hội An tại di tích miếu Khổng Tử, đề án “Sân xuất gạch, ngôi phục vụ tu bổ di tích”, phương án tôn tạo khu căn cứ Thị ủy tại vườn Xã Tiếp xã Cẩm Thanh; khánh thành bảo tàng Nghề y; hoàn thành việc nâng cấp bảo tàng Văn hóa Dân gian, Gốm sứ Mậu dịch; phát hành tờ gấp giới thiệu về các bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh,

Gồm sứ Mậu dịch, Văn hóa Dân gian.

- Tham mưu thành phố có chương trình, chính sách phát huy Nghệ thuật Bài chòi-di sản VHPVT của nhân loại trong cộng đồng dân cư của thành phố.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ pháp lý và khoa học (bước đầu) về di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và hoàn thành xây dựng bộ khung phần mềm quản lý di sản. Kiện toàn công tác quản lý di tích ở các địa phương (thành lập tổ quản lý di tích, đặt bảng nội qui, dựng bia cấm mốc, trích lục bản đồ...)

- Biên tập, in, xuất bản Tập san Văn hóa Hội An - Xuân 2018; ấn phẩm kỷ niệm 10 năm thành lập thành phố, xuất bản sách “Di tích Chùa Cầu” “Lịch sử văn hóa Cẩm Kim”; hoàn thành bản thảo Di sản Hán nôm tập 6; tổ chức hoạt động tuyên truyền "Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng" hàng tuần; hoàn chỉnh, tham mưu ban hành bộ tài liệu "Giáo dục di sản trong học đường của khối lớp 1 và lớp 6" và dự thảo bộ tài liệu "Giáo dục di sản trong học đường cho khối lớp 2 và lớp 7" (mỗi lớp 02 chủ đề).

- Thường xuyên giữ các mối quan hệ với các tổ chức quốc tế, các địa phương, thành phố có quan hệ giao lưu, kết nghĩa nhằm tìm kiếm thông tin về tài trợ cho công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản; Tiếp tục phối hợp với tổ chức JICA trong việc tuyển chọn tình nguyện viên dài hạn kế nhiệm để hỗ trợ Trung tâm phát huy hơn nữa hiệu quả của công tác trưng bày tại các bảo tàng; Tham mưu hoàn thành dự án “đa dạng hóa sinh kế thông qua du lịch di sản tại các làng nông - ngư nghiệp vùng sâu vùng xa” thực hiện tại Cù Lao Chàm.

4. Công tác Thông tin - Truyền thông:

- Tích cực đầu tư phát triển các loại hình thông tin, cổ động trực quan nhằm phục vụ hiệu quả công tác tuyên truyền chính trị và quản lý Nhà nước về kinh tế, văn hóa, xã hội. Tham mưu lập phương án bổ sung quỹ tên đường và đặt tên đường Thành phố Hội An trình tỉnh phê duyệt. Xây dựng Đề án Quy hoạch hệ thống cổ động trực quan, quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hội An giai đoạn 2018-2025.

- Tham mưu phân cấp quản lý và trách nhiệm thực hiện công tác cổ động trực quan ở những địa bàn trung tâm, các tuyến giao thông chính. Đẩy mạnh xã hội hóa, vận động đối tác thực hiện, quản lý và khai thác hệ thống cổ động trực quan tuyên truyền nhiệm vụ chính trị cũng như nhu cầu quảng cáo, thông tin rao vặt trên địa bàn thành phố. Giám sát, hỗ trợ triển khai các dự án Công viên Ấn tượng Hội An, dự án lắp đặt nghệ thuật trang trí ánh sáng tại các tuyến đường cửa ngõ vào thành phố, cầu An Bàng và các dự án của các đối tác về đầu tư phát triển văn hóa. Quản lý và phát huy hiệu quả trạm phát sóng truyền hình mặt đất DVB-T2 xã Tân Hiệp theo dự án đầu tư của Chính phủ, dự án “Cửa sổ Du lịch” do Tổng cục du lịch tài trợ, dự án camera ghi hình trực tiếp do Đại sứ Úc tài trợ.

- Tham mưu trình duyệt Đề án "Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống truyền thanh cơ sở thành phố Hội An giai đoạn từ nay đến năm 2020". Tăng cường sản xuất, tiếp âm và phát sóng các chương trình phát thanh đúng quy định. Nâng cao chất lượng, sáng tạo, đổi mới nội dung và phương thức thể hiện các chương trình phát thanh, truyền hình, các website nhằm thu hút, nâng tỷ lệ bạn nghe Đài, xem chương trình truyền hình và truy cập web. Đầu tư chất lượng chương trình truyền hình Hội An trên sóng Đài PTTH Quảng Nam, bên cạnh các chương trình thời sự tổng hợp xây dựng các phóng sự chuyên đề phản ánh chuyên sâu từng lĩnh vực; giới thiệu, quảng bá hình ảnh Hội An. Tăng chu kỳ và tần suất tổng

hợp thông tin báo chí viết về Hội An.

- Kiện toàn bộ máy và ban hành Quy chế hoạt động Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT thành phố. Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan hành chính năm 2018. Phối hợp khẩn trương triển khai thực hiện Đề án thành lập Trung tâm hành chính công thành phố. Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử, các Trang Thông tin Văn hóa- Du lịch, nâng cấp, đảm bảo chất lượng của hệ thống mạng wifi miễn phí, đáp ứng nhu cầu truy cập thông tin của người dân và du khách, phục vụ nhiệm vụ chính trị của thành phố và quảng bá hình ảnh Hội An.

- Tích cực tham mưu đẩy mạnh phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực công nghệ thông tin; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý hành chính, góp phần cải cách thủ tục hành chính phục vụ nhân dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Thực hiện tốt quản lý nhà nước về thông tin - truyền thông trên địa bàn thành phố; hỗ trợ, giám sát và kiểm tra hoạt động của các đại lý bưu chính, viễn thông, các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực bưu chính và chuyển phát, Bưu điện văn hóa xã; hoạt động in ấn, photocopy; điểm dịch vụ Internet công cộng, trò chơi điện tử...

- Triển khai hoạt động phần mềm tra cứu và website Thư viện Thanh Hóa- Hội An; nghiên cứu phát triển các dịch vụ thư viện, đồng thời tăng cường bổ sung sách và các tài liệu thông tin đáp ứng nhu cầu phục vụ bạn đọc. Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình “Góp sách xây dựng các tủ sách cộng đồng”; Kế hoạch “Chúng em cùng nhau khám phá Thư viện” (tham quan, xem phim, tham gia trò chơi...). Chú trọng phát triển mạng lưới thư viện, điểm đọc sách báo công cộng, khuyến khích các hoạt động chấn hưng “văn hóa đọc”.

5. Hoạt động Thể dục Thể thao:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển sự nghiệp TDTT thành phố Hội An giai đoạn 2014-2020, định hướng 2025. Trong đó, tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2015 -2017 và triển khai thực Đề án giai đoạn 2018 -2020.

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình an toàn, phòng chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2017-2020; tập huấn chương trình bơi an toàn cho các huấn luyện viên, đoàn viên, cán bộ phụ trách văn hóa thông tin xã, phường gắn với triển khai chương trình bơi an toàn phòng, chống đuối nước trẻ em 2018.

- Triển khai dự án đầu tư cải tạo nâng cấp Nhà tập luyện và thi đấu TDTT thành phố Hội An; thúc đẩy triển khai xây dựng Trung tâm huấn luyện bơi lội- thi đấu thể thao dưới nước tại công viên tượng đài Nguyễn Duy Hiệu; quản lý quy hoạch và hoạt động tại các khu thể thao biển Cẩm An, Cửa Đại, Cù Lao Chàm. Phối hợp với Sở VHTTDL lắp đặt dụng cụ tập luyện thể dục thể thao ngoài trời trên địa bàn thành phố theo kế hoạch của Tỉnh.

- Tiếp tục tham gia các nội dung thi đấu tại Đại hội TDTT tỉnh lần thứ VIII- 2018; tổ chức tốt các giải Bóng đá thiếu niên, Bóng đá nam, Bóng chuyền nam, Bơi lội, Cờ tướng, Bóng bàn, Cầu lông, Điền kinh, Đua thuyền nam, Đua thuyền nữ, Võ cổ truyền, Bóng bàn, Cầu lông.

LỊCH LỄ HỘI, SỰ KIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỘI AN NĂM 2018

SỐ T T	TÊN SỰ KIỆN, LỄ HỘI	THỜI GIAN TỔ CHỨC (Theo DL&AL)	ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC CHÍNH	Ý NGHĨA, NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG
01	Hội An chào năm mới 2018	Ngày 31/12/ 2017 và 01/01/2018 (14-15/11 AL)	Vườn tượng An Hội, khu phố cổ, các điểm sinh hoạt văn hóa	Dạ hội chào năm mới, đón đoàn khách đầu tiên tham quan Hội An trong năm mới 2018; biểu diễn nghệ thuật;...
02	Ngày Hội cây Quạt cảnh Cẩm Hà lần III- 2018	Ngày 27-28/01/2018 (11-12/12 AL)	Khu dân cư Trảng Kèo	Trình diễn nghề, trưng bày, giới thiệu các sản phẩm chế biến từ quạt, đấu giá cây quạt cảnh đẹp...
03	Lễ Giỗ Tổ nghề may	Ngày 28/01/2018 (12/12AL)	Các gia đình, cơ sở làm nghề may	Cúng Tổ nghề, nâng cao thương hiệu, khuyến mãi, giới thiệu sản phẩm cùng du khách.
04	Kỷ niệm 5 năm kết nghĩa giữa thành phố Hội An và thành phố Wernigerode (Đức)	Ngày 8-10/02/2018 (23-25/12 AL)	Quảng trường Sông Hoài, vườn tượng An Hội, khu phố cổ.	Các hoạt giao lưu, hợp tác của 2 thành phố, triển khai dự án “Xây dựng hệ thống cung cấp điện từ năng lượng mặt trời”.
05	Tết Nguyên Đán Mậu Tuất 2018; Kỷ niệm 88 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 – 3/2/2018); Kỷ niệm 50 năm Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968	Ngày 3 – 24/2/2018 (17/12 – M.9/Giêng)	Toàn dân; Các điểm sinh hoạt văn hóa; Khu phố cổ.	Trang trí, cổ động trực quan; lễ kỷ niệm; đền on đáp nghĩa; hội Tết trồng cây, phục dựng cây nêu, trưng bày hoa viên, chợ hoa, các hoạt động văn hóa cổ truyền, văn nghệ, thể thao,...
06	Lễ cúng Tổ nghề mộc Kim Bồng	Ngày 22/02/2018 (Mồng	Đình Tiên hiền Kim Bồng; Làng nghề mộc Kim Bồng.	Tưởng niệm Tổ nghề, tiên hiền làng; Các hội thi nghề, trình diễn

		6/Giêng)		nghề, giới thiệu sản phẩm.
07	Lễ hội Cầu Bông Trà Quế	Ngày 23/02/2018 (Mồng 7/Giêng)	Làng rau Trà Quế	Cúng Thần Nông, tiên hiền, cầu an; Tổ chức các hội thi nghề, giới thiệu sản phẩm, giao lưu cùng du khách.
08	Tết Nguyên Tiêu Mậu Tuất 2018	Từ 01- 3/3/2018 (14-16/Giêng)	Các Hội quán người Hoa; Quan Công Miếu, các đình, chùa, tịnh xá;	Các nghi thức tế lễ cổ truyền, múa lân, rồng, gập mặt đầu năm; Ngày Thơ Việt Nam; Đêm phố cổ
09	Hội Bắp Nếp Cẩm Nam 2018	Ngày 3-4/3/2018 (16-17/Giêng)	Bãi bắp khối Thanh Nam Đông, phường Cẩm Nam	Tổ chức các Hội thi nghề bắp, giới thiệu sản phẩm Bắp Nếp Cẩm Nam, trò chơi dân gian, giao lưu cùng du khách...
10	Lễ hội ẩm thực Quốc tế tại Hội An năm 2018	Ngày 10-16/3/2018 (23- 29/Giêng)	Vườn tượng An Hội, các nhà hàng.	Giới thiệu ẩm thực Hội An, Việt Nam và các nước, các hoạt động giao lưu văn hóa.
11	Giờ Trái Đất 2018	Tối ngày 24/3/2018 (8/2AL)	Trên toàn địa bàn thành phố Hội An	Tắt điện hưởng ứng Giờ Trái Đất, các hoạt động văn hóa nghệ thuật trong Khu phố cổ
12	Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập thành phố Hội An (29/02/2008 – 29/02/2018)	Ngày 24-28/3/2018 (8-12/2 AL)	Trên địa bàn thành phố	Mit-tinh, các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan; các hoạt động văn nghệ, thể thao, trưng bày, gập mặt, khen thưởng...
13	Lễ hội Cầu Ngư tại Cửa Đại	Ngày 01- 02/4/2018 (16- 17.2 AL)	Lăng Ông (khối Phước Thịnh, Cửa Đại), cửa biển.	Nghi thức cổ truyền; hát bả trạo; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, đua thuyền truyền thống...
14	Lễ Vía Lục Tánh Vương Gia	Ngày 01/4/2018 (16.2 AL)	Hội quán Phúc Kiến	Lễ vía 6 vị tướng, các bậc tiên hiền, múa lân, văn nghệ, gập mặt, xổ số
15	Lễ giỗ Tổ nghề Yến	Ngày 25/4/2018 (10.3 AL)	Miếu Tổ nghề Yến ở Bãi Hương - Cù Lao Chàm;	Cúng tế tưởng niệm các bậc tổ nghề, các vị thần; tổ chức gập mặt, tham quan du lịch.

16	Lễ hội Cầu Ngư ở Cù Lao Chàm	Từ 17-18/5/2018 (3- 4/4 AL)	Lăng Ông Ngư - xã Tân Hiệp.	Tín ngưỡng Cá Ông, các nghi thức, phong tục cổ truyền của cư dân miền biển, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch..
17	Lễ Phật Đản	Ngày 24 – 29/5/2018 (10 – 15/4 AL)	Các chùa, tịnh xá, cơ sở Phật giáo trên địa bàn thành phố, khu phố cổ	Kỷ niệm ngày đản sanh đức Phật, lễ tụng niệm, cầu an, diễu hành xe hoa, văn nghệ, cắm trại, hội hoa đăng, đêm phố cổ...
18	Tết Đoan Ngọ	Ngày 18/6/2018 (5.5AL)	Trên địa bàn thành phố	Cúng tổ tiên, đất đai, âm linh, lễ Tết diệt sâu bọ, mua sắm, vui chơi giải trí, ...
19	Kỷ niệm 40 năm thành lập xã Tân Hiệp (25/7/1978 – 25/7/2018); kỷ niệm 9 năm ngày Cù Lao Chàm – Hội An được công nhận Khu Dự trữ sinh quyển thế giới (26/5/2009 – 26/5/2018).	25/7/2018 (13/6 AL)	Xã Tân Hiệp-Cù Lao Chàm	Mít-tinh, các hoạt động văn nghệ, thể thao, du lịch, trưng bày, gặp mặt, khen thưởng... Tổng kết, đánh giá các Nghị quyết, đề án phát triển Tân Hiệp – Cù Lao Chàm.
20	Lễ vía Quan Công	Ngày 5/8/2018 (24.6AL)	Miếu Quan công (Chùa Ông).	Cúng viếng Quan Thánh đế quân, tế lễ,...
21	Giao lưu văn hóa Hội An- Nhật Bản lần thứ 16	Ngày 17- 19/8/2018 (7- 9/7 AL)	Khu phố cổ	Các hoạt động trình diễn, triển lãm, giao lưu văn hóa, nghệ thuật mang đậm bản sắc dân tộc của Việt Nam và Nhật Bản...
22	Festival gốm Việt Nam	Từ 19 đến 24/8/2018 (9-14/7 AL)	Làng gốm Thanh Hà, Công viên gốm Thanh Hà	Cúng Tổ nghề gốm theo nghi thức cổ truyền, hội thi nghề, triển lãm, trưng bày gốm; giao lưu, quảng bá thương hiệu gốm...
23	Lễ Vu Lan	Ngày 25/8/2018 (15/7 AL)	Các chùa, tịnh xá, đình, miếu	Lễ báo ân, báo hiếu, xá tội vong nhân và phổ độ chúng sinh; cầu siêu, cài hoa hồng, văn

				nghệ, thả hoa đăng, phóng sinh,...
24	Kỷ niệm 73 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc Khánh 2/9	Ngày 1 – 4/9/2018 (22-25/7 AL)	Trên địa bàn thành phố	Các các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; Liên hoan Nghệ thuật Sinh vật cảnh...
25	Hội Tết Trung thu Mậu Tuất 2018	Ngày 20- 24/9/2018 (11-15/8 AL)	Các điểm sinh hoạt văn hóa; Khu phố cổ	Các hoạt động múa Thiên cầu, Lân; văn nghệ thiếu nhi, trưng bày mâm cỗ, rước đèn Trung thu, Đêm phố cổ, ...
26	Chào mừng Ngày Du lịch Thế giới 2018	Ngày 27/9/2018 (18/8 AL)	Trên địa bàn thành phố.	Thông tin tuyên truyền, cổ động trực quan, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch.
27	Kỷ niệm Ngày Doanh nhân Việt Nam 13.10	Ngày 13/10/2018 (5/9 AL)	Trên địa bàn thành phố	Gặp mặt, tuyên dương doanh nghiệp, doanh nhân Hội An; diễn đàn doanh nghiệp, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao...
28	Kỷ niệm ngày Di sản Văn hóa Việt Nam; kỷ niệm 19 năm Đô thị cổ Hội An được công nhận DSVH Thế giới	23/11- 4/12/2018 (27 – 28/10 AL)	Khu phố cổ, các di tích	Các hoạt động tuyên truyền, tìm hiểu về di sản, gặp mặt các chủ di tích, miễn lệ phí vé tham quan; chạy việt dã.
29	Lễ Giáng Sinh - Noel 2018	24-25/12/2018 (18- 19/11 AL)	Nhà thờ công giáo, Tin Lành; các khách sạn, nhà hàng...	Các nghi thức lễ mừng Giáng sinh; trang trí, văn nghệ, vui chơi giải trí, giao lưu...
30	Đêm phố cổ Hội An	Đêm 14 âm lịch hàng tháng	Khu phố cổ	Các hoạt động phố đi bộ, các sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật cổ truyền, các trò chơi dân gian, hoa đăng...
31	Đêm Văn hóa Cơ Tu	Đêm 15 âm lịch hàng tháng	Khu phố cổ	Trình diễn trống chiêng, nhạc cụ, trang phục truyền thống; trưng bày hàng thủ công mỹ nghệ...

Th ảm ơn

Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản số này, Ban biên tập đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Nguyễn Văn Lanh, Nguyễn Chí Trung, Trần Văn An, Phùng Tấn Đông, Huỳnh Đồng, Nguyễn Đức Minh, Quảng Văn Quý, Nguyễn Hoài Quảng, Trần Xuân Mẫn, Phùng Tấn Vinh, Trương Nguyên Ngã, Lê Thị Tuấn, Võ Văn Hoàng, Khiếu Thị Hoài, Huỳnh Quốc Hải, Võ Hồng Việt, Phạm Phước Tịnh, Võ Duy Trung, Trần Thị Lệ Xuân, Nguyễn Cường, Trần Phương, Trần Thanh Hoàng Phúc, Nguyễn Thị Trang Thi, Huỳnh Bảo Vy, Lê Thị Thùy Dương, Đào Thị Diệu Châu, Nguyễn Thị Nữ Phương.

Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên không thể đăng hết các bài đã nhận. Những bài còn lại chúng tôi sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.

Ban Biên tập xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của quý tác giả.

Bìa 1: Chợ hoa, tranh của Lưu Công Nhân.

Bìa 4: Di tích đình Đẻ Vồng.